

15 THÁNG 7 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

VIỆT PHƯƠNG nhân ngày 20-7 nói về kế-hoạch thống
nhất đất nước của Cộng-sản Việt • VÕ PHIẾN người
Thượng trang nghiêm • TRẦN NGỌC NINH thương
thảo về hai tiếng « cái » và « con » với ô. Bình Nguyên
Lộc • ĐOÀN NHẬT TẤN vấn đề Tân Toán học ở nước
ta • VIỆT PHƯƠNG Đông Đức và chính sách hòa giải
Đông Tây • TỪ MINH Léonid Brejnev, một vô-
sản trưởng - giả - hóa • NGUYỄN MỘNG GIÁC
trong tầm lửa đạn : Quê nhà • TRẦN HOÀI
THƯ bóng tháp • TỪ DIỆP thời sự khoa học •
TRÀNG THIÊN, THU THỦY
thời sự văn nghệ • TỪ
MINH thời sự thể giới •



373

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút: LÊ NGỘ CHÂU

Thư ký: TÔN THẤT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

770đ.
1500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ.

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ.
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ.
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 175đ.
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ.

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-dình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 373 ngày 15 - 7 - 1972

VIỆT PHƯƠNG <i>nhân ngày 20-7 nói về kế hoạch thống nhất đất nước của Cộng-sản Việt.</i>	05
VÕ PHIỄN <i>người Thượng trang nghiêm.</i>	15
TRẦN NGỌC NINH <i>thương thảo về hai tiếng « Cái » và « Con » với ô. Bình Nguyên Lộc.</i>	19
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>vấn-đề Tân-Toán-học ở nước ta.</i>	27
XUÂN QUANG <i>kinh-nghiệm tập Yoga.</i>	35
VIỆT PHƯƠNG <i>Đông Đức và chính-sách hòa giải Đông-Tây.</i>	41
TỪ MINH <i>Léonid Brejnev, một vô-sản trưởng-giả-hóa.</i>	49
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>trong tầm lửa đạn : Quê nhà.</i>	55
TRẦN HOÀI THƯ <i>bóng tháp.</i>	61

SINH HOẠT

TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học.</i>	69
TRÀNG THIÊN, <i>thời sự văn nghệ.</i>	71
TỪ MINH <i>thời sự thể giới.</i>	73

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 6đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Giai thoại làng nho toàn tập của Lãng Nhân do Nam-Chi từng thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 800 trang, khổ $15,5 \times 22$, in lần thứ 2, có bìa di và sơn nhuận, gồm 92 giai thoại của 92 nhân vật làng nho, mỗi người đều có ghi tiểu sử và những bài thơ, những câu đối làm trong hoàn cảnh đặc biệt, biên khảo công phu, in rất đẹp. Bản đặc biệt.

— Tìm hiểu tính tình của Hoàng Quốc Hoàng Quý do Tủ sách Ngàn Thông xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 156 trang, khổ $11 \times 17,5$, tái bản lần thứ 1, gồm 9 chương nói về các tính tình : đam mê, phần nộ, đa cảm, thần kinh v.v... phần phụ lục có các bảng đối chiếu tính tình và câu hỏi trắc-nghiệm. Giá 100đ.

— Quốc văn lớp Sáu và Quốc văn

lớp Bảy của Thế Uyên Nguyễn Kim Dũng do Thái Độ xuất bản và gửi tặng. Mỗi cuốn dày 270 và 290 trang có Giảng văn, Luận văn, Chính tả, Văn phạm, Trần thuyết, Đọc sách, Chương trình cập nhật hóa 71. Giá 270đ. và 280đ.

— Giảng văn và trần thuyết, chương trình đổi mới, cuốn lớp Sáu (170 trang, giá 190đ.) cuốn lớp Bảy (210 trang, giá 220đ.) của Nguyễn Tăng Chương do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Mỗi cuốn đều có 3 phần : Tổng quát, (trong có tiểu sử và hình ảnh tác giả) văn xuôi hiện kim, văn vần và truyện cổ.

— Minh Đức Tập san của Viện Đại-học Minh-Đức, do L.M. Bùi Quang Diệm chủ nhiệm kiêm chủ bút và ô. Nguyễn Đăng Trúc Tổng Thư ký. Số 1 và 2 tháng 6 và 7/72 chủ đề : Phát triển và Giáo dục. Mỗi số dày trên 230 trang gồm nhiều bài tiểu luận, biên khảo, và phỏng vấn của các giáo sư Viện Đại-học Minh-Đức hướng về chủ đề trên.

CÁO LỖI VỀ PHẦN VĂN NGHỆ

Trong những số Bách-Khoa gần đây, vì phần biên khảo có nhiều bài quá dài nên phần dành cho những sáng tác văn nghệ còn lại số trang quá ít, bởi vậy một số truyện, thơ đã không cho đi được. Ngay trong số này phần dành cho Thơ, phút chót, cũng phải gác lại, truyện dài VÀO ĐỜI của nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng phải dành cho số tới.

Tòa soạn Bách-Khoa xin cáo lỗi cùng quý bạn sáng tác và quý bạn đọc. Trong số tới đây, chúng tôi sẽ cố điều chỉnh để số trang dành cho phần Văn nghệ được dồi dào đầy đủ hơn.

Tòa soạn BÁCH-KHOA

Nhân ngày 20-7, nói về :

Kế-hoạch thống-nhất đất nước của Cộng-sản Việt

Nếu tạm gạt bỏ ý-đồ của các đế-quốc trong việc tranh-chấp địa-phương với nhau, cuộc chiến dai dẳng hiện tại đối với riêng người Việt có thể nói đã phần lớn bắt nguồn từ ước vọng thống nhất đất nước. Thống-nhất là một nhu cầu cơ-bản để ổn định nhân tâm, nhưng thống nhất thế nào mới là vấn-đề rắc rối. Phía không-cộng-sản thì đương nhiên muốn có một nước Việt-nam thống-nhất không-cộng-sản. Phía Cộng-sản cũng đương nhiên muốn nhuộm đỏ từ ải Nam-quan tới mũi Cà-mâu.

Hiệp-định Genève vẫn mang tiếng là một văn kiện chia đôi đất nước. Song, trên thực tế, trước khi có Hiệp-định, nước Việt-nam cũng đã bị chia đôi rồi ; có khác chỉ ở chỗ vùng chia cho mỗi bên xen kẽ lộn xộn không gọn ghẽ như lẫn ranh vĩ-tuyến 17 sau này mà thôi. Hiện nay, ngày 20-7 được tổ-chức kỷ-niệm ở cả hai miền. Bề ngoài, Miền Bắc kỷ-niệm như một ngày chiến-thắng vẻ vang, nhưng bên trong không che giấu nỗi nỗi ăm-ức vì kế-hoạch hậu Genève bị bẻ gãy. Ngược lại, Miền Nam luôn luôn kỷ-niệm như một ngày quốc-hận, nhưng thử hỏi những người lãnh-đạo chính-quyền Miền Nam vào thời 1954 (cả theo Tây lẫn

theo Mỹ) có ai mà không “ mừng thầm ” vì ít ra Đế-quốc, Thực-dân, Cộng-sản cũng còn để chừa cho một mảnh đất mà sống ! Sau này, Cộng-sản không muốn tiếp tục chừa lại mảnh đất ấy nữa, nhưng đó lại là chuyện khác !

Chuyện khác ấy chẳng có gì khác hơn là thực sự năm 1954, Cộng-sản cũng đã quá kiệt quệ, đành tạm *nhượng* để mua thời-gian hầu chỉnh-đốn lại hàng ngũ, võ trang lại vật chất cũng như tinh thần cho việc thực hiện một kế-hoạch thống nhất toàn bộ. Trên đường đi tới thống-nhất, Cộng-sản đã bước vào ngả vận động hiệp-thương theo Hiệp-định Genève trong hai năm đầu. Khi ngả này hoàn toàn bị bế tắc, Cộng-sản liền chuyển sang đấu-tranh võ-trang với hy-vọng tìm một giải-pháp quân sự. Cao điểm của ngả thứ hai là Tổng-công - kích Tổng - khởi - nghĩa Mậu-Thân ; nhưng cũng chính vì vụ Mậu-Thân mà Cộng-sản lại rơi vào bế tắc lần nữa.

Kể từ cuối 1968, Cộng-sản đã vạch hẳn ra một ngả đường mới với một kế-hoạch tinh-vi và thận-trọng hơn gấp bội những lần trước. Kế-hoạch này tổng hợp các nỗ-lực quân-sự, chính-trị và ngoại-giao — trong đó quân-sự sẽ được vận dụng tới mức

xả láng đề hỗ trợ. Quân-sự hỗ trợ cho ngoại-giao; áp lực ngoại-giao sẽ mở lối cho một *giải-pháp chính-trị* ba giai-đoạn mà giai-đoạn đầu vẫn được Cộng-sản nói tới hàng ngày: đó là đề nghị thành lập một *chính phủ hòa hợp dân tộc* tại Sài-gòn.

Kế-hoạch I: Giải-pháp Genève

Kế-hoạch đầu tiên được coi là rất giản-dị: Hiệp-thương hai miền vào năm 1955 và tiến tới thống-nhất qua bầu cử vào tháng 7-1956 (1); giản-dị vì «chỉ là thực hiện một *chương trình nghị sự* đã được vạch ra» (2).

Đón đầu kế-hoạch này là việc giải-tán Mặt-trận Liên-Việt để thành-lập Mặt-trận Tổ-quốc ngày 10-9-1955. Nếu Mặt-trận Việt-Minh (1941) là bộ áo khoác ngoài của Cộng-sản nhằm quy tụ quần chúng phục-vụ nhu-cầu khởi-nghĩa, Mặt-trận Liên-Việt (1946) nhằm phục-vụ nhu-cầu kháng-chiến chống Pháp, thì Mặt-trận Tổ-quốc rõ ràng phục-vụ cho kế-hoạch thống-nhất hòa bình, nghĩa là xích-hóa toàn cõi Việt-nam qua việc thi hành Hiệp-định Genève. Dựa vào sức mạnh sẵn có của mình, vào âm hưởng kháng chiến chống Pháp còn nóng hổi, vào sự suy yếu cùng cực vì phân hóa (nội chiến) của Miền Nam Cộng-sản tin tưởng sẽ toàn thắng trong bầu cử, do đó đã ráo riết hô hào hiệp-thương giữa hai miền.

Cương-lĩnh Mặt-trận Tổ-quốc đã vạch rõ «*Thực hiện tổng-tuyên-cử tự do trong toàn quốc đúng thời-hạn đề*

thống nhất nước nhà: Các nhà đương cục Miền Bắc và Miền Nam cử hành hiệp-thương để thỏa thuận về luật bầu cử, thiết thực chuẩn bị tổng-tuyên-cử tự do trong toàn quốc. Đại-diện các đảng phái, các quân-đội, các đoàn thể nhân dân và các giới, các nhân-sĩ ở hai miền hãy tiếp xúc, hội họp với nhau để thúc đẩy và ủng-hộ hội-nghị hiệp-thương của các nhà đương cục có trách-nhiệm ở hai miền mau đi đến hiệp-nghị, đẩy tới cuộc tổng-tuyên-cử tự-do trong toàn quốc để thực hiện thống nhất nước nhà.. Đề thỏa mãn yêu cầu bức thiết của nhân dân, phải lập lại quan-hệ bình-thường về kinh-tế, văn-hóa, xã-hội»

Lập lại quan-hệ bình-thường đã không xong thì bầu cử cũng chẳng có. Thực ra mà nói, Cộng-sản Việt đã chẳng đến nỗi vụng về tin tưởng hoàn toàn vào sự thi hành *nghiêm chỉnh* Hiệp - định về phía đối

(1) Tài-liệu căn-bản được Hiệp-định Genève công-bố về Việt-nam thực ra chỉ là Hiệp-ước Ngưng Chiến tại Việt-nam gồm 47 điều khoản chia ra thành 6 chương do Delteil (Pháp) và Tạ-Quang-Bửu (Cộng sản Việt) ký ngày 20-7-1954, trong đó không có đề-cập gì tới giải-pháp chính-trị cho Việt-nam. Giải-pháp chính-trị lại nằm trong Tuyên-cáo Tối-hậu ngày 21-7, mặc dầu có nói đến đủ 9 nước dự hội-nghị nhưng không mang một chữ ký chính thức nào. Điều 7 trong tuyên-cáo này có vạch rõ: Tổng-tuyên-cử vào tháng 7-1956 dưới sự kiểm soát của Ủy-hội Quốc-tế và các cơ-quan có thẩm-quyền hai bên sẽ trao đổi ý-kiến về vấn-đề này từ ngày 20-7-55.

(2) Trần-Huy-Liệu, tập san Nghiên-cứu Lịch-sử số 73 tháng 4-1965, Hà-nội.

phương(1) nhưng thụ động trông chờ giải-pháp chính trị 1956 thì không phải là không có ở một số đông cán-bộ cao cấp. Hội-nghị Trung-ương Đảng Lao-động năm 1959 đã nhất trí phê-bình xư-ủy Nam-bộ có tư tưởng hữu khuynh, ý-y vào hiệp-thương, bầu cử, không tích-cực chinh-bị và phát-triển tổ-chức trong mấy năm đầu hòa-bình để đến nỗi hàng ngũ Cộng-sản Miền Nam gần như bị tan rã.

Kế-hoạch II : Giải-pháp quân-sự

Kế-hoạch thông nhất tiên khởi coi như thất bại, vì, theo Cộng-sản "thực tế lịch-sử diễn ra không đơn-giản như thế". Do đó, Cộng-sản khẳng định : «Cuộc đấu tranh thực hiện hiệp-nghị Gơ-ne-vơ chẳng phải chỉ bằng chính-trị... mà còn phải bằng vũ-trang... ; chẳng phải chỉ tính đốt ngón tay hai năm chờ đợi, mà phải là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ»(2).

Mở đầu cho mệnh lệnh đấu tranh ấy là việc thành lập Trung-ương-cục Miền Nam, một bộ phận của Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng Lao-động đặc trách Nam-bộ và Miền Nam Trung-bộ. Bộ áo khoác ngoài của Trung-ương-cục là một mặt-trận mới với chiêu bài phục-vụ cho nhu-cầu giải-phóng Miền Nam để thống nhất đất nước bằng giải-pháp quân-sự : Đó là Mặt-trận Dân-tộc Giải-phóng Miền Nam Việt-Nam. Mặt-trận được công-bố thành-lập ngày 20-12-1960 nhưng hàng năm sau mới kiểm đủ

nhân-sĩ để trám vào cơ-cấu trung-ương. Do đó, cương lĩnh Mặt-trận soạn sẵn từ cuối năm 1960 đã phải ngâm mãi tới tháng 3-1963 mới được đại-hội Mặt-trận lần thứ nhất thông qua.

Vì Mặt trận được lập ra làm bình-phong che giấu thực chất Cộng-sản nên cương-lĩnh của Mặt-trận cũng tránh né mọi điều liên-quan đến Cộng sản. Điều số 1 của cương-lĩnh có vạch rõ chủ-trương đánh đổ chính quyền Ngô-đình-Diệm ; nhưng khi lập được chính - quyền cách - mạng ở Sài-gòn thì Cộng-sản lại vờ mô-tả đó là một chính-quyền Miền Nam, biệt lập với Miền Bắc để — ở một điều khác — vạch ra chương-trình thống-nhất... một cách hòa-bình, có vẻ như trở lại việc thi hành hiệp-định Genève (với hai bên đều là Cộng-sản).

(1) Thực ra ngay trong ngày 21-7-1954, trong bản Tuyên-ngôn của Phái-đoàn Quốc-gia Việt-Nam tham dự Hội-nghị Genève do ông Trần-văn-Đỗ cầm đầu cũng có những lời lẽ cho thấy là Miền Nam sẽ không hiệp-thương để tổ-chức tổng-tuyên-cử theo sự ấn định của Tuyên-cáo tối hậu. Bản tuyên-ngôn có những câu như «Long trọng phản đối việc Bộ Tư-lệnh Pháp, mặc dầu không được sự thỏa thuận trước của phái-đoàn Việt-Nam, đã tự tiện ấn-định ngày Tổng-tuyên-cử...», «Long trọng phản-đối việc ký-kết Hiệp-định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt...», «tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành-động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân-tộc Việt-Nam trong cuộc thực hiện thống-nhất, độc-lập, và tự do cho xứ sở.»

(2) Trần-Huy-Liệu, tài liệu đã dẫn.

6.

Nguyên văn đoạn nói về thống-nhất trong cương-lĩnh 1960 như sau : «Yêu cầu bức thiết của đồng-bào trong toàn quốc là phải hòa-bình thống-nhất tổ-quốc. Mặt-trận Dân-tộc Giải-phóng Miền-Nam Việt-nam chủ-trương thống-nhất nước nhà từng bước bằng phương-pháp hòa-bình, trên nguyên-tắc hai miền cùng nhau thương lượng, cùng nhau bàn bạc mọi hình-thức và biện-pháp có lợi cho dân-tộc, cho tổ-quốc Việt-nam. Trong khi nước nhà chưa thống-nhất, chánh phủ hai miền cùng nhau thương lượng, cam kết không tuyên-truyền chia rẽ dân-tộc, không tuyên-truyền chiến-tranh, không dùng binh lực đối với nhau. Thực hiện trao đổi kinh-tế, văn-hóa giữa hai miền. Cho nhân dân hai miền được tự do đi lại buôn bán, thăm viếng, tự do gửi thư từ cho nhau ».

Những lời lẽ trên thật là tốt đẹp, đầy vẻ xây dựng, khi ta nghĩ đến bối cảnh hai chính-quyền với hai thể-chế hoàn toàn khác biệt như hiện nay, nhưng nếu Bắc và Nam đều là Cộng-sản cả thì lại không thiếu vẻ khôi hài. Dầu sao cũng phải nhận rằng ở cương-lĩnh 1960 của Mặt-trận Giải-phóng, Cộng-sản còn rất e dè trong cách phát biểu. Nhưng sang cương-lĩnh 1967 (thay thế cương-lĩnh 1960) luận điệu đã thay đổi nhiều vì nương theo đà bành trướng hoạt-động quân-sự, Cộng-sản nghĩ là đã gần kề ngày chiến thắng hơn nên tự coi hai miền như đã chung một mối rồi. Những câu như *không dùng*

binh lực đối với nhau, hàm chứa cái ý hai thực-thể riêng biệt, đã được bỏ đi và thay vào đó là *nhân dân hai miền luôn luôn cùng nhau chung sức chống giặc ngoại xâm* trong khi chờ thống-nhất. Nghĩa là Miền Nam hoàn toàn thuộc Cộng-sản, không có gì khác được !

Sau khi tung ra Cương-lĩnh 1967 (tháng 9), Cộng-sản cũng đã trù liệu mở Tổng-công-kích vào dịp Tết (Mậu-Thân) và lập chính-phủ mới ở Sài-gòn. Cộng-sản cũng trù tính khoác cho chính-phủ này danh nghĩa Liên-hiệp, nhưng thành phần Liên-hiệp chẳng ai khác hơn là chính những người Cộng-sản và một số thân Cộng đã được móc nối từ trước. Vì vậy khi tiếng súng tấn công vừa bùng nổ, thì ở Huế Ủy-ban Nhân-dân Cách-mạng Thừa-thiên liền ra mắt với các nhân vật Cộng-sản tự núp dưới danh - nghĩa *Lực-lượng Dân-tộc Dân-chủ và Hòa-bình* thành-phố Huế. Còn tại Sài-gòn, mãi tới cuộc tấn công đợt 2, một tổ-chức chính-trị do luật - sư Trịnh - Đình-Thảo cầm đầu mới thấy xuất hiện trên... truyền-đơn và đài phát thanh Giải-phóng ; đó là *Liên-minh các Lực-lượng Dân-tộc Dân-chủ và Hòa-bình*.

Cuộc Tổng-công-kích thất bại về mặt quân-sự. Cộng-sản đã không thể lập được Chính-phủ liên-hiệp ở Sài-gòn nên việc thành-lập Liên-minh Trịnh-Đình-Thảo kể như lỡ bộ. Dầu sao, sau vụ Mậu-Thân Cộng-sản cũng đã gây được tiếng vang quốc-tế và nhất là tại Mỹ. Hòa-đàm Ba-

lẽ đã được mở ra và lần đầu tiên đại-diện Mặt-trận Giải-phóng được xếp ngang với đại-diện Sài-gòn—một thắng lợi ngoại-giao mà chính Cộng-sản cũng không ngờ là có thể đạt được!

Kế hoạch III : Giải pháp chính trị

Nương theo đà thắng lợi ngoại-giao này, Cộng-sản đã vạch hẳn ra một kế-hoạch thống nhất mới gồm 3 giai đoạn :

Giai-đoạn I : Thành lập chính-phủ hòa hợp dân tộc, trung lập, dân-chủ, hòa bình, tại Miền Nam.

Giai đoạn 2 : Thành lập chính-quyền nhân-dân (nén hiểu là chính-quyền Cộng-sản) tại Miền Nam.

Giai đoạn 3 : Thành lập chính-quyền nhân dân chung trên toàn cõi Việt Nam.

Tổ chức ngoại diện để thực hiện kế-hoạch này trong thời-gian đầu là *Chính phủ Cách-mạng Lâm-thời Cộng-hòa Miền - Nam Việt - Nam* (6-1969). Chính phủ này sẽ bị giải-tán khi giai-đoạn I được tiến-bành đúng theo kế-hoạch của Cộng-sản. Như trên đã nói, đáng lẽ thì Cộng-sản đã thành lập chính-phủ ngay trong đợt Tổng-công kích Mậu-Thân, nhưng Tổng-công-kích không thành công nên mới phải trì hoãn lại một năm sau. Dù đã trì hoãn, thành phần chính - phủ cũng chẳng ngoài thành viên Mặt-trận Giải-phóng và Liên - minh

Trịnh-đình-Thảo. Về chỗ đứng của *Chính phủ lâm thời* này, nếu nhìn vào việc thành lập thì phải xếp vào kế-hoạch II (công tác chính - trị trong Tổng-công-kích), nhưng nhìn vào vai trò mà Cộng-sản vạch ra sau này thì hiển nhiên lại nằm trong kế - hoạch III với nhiệm vụ đóng khung trong thời kỳ chuyển tiếp—nghĩa là giữ vai trò lãnh đạo ở Miền Nam tạo thành cái thế hai chính phủ nhập nhằng.

Bước vào kế-hoạch III, trong đó giải-pháp chính trị là chính (1), Cộng-sản đã nói nhiều về một chính-phủ hòa-hợp dân-tộc ở Sài-gòn. Đây là một kiểu liên-hiệp rộng rãi hơn trước, vì liên-hiệp như kiểu *Chính phủ lâm thời* của Cộng-sản hiện nay chỉ là liên hiệp «nội bộ».

Khởi đầu, đề-nghị hòa-bình 7 điểm ngày 1-7-1971 chỉ nói đến «lập một chánh phủ hòa hợp dân tộc rộng rãi, gồm ba thành phần để làm nhiệm vụ trong thời gian hòa-bình lập lại đến tổng-tuyên-cử và đề tổ - chức tổng-tuyên-cử». Sau, trong 2 điểm nói rõ thêm ngày 2-2-1972, Cộng - sản trình bày chi tiết hơn với một số điều-kiện trước khi có chính-phủ hòa-hợp. Những điều-kiện ấy bao

(1) Trong cuộc Tổng-tấn-công hiện tại Cộng-sản cũng chỉ chủ trương thu hút chiến trường lớn cho lực lượng địa - phương giải phóng từng mảng nông thôn rộng lớn, phục-hoạt một số vùng căn-cứ-địa, chiếm cứ một vài thị-trấn tạo áp lực cho hòa đàm. Cuối cùng, giải-pháp cũng vẫn là giải-pháp chính trị. (Xin coi BK số 368, bài « Nhận-định về cuộc tấn công hiện nay của Cộng quân ».

gồm việc từ chức tức khắc của ông Thiệu, việc chấm dứt hành quân, chấm dứt kế hoạch bình định, thủ tiêu bộ máy kèm kẹp, mở cửa nhà tù v.v...

Nghĩa là bước thứ nhất gồm có việc cải tổ chính-phủ Sài-gòn hiện hữu với sự ra đi của Tổng-thống đương nhiệm (1), và việc đình chỉ mọi hoạt-động chính-trị và võ-trang của chính quyền này. Mục đích của Cộng-sản là nhằm nung nấu xáo trộn hoang mang của Sài-gòn mà tung hoành phát động nổi dậy hầu thành lập mau chóng chính-quyền xã ấp ở những nơi Cộng-sản chưa kiểm soát được.

Khi những điều-kiện trên đã được thực hiện, Cộng-sản chuyển sang bước 2: «Chính-phủ CMLTCHMN-VN sẽ bàn ngay với chính-phủ Sài-gòn việc thành lập chính-phủ hòa-hợp dân-tộc gồm ba thành phần để tổ chức tổng-tuyên-cứ ở Miền - Nam Việt Nam, bầu ra quốc-hội lập - hiến, xây dựng hiến-pháp và lập ra chính phủ chính-thức của Miền Nam Việt-Nam» (2). Ba thành-phần ấy là «Những người của chính phủ cách-mạng lâm thời, những người trong chính phủ Sài-gòn hiện nay và những người đại diện các lực lượng chính-trị khác ở Miền Nam Việt-Nam, kể

cả những người vì lý-do chính-trị phải cư trú ở nước ngoài» (3) (Cộng-sản cắt nghĩa thêm đó là «những tổ-chức, những cá-nhân tán thành độc-lập, hòa-bình, trung-lập, dân-chủ»,

(xem tiếp trang 78)

(1) Nhiều lần Cộng-sản còn đề cập đến sự từ chức của cả Tổng-thống, Phó-Tổng-thống và Thủ-tướng đương nhiệm trên Đài phát-thanh Giải-phóng.

(2) Điều 2 trong 2 điểm nói thêm ngày 2-2-1972

(3) Báo cáo về công-tác ngoại giao trước Quốc-hội Bắc-Việt của Nguyễn-cur-Trinh, Bộ-trưởng Ngoại-giao, ngày 20-3-1972.

NHÂN TIN

Từ nay mọi liên lạc thư từ cho Trần Dza Lữ xin bằng hữu khắp nơi gọi về:

Trần Văn Duận
Box 504 Đà-nẵng.



LỜI MINH XÁC

Tôi KHÁNH LINH: tác giả thi tập *Vào Cuộc Hành Trình* và là một trong những soạn giả của mấy bộ sách Giáo-khoa bậc Tiểu-học như *Tân-Việt-Văn*, *Quốc-Văn-Toàn-Tập*, *VNTT*, *Tập Đọc* của Bộ Giáo-dục.. không phải là KHÁNH-LINH cộng tác với nhật báo *Sóng Thần*.

Vậy xin minh xác với các thân hữu và bằng hữu xa gần để tránh mọi sự ngộ nhận đáng tiếc.

Đón đọc trong tháng 8

BAO GIỜ

Tập truyện của TẠ TỴ
Một tác giả đang được ái mộ
Gla Vàng Giữ Ngọc xuất bản.

Người Thượng trang nghiêm

Hồi mặt trận Quảng-trị bị vỡ, trong các thảm cảnh phơi bày ở Huế, một ký giả của nhật báo *Sóng Thần* đã chú ý đến tình cảnh những người Thượng du ngự gác bên bờ sông Hương: Mất núi mất rừng, những đồng bào tội nghiệp ấy sống cách nào ở một đô thị hỗn loạn? sống cách nào bên một bờ sông, dù là sông thơ mộng, danh tiếng?

Được biết rồi sau đó số người Bru này đã được đưa lên một tỉnh Cao nguyên, tuy nhiên nỗi truân chuyên của đồng bào Thượng du chúng ta trong cơn gió bụi này chưa phải đã chấm dứt. Trái lại.

Sau Quảng-trị, mặt trận Tam biên càng ngày càng trở nên ác liệt. Tân cảnh, Dakto, Chupao, quốc lộ 19, quốc lộ 14, rồi thị xã Kontum lần lượt biến thành chiến trường, rồi sau vụ chiếc máy bay của hãng Quốc thái (Cathay Pacific) các chuyến bay quốc tế ngang qua không phận Việt-nam bảo nhau rời bỏ vùng trời Pleiku... Khu vực sinh sống của người Thượng không những nguy hiểm khắp mặt đất mà đến cả trên trời cao cũng đáng sợ.

Trong khoảng những tháng 5 tháng 6, dân Pleiku, Kontum kéo nhau chạy về Qui-nhơn, Nha-trang... Chạy giặc toàn là người Kinh. Một hôm, gặp bà con từ Pleiku lánh nạn về Sài-gòn, tôi hỏi thăm về dăm ba người bạn thượng du quen biết

nhân chuyển đi Pleiku hơn nửa năm trước. Người bà con cười:

— Mấy ông ấy hã? Họ cũng sợ lắm chớ. Nhưng nói chuyện tản cư thì họ bảo nếu không ở được tỉnh chỉ có tản cư về núi chứ không thể đi nơi nào khác!

« Nơi nào khác » là những đô thị xa xôi. Pleiku, Kontum cũng là thành phố, nhưng ở đó họ không đến nỗi tách biệt hẳn bà con, không đến nỗi đứt đường về buôn ấp, đoạn tuyệt với nếp sống cổ truyền. Đi xa hơn nữa, đến những « nơi nào khác », thì là phiêu lưu, là nguy hiểm, đáng sợ.

Người thượng không muốn về đô thị, vì sinh kế đã đành, nhưng thiết tưởng dù cho vấn đề sinh kế có được nhà nước giải quyết thì chắc chắn họ cũng còn có lý do khác: nếp sống. Họ ngán đô thị cũng như ta ngán núi rừng. Không biết trước cảnh sinh hoạt của ta, thực ra họ ngán vì lẽ gì; trước cảnh sinh hoạt của họ, ta ngán vì buồn.

Nhiều thành phố Cao-nguyên mang những biệt danh đã trở nên phổ biến: Ban-mê-thuột được gọi đùa là Buồn-muôn-thuở, Blao là Buồn-lâu. Buồn-lắm... Lối đùa giỡn ấy đã phản ánh cảm tưởng của người Kinh đối với xứ Thượng. Theo chúng ta, xã hội thượng-du thật buồn.

Kể này bảo người kia sống buồn là chuyện hoàn toàn chủ quan. Trong lúc Cao-nguyên lâm chiến tơi bời,

lại tán nhảm về tính cách buồn vui trong một lối sống là chuyện không hợp thời chút nào. Vậy sau đây là những cảm tưởng vừa chủ quan vừa không hợp thời, trót ghi ở Pleiku trong chuyến đi năm ngoái.

* * *

Trên từng khuôn mặt, ít gặp được những nét rạch mãnh tình quái trên nét mặt đồng bào Thượng du. Trong đám đông người Thượng, cuộc chuyện trò có thể tuyền nào nhưng ít gặp những đùa cợt nghịch ngợm, ít hơn trong các cuộc đấu hót của chúng ta.

Những nhận xét như thế đáng ngờ chăng? Phải tìm đến các chứng cứ cụ thể. Chứng cứ về sự chơi đùa của người Thượng dường như hiếm hoi lắm: trong các làng Jarai ở Pleiku tôi chỉ biết được có một món đồ chơi, cái *klang*, tức con điều gió. (Điều của đồng bào Jarai không phát giấy, mà cài một thứ lá nhẹ vào khung nang).

Hỏi thăm một số người Jarai về các trò tiêu khiển, họ ngẫm nghĩ rồi lắc đầu: Ngoài cái *klang*, không có gì nhiều đâu. Buồn thì xách ná đi bắn, lấy rượu ra uống, lấy cồng ra đánh, lấy kèn ra thổi v.v... Thế thôi.

Ná, rượu, kèn v.v... không hẳn là đồ chơi.

Một cuộc dò hỏi kỹ lưỡng hơn chắc hẳn sẽ có những phát giác. Nhưng có lẽ dù dày công tìm tòi đến đâu cũng không mong sưu tầm được ở miền Thượng du một số trò chơi phong phú như ở xã-hội

chúng ta. đánh bi, đánh đáo, đá cầu, đá cá, đánh nẻ, chơi cờ, chơi bạc, chạy đua, vật lộn, quần vợt, bóng bàn, bóng rổ, đá gà, bi-da v.v.

Anh bạn tên Dj... cần thận giải thích: « Người Jarai chúng tôi không biết chơi bời, đó là nói chuyện hồi trước. Bây giờ, khác rồi: Nhiều người Thượng ở thành phố cũng thua cờ bạc xơ xác, y hệt người Ki h... Xin lỗi! »

Lẽ ra trong trường hợp này người Kinh chịu lỗi với bà con Jarai của anh Dj... Những món chơi tài hại là của người Kinh mang đến; trước kia ở núi rừng chỉ có chiếc *klang* hiền lành, vô tội.

Con điều, có những nhà khảo cứu đã cho rằng trước tiên nó là vật dùng trong việc tế lễ. Như thế, chẳng qua nó cũng như nhiều trò chơi khác, có nguồn gốc tín ngưỡng, lễ lạc: đánh đu, khiêu vũ, kịch hát v.v... Nhưng từ cái nguồn gốc những buổi cúng tế khá phức tạp linh đình, mãi đến ngày nay tại các buôn ấp Thượng-du mới chỉ tách ra được có một con điều, thì sự chơi đùa ở miền núi quả có vẻ uể oải. Vì vậy, từ một làng Thượng về một đô thị, ta có cảm tưởng con người ở đây bỗng đứng trẻ ra, ham chơi, ham nghịch, nhộn hơn... Trải qua nhiều nghìn năm, con người từ thái độ trịnh trọng, luôn bận tâm về lễ bái, đã tiến đến một thái độ lêu lổng, mãi bận rộn về... giải trí!

Các môn tiêu khiển đều giết thì giờ. Thực ra ở cuộc sống các xã hội bán khai người Thượng có nhiều thì

giờ thừa thãi cần giết đi hơn là ở cuộc sống hối hả của chúng ta ngày nay. Thế mà chúng ta có được chút nhàn rồi nào lại không chịu nổi, phải lấp kín cho bằng mới nghe: chưa kể các hạng đại phú vung tiền như điên vào các cuộc tiêu khiển, ngay đến thành phần kiếm sống qua ngày như hạng chị em ta, hễ có hơi thong thả một chút là hầu hết đều vui đầu vào chiếu bạc. Không thể không chịu được. Người cờ sớ thành ra có sức đương đầu bất động với khối thì giờ thừa thãi hơn chúng ta bây giờ.

Như vậy trình độ văn minh được đánh dấu bằng một tâm lý càng ngày càng nóng nảy sốt ruột trước giờ đồng thời gian, bằng các món đồ chơi mỗi lúc mỗi nhiều thêm chẳng?

Chúng ta mong chuyện ấy hoàn toàn sai lầm. Không phải vì ý tưởng ấy có vẻ giễu cợt các cố gắng của loài người: nhân loại lớn lao đủ sức chịu đựng mọi trêu chọc nhằm nhĩ. Chỉ vì ý tưởng nọ khơi động đến một chỗ hơi « yếu » của riêng chúng ta. So với người Tàu, với một số dân tộc Tây-phương, chúng ta hình như có ít trò chơi quá.

Đánh cờ là trò thật siêu: người Âu, người Tàu, người Ấn-độ cùng tranh nhau làm cha đẻ ra cờ. Ta không đẻ ra cờ; mà các lối đánh bạc đang phổ biến thịnh hành ngay trong

xã hội ta, ta cũng không tự mình nghĩ ra được bao nhiêu, phần nhiều là du nhập từ ngoài. Bài cầu, tổ tôm, tài bàn, tam cúc v.v... mang nguyên danh tính Tàu. Ít-xì, xì-lát v.v... hãy còn gốc Tây rành rành. Thật là của ta, chỉ có vài ba món đơn giản: xóc đĩa, bung đôi..., và một thứ bài hình thức thô sơ: bài tới, bài chòi.

Cờ bạc không thể là một vinh dự của bất cứ dân tộc nào. Lấy cái chỗ ít trò cờ bạc làm một lý do lo lắng, chắc chắn là điều lỗ bịch. Tuy nhiên, sau những ngày thơ thần bên cạnh các đồng bào Thượng-du đạo mạo, nhìn cảnh sống nghiêm chỉnh mà buồn tẻ của họ, ta khó xua đuổi ít nhiều áy náy về tính cách nghèo nàn trong các thú chơi ở ta trước ngày tiếp xúc với Tàu, với Tây. So với người Thượng, ta phong phú; so với Tây, Tàu, ta nghèo nàn: tình trạng ấy có ý nghĩa gì chẳng?

Nếu nó không có nghĩa gì ráo thì hay quá. Còn nếu nghèo nàn là tốt thì Thượng-du hơn ta, phong phú là tốt thì Tây Tàu lại hơn ta. Nghĩa nào cũng không làm ta hài lòng.

6 - 1972

VÔ PHIÊN

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có: bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 92, 95).

Giá 23.000đ.

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Lô O số 121 Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập: Nhất Hạnh

Mời đọc những tác phẩm mới:

☐ NẸO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất Hạnh

☐ 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ HÔM NAY

của Tạ Ty

☐ VÔ MÔN QUAN

của Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mẫn dịch

☐ ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA

của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh

☐ NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

của Nhất Hạnh (*tái bản lần VI*)

☐ CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của Phan Huy Ích — Nguyễn Văn Xuân phát giác

Mua sách tại LÁ BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gửi sách cho bạn đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ Thắng-Tiết.

Thương thảo về từ-nguyên của hai tiếng « CÁI » và « CON »

Lí-do của bài này là một vấn-đề bút-nghiệp. Nguyên là vì tác giả được một hội-đoàn thanh-niên trưng tập đề nói chuyện về đời sống kinh-tế và văn-hóa thái-cồ của ta, trong ngày lễ tưởng niệm Hùng-vương. Vì cảm-tình với những thanh-niên không quên gốc, nên đã có buổi nói chuyện đó, và vì một sự gặp- gỡ với anh chủ-bút của Bách-Khoa là một cố-nhân, nên bài này đã được đăng trên Bách Khoa(1). Từ khởi-điểm ấy, một cái nghiệp đã được tạo ra và buộc tác-giả lại phải cầm bút viết thêm, để nói chuyện với một vài học-giả cũng quan tâm đến những vấn-đề nguồn-gốc(2). Tưởng rằng đã trả xong được món nợ tình-thần này rồi để trở lại với những nghiên-cứu y-học (là cái nghiệp chính của tôi), thì ông Bình Nguyên Lộc, một nhà văn lão thành và một nhà ngữ-học tự lập rất tâm-huyết của Miền Nam này, lại nêu đích-danh tôi ra để mở cuộc thương-thảo về hai tiếng *cái* và *con* trong Việt-ngữ(3). Thế là cái nghiệp bút-nghiên (hay bút-lọ) vẫn còn theo đuổi tôi chưa hết, chỉ vì một chút cảm-tình và một sự vọng-động sáu bảy tháng trước ; ước mong rằng sau đây, thì thành ra duyên văn chứ không phải là bút-nghiệp nữa.

Bài này trước hết là để thương thảo với ông Bình Nguyên Lộc là

một người đầy nhiệt-tâm với sự học-hỏi việt-ngữ mà tôi đã cảm phục nhiều năm nay. Ông Bình Nguyên Lộc dẫn chứng rằng trong việt-ngữ, thực có những «loại-từ» *cái* và *con*, và uyên-nguyên của tiếng *cái* là tiếng *cá* của hoa-ngữ, còn uyên-nguyên của tiếng *con* là một tiếng của mã-lai-ngữ thuộc «chi Âu» (Thái). Trong bài này còn có nhiều ý-kiến nữa, rất đặc-sắc, nhất là về những bộ của dân Lạc ; nhưng trong sự thương-thảo dưới đây, tôi bắt buộc phải đề những ý-kiến này lại một bên, một phần là vì còn cần nghiên cứu thêm để có thể xác nhận hay phủ nhận, một phần là vì nòng-cốt của sự thương-thảo là vấn-đề ngôn-ngữ chứ không phải là vấn-đề cổ-sử hay nhân-chủng-học, theo ý muốn của ông Bình Nguyên Lộc.

Ở đây, tôi sẽ đứng về phương-diện ngữ-lí-học (linguistique)(4) nhiều

(1) Bách Khoa 343 : 9-14 và 344 : 29-37 (1-4 và 15-4, 1971)

(2) Bách Khoa 48 : 39-45 và 349 : 32-38 (15-6 và 1-7, 1971)

(3) Bách Khoa 357 : 45-54 (15 11, 1971)

(4) Tôi xin lỗi vì đã chưa những tiếng ngoại-ngữ trong bài này. Những danh-từ có tính-cách chuyên-môn lẽ ra phải được giải-nghĩa. Nhưng sự giải-nghĩa sẽ đòi hỏi phải viết một cuốn sách trình bày những quan-niệm của ngữ-lí-học thì mới hợp-lí. Sự chưa tiếng ngoại-ngữ chỉ là để minh xác rằng tôi dùng những danh-từ của ngữ-lí-học.

hơn mọi phương-diện khác của ngữ-học, vì trọng-tâm của sự hiểu-biết và khảo-cứu của tôi là ngữ-lí-học : cũng cần phải nói thêm là, trong ngữ-lí-học, tôi hoàn-toàn theo cơ-cấu-pháp, vì sự tìm hiểu của tôi đã cho tôi một cái chấp nhỏ trong hiện-tại, là cơ-cấu-pháp giảng giải được các hiện-tượng ngôn-ngữ một cách giản-dị nhất.

Nói như thế, chỉ là để che đậy những sự thô-thiển và thiếu-sót của tôi trong địa-hạt triết-ngữ-học (philologie) và từ-nguyên-học (étymologie). Mà vấn-đề thương-thảo này lại là một vấn-đề hầu như thuần-túy từ-nguyên và triết-ngữ !

Đó là vấn-đề xuất-xứ của hai tiếng *cái* và *con*, trong một vấn-đề lớn hơn về nguồn-gốc của việt-ngữ.

Về ngữ-lí-học, một nguyên-tắc của sự khảo-cứu là phân biệt sự đẳng-thời (synchronie) và sự xuyên-thời (diachronie). Lấy trong một lúc nhất-định nào đó, thì ngôn-ngữ của một nhóm người được gọi là *trạng-thái đẳng-thời* của ngôn-ngữ ấy. Những trạng-thái đẳng-thời này có thể phân tích theo những phương-pháp của khoa-học, đặc biệt là luận-lí và toán-học, để tìm ra cái cơ-cấu tiềm-tàng ở trong, gọi là ngữ (langue). Ngữ là cái hệ-thống chung có cơ-cấu của cái sử-trình nói gọi là ngôn (parole). Sự học về ngữ gồm có âm-vị-học (phonologie), dạng-vị-học (morphologie, tức từ-pháp-học) hợp-từ-học (syntaxe, tức cú-pháp-học), và ý-nghĩa-học (sémantique).

Sự xuyên-thời là lịch-sử nội-bộ của một ngôn-ngữ. Sự xuyên-thời bao gồm triết-ngữ-học và từ-nguyên-học, nhưng lớn rộng hơn hai khoa này, mà các nhà ngữ-lí-học thường xếp riêng ra và coi như là hai kỉ-luật thuộc về sử-học và ngữ-vựng-học nhiều hơn là ngữ-lí-học. Hai phân-bộ thường được coi là thuộc về địa-hạt của ngữ-lí-học xuyên-thời là âm-vị-học lịch-sử (phonologie historique) và ngữ-pháp-học lịch-sử (grammaire historique). Ý-nghĩa-học lịch-sử (sémantique historique) là một phân-bộ chưa được hình-thành trong ngữ-lí-học xuyên-thời, và chỉ mới gần đây, ông M. Foucault, trong cuốn *Tiếng và Vật* (Les Mots et les Choses), mới đặt những nền-móng cơ-cấu đầu-tiên cho khoa ấy, tuy rằng chưa ai dám đặt tên cho nó. Toàn thể ngữ-lí-học xuyên-thời là một ngành còn phôi thai, và riêng về phần tôi thì phải thành-thực mà thú nhận rằng chỉ mới hiểu lổm-bổm mà thôi. Có một điều cần nói rõ ngay là không phải cứ xếp liên-tục một số tình-trạng đẳng-thời của một ngôn-ngữ vào với nhau là có được một sự xây-dựng xuyên-thời của ngôn-ngữ ấy. Sự khảo-sát xuyên-thời có những đường-lối riêng-biệt của nó. Tuy nhiên, tất cả những sự hiểu biết về những cơ-cấu đẳng-thời của ngôn-ngữ đều có thể soi sáng được ngôn-ngữ trên trục xuyên-thời, và ngược lại.

I. TÀI-LIỆU LỊCH-SỬ VỀ HAI TIẾNG CÁI VÀ CON

Những tài-liệu lịch-sử về việt-ngữ có rất ít và cũng chỉ thu hẹp vào trong vài thế-kỉ gần đây. Hơn nữa, những tài-liệu này chỉ chép lại một số tiếng lẻ-loi, không có ích-lợi bao nhiêu cho sự khảo-cứu ngữ-lí.

Vào khoảng thế-kỉ thứ 13 tức là đời Trần ở Việt-nam, một sứ-giả của nhà Nguyên là Trần Cường-trung có ghi lại 18 tiếng-một của thời đó đề chỉ một số quan-niệm thường-thức, trong đó ta nhặt ra được ba tiếng là:

«Sơn» (núi), viết *cán úy* [kán wei]

«Nam-tử» (con trai), viết *can đa* [kan to]

«Nữ-tử» (con gái), viết *can ái* [kan ai]

với giả-thuyết là cách phát âm của nhà ngoại-giao này theo giọng Bắc-kinh bây giờ.

Ba tiếng này có lẽ là *cái núi*, *con đò* (hay *con đũa*) và *con nai*, theo cách phát âm ngày-này của ta.

Đời nhà Minh, tức là vào khoảng giữa thế-kỉ thứ 15, cuốn tự-vựng *Hoa-di-di-ngữ* ghi lại mấy trăm tiếng «annam» trong đó có hai danh-từ có loại-danh là *con* và *cái*, phiên âm là [ko] và [kái] là *co lâu* «con trâu», và *cái của* «con cua» (Ngoài ra, có ghi tiếng *cái*, nghĩa là «vợ» hay «mẹ», với một từ-ngữ liên-hệ là [kai pie] *cái bé* «vợ bé» (ôi, mỉa-mai !); một nghĩa nữa là «đàn bà», có lẽ liên-hệ với nghĩa trên «vợ»).

Với những tiếng-một vừa kể, chúng ta chỉ có thể kết luận được rằng :

1— Việt-ngữ ở thế-kỉ thứ 13 đã có cả hai tiếng *cái* và *con*, dùng làm loại-danh trong cấu-tạo của danh-từ rồi.

2— Sự phát-âm hai tiếng này chưa được phân biệt lắm ở thế-kỉ thứ 13 ; giữa [kán] và [kan] không có khác nhau là bao.

Đến thế-kỉ thứ 15, thì sự phát-âm đã khác nhiều, nên người Tàu phiên âm là [ko] và [kái].

3— Địa-hạt ý nghĩa của *con* và *cái* chưa rõ rệt, mặc dầu ngay từ đầu đã có sự đối nghịch ngữ-lí giữa hai tiếng ấy. Nếu bao gồm cả hai thời-kì vào với nhau thì có thể nói rằng *con* chỉ «người trẻ và giống vật lớn» còn *cái* thì chỉ «giống vật nhỏ và vật không-linh-động, cổ hình, có khối».

Những kết-luận này chỉ bằng vào có rằm danh-từ và chỉ có một giá-trị rất tương-đối. Hơn nữa, vì sự ghi-âm bằng hán-tự chỉ có tính-cách đại-khái, nên rất khó tin. Chẳng hạn như trong cuốn tự-vựng nói trên, cùng một chữ hán tức là một âm-vận mà đã được dùng để phiên-âm nhiều tiếng khác nhau của việt-ngữ, như :

lôi (Hán-việt *lôi*) : *lười*, *trời* (*trời*)

mo (Hán-việt *mạt*) : *mắt*, *mọc*, *mua*

mêi (Hán-việt *mai*) : *môi*, *mũi*, *muỗi*

Tài-liệu viết nghèo nàn như thế, quay về ngữ-lí-học, để đặt vấn-đề nên ta không còn cách nào khác là nguồn-gốc của hai tiếng *cái* và *con*.

II. — TỪ-NGUYÊN CỦA TIẾNG CÁI LOẠI-DANH VÀ SỰ DI-CHUYỂN NGỮ-ÂM GIỮA HOA-NGŨ VÀ VIỆT-NGŨ.

Trước ông Bình Nguyên Lộc, tiếng *cái* như trong *cái cây*, *cái búa*, *cái đục* đã được ông Lê Ngọc Trụ cho là do tiếng hán-việt *cá*, tức Quảng-đông *ko*, pinyin *ge* mà sinh ra Trong cuốn *Việt-ngữ Chánh-tả Tự-vị* của ông Lê Ngọc Trụ có ghi rõ điều này. Ông Bình Nguyên Lộc cũng đồng ý với ông Lê Ngọc Trụ mà cho rằng *cái* là Hoa-ngữ *cá* « đọc sai », và khẳng định thêm rằng sự du-nhập của tiếng này vào việt-ngữ đã xảy ra sau khi Mã Viện dẹp xong loạn bà Trưng.

Tiếng *cá* đã có trong hoa-ngữ thái-cồ đời Thương, Chu. Thư-kinh, Chu-lễ đều đã dùng tiếng này. Về thời ấy, phát âm là [kâr]; đến đời Hán thì phát âm là [ka], ngày nay là [ko] hay [ke], tùy theo thổ-âm. Về ngữ-pháp, *cá* là một số-danh, rất giống như loại-danh, và nếu có sự vay-mượn tiếng này giữa việt-ngữ và hán-ngữ thật, thì không cần, như ông Bình Nguyên Lộc đã viết, là phải « lấy «danh-từ» *cá* để biến thành loại-từ *cái* ». (Tôi đánh dấu chữ « danh-từ »).

● Nhưng, tiếng *cái* của ta, tiếng *cái* trong những danh-từ như *cái núi*, *cái bàn*, *cái rô*, và cả *cái cò*, *cái kiến* hoặc *cái Tũn*, và *cái con vồ*, v.v... không phải là do tiếng *cá* (cồ-hoa và

hoa-việt) mà ra. *Cái* không thể có nguồn-gốc ở hoa-ngữ được, vì điều này trái ngược hẳn với các di-chuyển ngữ-âm giữa hoa-ngữ và việt-ngữ.

Hoa-ngữ được truyền vào việt-ngữ bằng nhiều đợt và qua nhiều đường-lối ; đồng thời, việt-ngữ cũng đã truyền qua cho hoa-ngữ một số tiếng, mà vì tự-ti mặc cảm, ta vẫn cho rằng đã phát-xuất từ noa-ngữ. Tất cả những sự trao-đổi này được gọi là *vay-mượn* (emprunt) và có một sự phân-biệt căn-bản giữa những tiếng vay-mượn và những tiếng cùng-gốc (cognate). Giữa việt-ngữ và hoa-ngữ, không có một tiếng cùng-gốc nào cả.

Ngay từ trong tiền-sử, hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp qua thái-ngữ hay miến-điện, lô-lô-ngữ, chắc chắn là đã có nhiều sự trao-đổi và vay-mượn giữa hoa-ngữ và việt-ngữ. Những sự trao-đổi này không những đã làm luân lưu một số tiếng làm giàu cho tự-vựng việt và hoa, mà còn thúc đẩy những sự biến-đổi cơ-cấu vô-cùng thâm-trọng. Đối với nguyên-việt-ngữ, chính là trong thời này mà đã có những sự thay-đổi lớn-lao nhất, liên đới với nhau, làm

1 — mất những tiếp-phần và tiền-vận (préfixe, présyllabe) trong sự cấu-tạo từ,

2— mất những chức-thể (cas) trong ngữ-pháp.

3— và đòi sự độc-thanh hành sự đa-thanh.

Sự nghiên-cứu cơ-cấu Việt-ngữ đương-thời cho thấy rằng còn có một vài di-tích của một ngôn-ngữ có tiếp-phần và có chức-thể trong ngôn-ngữ của ta ngày nay. Về phương-diện thanh cũng có những di-tích của một hệ-thống bầm-sinh, do sự biến-chuyển tự-nhiên trong nội-bộ của ngôn-ngữ mà có; hệ-thống thanh này, với hai cung-bực và bốn thanh-vị đã tồn-tại song-song với một hệ-thống thanh nhập tịch từ hoa-ngữ sang ở thời-kì lịch-sử. Những thay đổi cơ-cấu này thuộc về tiền-sử, và đã được gãi tọc bởi sự tiếp-xúc với người và ngôn-ngữ thái-hoa cũng trong thời tiền-sử,

Những sự tiếp-xúc của thời có lịch sử (qua những tài-liệu viết của Trung-Hoa) bắt đầu từ cuối đời Tần, khi Triệu Đà lãnh nhiệm-vụ đem những dân thành-tích-bất-hảo của Trung-quốc đi trồng ở miền Nam Ngũ-linh. Đối với Tần Thủy-hoàng, thì những dân này trước hết là bọn nho-sĩ chống-đối, bọn con nhà giàu đi gửi rêu, v...v... Về phương-diện khách-quan, thì bọn dân này chính là hậu-duệ của quí-tộc thuộc các chư-hầu nhà Chu: họ có học, họ nói một hoa-ngữ thuần-túy hơn hoa-ngữ của quân-thần và binh-lính nhà Tần; họ là những người đầu-tiên đã đem nho-học sang đất Âu-Lạc. Nhưng ảnh-hưởng của họ đối với thổ-dân

còn rất ít, vì họ sống riêng-rẽ trong những khu trù-phú, với những kĩ-thuật nông-nghiệp đã tinh-vi của người Trung-thổ, dùng trâu cày, dùng xe ngựa, dùng lưỡi cày sắt, trong khi thổ-dân vẫn còn làm rẫy, với những dụng-cụ bằng tre, bằng đồng, và di chuyển bằng những thứ xe gọi là "cộ" (T.ếng trung-hoa còn ghi lại âm [ko] "xe" này).

Đợt lịch-sử thứ hai xảy ra sau cuộc nổi loạn của người Lạc-Việt dưới sự lãnh-đạo của hai bà Trưng, và có một tính-cách quan-trọng đặc-biệt, vì như chính ông Bình Nguyên Lộc đã nhắc lại một câu của G. Coedès: "Ai biết người đồng-thời của hai bà Trưng dùng ngôn-ngữ nào thì vấn-đề nguồn-gốc của dân-tộc Việt-nam sẽ được giải quyết dễ-dàng"(1). Tôi không đồng ý hẳn với câu trên của ông Coedès (2), nhưng nhận rằng dòng lịch-sử của Việt-nam đã bị bẻ gãy ở điểm này, là điểm quan-trọng nhất của cổ-sử. Mã Viện không những đã phá tan cuộc nổi loạn của hai Bà Trưng (một lần nữa tôi xin phép kính-cần viết lại tên hai Bà để nhắc lại rằng tên họ hai Bà theo cổ-việt-ngữ chứ không theo hoa-ngữ); Mã Viện không những đã đuổi theo các cù-soái của hai Bà để tận diệt bọn phản loạn xuống đến miền cực Nam của quận Nhật Nam

(1) Bình Nguyên Lộc: *Nguồn gốc Mã-lai của Dân-tộc Việt-nam*, 1 cuốn, Saigon.

(2) Vì ngôn-ngữ đời hai Bà Trưng đã là một ngôn-ngữ phức-tạp, có nhiều yếu-tố ngoại-lai.

tức là chân núi Hoành-sơn; viên tướng già của Hán Quang-vũ còn ở lại ba năm để làm cái công-việc chưa từng có và không bao giờ có cho đến nay ở bất cứ đâu trên thế-giới, là tuyệt diệt nền văn-hóa của thổ-dân, và tận thu những sản-phẩm văn-hóa của kẻ bại trận để đúc lại thành một con ngựa đồng và một cây đồng-trụ, còn thừa thì phải hủy hết. Những đồ đồng, trống, chân đèn, tượng, v.v.. đào được ở Đông-sơn (Thanh-hóa ngày nay) và một vài nơi khác ở Bắc-Việt đều đã được chôn xuống đất trước khi Mã Viện tàn phá nền văn-minh cổ-lạc, một phần có lẽ là do những người đã theo bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa. Những di-tích này tỏ ra một điều rõ như ban ngày, là trong thời bà Trưng, người Lạc-Việt có chung một nền văn-minh, giống những người sống đồng-thời ở miền Nam Việt-nam, Cambutchia, bán-đảo Mã-lai và quần-đảo Nam-dương. Ở những nơi sau này, kĩ-thuật đồ đồng của văn-minh Đông-sơn còn kéo dài trong một thời-gian nữa, trước khi chịu ảnh-hưởng của Ấn-độ. Nhưng ở Bắc-Việt, sau khi Mã Viện đến, thì người thổ-dân thành nô-lệ cho kẻ xâm-lăng, và một chính-sách đồng-hóa qui-mô đã được áp dụng. Chỉ có một thiểu-số ở ven rừng là thoát được cái số-phận ấy một phần nào, để thành những dân Mường, dân Mán, dân Mọi (tên của những dân-tộc này đều dùng âm [m-] ở đầu); và một số nữa đã vượt qua Hoành-sơn, biên-giới của quận Nhật-Nam để lập nên những ấp trong

rừng mà người Trung-Hoa gọi là Lâm-ấp, để nuôi chí phục thù.

Những gì đã xảy ra ở đồng-bằng Sông Cái và Sông Mã sau đó? Dân Lạc-Việt đã bị nô-lệ-hóa toàn-diện và bị cưỡng hiếp một cách tàn-bạo, trong nghĩa đen và trên phương-diện văn-hóa. Họ không được coi là người nữa, nên những sổ hộ-tịch chỉ ghi lại những nóc gia hán-tộc thôi, (và đã có một sử-gia (1) dựa vào sự tăng dân-số theo sổ bộ mà kết-luận rằng người Việt-nam chính là dân Trung-Hoa di cư!) Sự thực ra, những người tự-do ở trên đất Giao-chỉ thời đó chỉ có người Trung-Hoa thì đúng; nhưng dân-số không phải chỉ có người Trung-Hoa, mà còn có người thổ-dân trong thân phận nô-lệ nữa, và số người này không phải là ít. Con cháu của những người này bị lai giống hán-tộc rất nặng-nề, nên về phương-diện nhân-chủng sinh-lí và vật-lí (2), những nét bản-xứ đã giảm đi khá nhiều. Nhưng về phương-diện văn-hóa và ngôn-ngữ, nếu số người bản-xứ còn lại không đông hơn dân di-cư, thì làm sao mà người Việt-nam lại khác được người Trung-Hoa trong nếp sống và ngôn-ngữ? Họ đã đủ đông

(1) Nguyễn Phương — *Việt-nam thời khai sinh*, 1 cuốn, 1965.

(2) Quan-niệm chủng-tộc vật-lí (tức những tính-cách vật-lí của cơ-thể và đo-lường các chỉ-số xương) nay đã nhường chỗ cho quan-niệm chủng-tộc sinh-lí, tăng vào những tính di-truyền định được bằng những phương-pháp sinh-hóa-học (loại máu, cấu-tạo của hemoglobin, hệ-thống enzim,...)

đề đồng hóa cả những người Hán sống chung với họ.

Về phương-diện văn-hóa, tôi chỉ nêu ra một thí dụ, nhưng là một thí-dụ rất lớn, về sự khác-biệt giữa hai nếp sống, để khi đã ý thức rồi thì không khi nào chúng ta quên được: đó là cách ăn cơm của ta. Người Trung-Hoa dùng đũa mà xúc cơm lên miệng; đó là cách ăn qui-phái cảnh-vẽ của thực-dân. Người Việt-nam cũng ăn bằng bát đũa, nhưng « và » cơm, nghĩa là bưng cái bát lên đến miệng và dùng đũa mà « lùa » (1) cơm vào. Đó là cách ăn của người nô-lệ, đã trở thành một nét văn-hóa của dân-tộc từ lúc đó. Tôi đau xót và hãnh diện cho dân-tộc tôi mỗi khi xúc cơm vào miệng, vì mỗi miếng cơm lại nhắc lại cho tôi những sự khổ-cực của người Việt trong thời-ki bị người Hán đô hộ, và sự bất-khuất của những người ấy. Sau Mã Viện, thì Giả Tung và các thái-thú khác đã buộc thổ-dân phải theo những phong-tục phương Bắc, qui định lại những hệ-thống thân-tộc, nghi-lễ hôn-phối v.v.. để hoàn tất sự diệt-chúng bằng cách xóa bỏ nền văn-hóa của thổ-dân.

Về phương-diện ngôn-ngữ, thì sự xử-dụng hoa-ngữ là một điều bắt-buộc trên toàn-thể lãnh-thổ của đô-hộ phủ khi ấy. Tiếng lạc-việt ở thế kỉ thứ I vẫn chưa hoàn-toàn biến thể thành độc-vận, nhưng chắc-chắn là đã có thanh. Những tiếng hai-vần còn được dùng, như tên đất của Vua Bà là *Mling (mà người Tàu

phiên âm là *Mê-linh*, là *Mai-linh*, là *Mi-linh*); và cũng còn có những tiếng hai-vần mới được đặt ra với một vần chính vay-mượn của hoa-ngữ và một tiền-vận dùng âm môi, như *bồ-hòn* « một thứ trái cây dùng để rửa ». Nhưng chính-sách mới của thực-dân Hán là cưỡng-bách đồng-hóa về tất cả mọi mặt, kể cả về ngôn-ngữ. Do đó, có một thời, người thổ-dân ở tình-trạng lưỡng-ngữ(2). Sự lưỡng-ngữ đã có ít ra là ba hậu-quả lớn. Một là có những cặp tiếng song-hành, với những ý-nghĩa và nội-dung tình-cảm khác nhau. Chẳng hạn như *cơm*, là thức ăn chính thường ngày của ta; nhưng cái thứ cơm mà người chủ phát cho bọn nô-lệ thì không gọi là *cơm* mà là *mễ* [*miar] đồng-nghĩa với *cơm gạo* theo tự-diện, nhưng trong thực-tế thì chỉ là *mễ*, là « cơm để ôi ra đến nổi đã chua và chầy nước ». Khi một dân-tộc bị chinh phục, thì bất cứ ở đâu cũng thế, kẻ chiến thắng hưởng tất cả những sung-sướng trên đầu kẻ chiến bại; dân Norman thắng dân Saxon thì từ đó cho đến ngày nay, tiếng Anh vẫn ghi nhận rằng con bò *ox* hay *cow* của người Saxon thành thịt bò *beef* cho người Norman ăn, con cừu *sheep* của người Saxon thành thịt cừu *mutton* của người Norman, con lợn *pig* của người Saxon thành thịt lợn *pork* của người Norman: Một đẳng thì phải nuôi mà không được ăn, một đẳng

(1) *Lùa* là một tiếng gốc polinesi (mãlai).

(2) *Lưỡng-ngữ*: bilingualism

Từ đây, tôi sẽ chua tiếng ngoại-ngữ ở dưới trang.

thì ăn mà khỏi phải nuôi. Còn ở Việt-nam thì *mẽ* là «com gạo», nhưng khi đến tay người Việt-nô thì chỉ còn là *mẻ*, không thể ăn được và chỉ dùng để khểng vào những nồi canh chua-cay mà túp cho gọi là có 1 ơ gạo mà thôi.

Ngược lại, tất cả những tiếng gốc hán-ngữ có một tiếng việt-ngữ đồng-nghĩa thì đều đương-nhiên có một giá-trị nghiêm-trang và cao-quí hơn hẳn tiếng Việt. Như tiếng *uống* (do Hán-ngữ âm [*iəm, iəm, yin] (1) mà thành?) có một nội-dung thanh-tao hơn tiếng *nốc*, là tiếng thuần Việt, ở tiếng *nước* ← *nác*, *núc* (*bếp núc*, *bếp nước*) mà ra.

Hậu-quả thứ hai là có một số tiếng kép đã được tạo thành, gồm một tiếng hán-ngữ đi kèm theo bởi một tiếng của thổ-dân. Những tiếng kép này có thể là danh-từ: tiếng thứ nhất là gốc hán, tiếng thứ hai là một tiếng gốc lạc-việt gần nhất về ý-nghĩa, nhưng ngày nay chỉ còn là một tiếng rỗng, dùng để đệm tiếng thứ nhất mà thôi; thí dụ như: *tiền nong*. Lại cũng có thể là diễn-thuật-từ (động-từ), như *viết lách*. Tôi lấy những thí-dụ này một cách cố ý để đặt ra một nghi-vấn, về chữ-nghĩa của người Việt thái-cồ (*lách*) và sự dùng một thứ tiền (vỏ sò? đá?) lưu chuyển trong xã-hội (*nong*), ngay từ trước khi bị hán-tộc đô hộ. Trở về với ngữ-học, sự lưỡng-ngữ đã biến đổi cả cái cơ-cấu của ngữ cồ, qua sự tạo thành những diễn-thuật-từ kép, có hai tiếng. Chẳng hạn như khi một

tên thừa-sai ra lệnh cho bọn nô-lê, tên ấy dùng hán-ngữ và hô lên: *hạ*; chính hần hoặc một tên thông-ngôn lập tức phải nói theo: *xuống*. Rồi từ đó, ta nói là *hạ xuống*, một cách nói suy ra thì thừa, nhưng đã thành một nét đặc-biệt của việt-ngữ vì những lí-do lịch-sử vừa kể. Sự-kiện này phải được hiểu là một sự biến-đổi của cơ-cấu ngữ-pháp trong việt-ngữ. Những biến-đổi cơ-cấu là những biến-đổi chỉ có khi một ngôn-ngữ chịu một áp-lực rất nặng-nề trong một thời-gian khá lâu dài. Biến-đổi trên đã đem vào trong ngữ-pháp của việt-ngữ một cơ-cấu rất đặc-biệt, trong đó có hai từ đi đôi với nhau để diễn thuật một động-tác, từ đi trước à để miêu tả động-tác, và từ đi sau à để chỉ cái chiều-hướng hay mục-đích của động-tác; chẳng hạn như: *đi lên*, *nhập vào*, *xuất ra*, *tiến tới*, *chạy đi* v.v... Cơ-cấu này, tôi viết bằng kí-hiệu là $B_2 - B_1$, vì hai từ đồng loại với nhau, nhưng bị chỉ định trong liên-hệ về nội-dung bởi một liên-hệ về hình-thức là tương-quan vị-trí. So sánh: *nói lên* và *lên nói*, *ra đi* và *đi ra*, *lấy về* và *về lấy*, v.v...

(còn tiếp)

TRẦN NGỌC NINH

(1) Về phép kí-âm hoa-ngữ, tiếng đầu có dấu sao * là thái-cồ hoa-ngữ, rồi đến cồ-hoa-ngữ, rồi đến kim-loa,

Vấn-đề Tân-Toán-học ở nước ta

Từ mấy năm trở lại đây người ta mới bắt đầu nói đến Tân-toán-học ở nhà trường như một cuộc cách-mạng về môn dạy Toán, mặc dù đối với các nhà toán-học cũng như các khoa-học-gia khác, không có một đổi mới nào có thể gọi là bột phát không nối tiếp từ những hình-thái đã có gốc rễ lâu rồi.

Chuyện ở nước người

Ở nước người có nơi phong-trào dạy Toán mới đã được chấp nhận vào nếp sống bình-thường ở học-đường. Ở Mỹ, trong thập-niên qua đã có nhiều đổi thay từ cấp Đại đến Tiểu-học, sách giáo-khoa Toán mới bậc Tiểu-học đã có phổ-biến sang bên ta (1). Chính-phủ Liên-bang Mỹ và các tổ-chức tư-nhân như Carnegie Corporation of New York đã bỏ ra những số tiền lớn để bảo trợ cho nhiều chương-trình đẩy mạnh sự hợp-tác giữa các nhà toán-học và giáo-dục trong chiều hướng mới này. Ở nước Pháp, Toán-mới đã bắt đầu dạy ở Đại-học từ 1952, tại các lớp Toán chuyên-kì oa, Toán đặc-biệt từ 1956; còn ở Trung-học, tuy chương trình 1961 vẫn giữ những đề-mục như trước, nhưng trên thực-tế đã có sách xuất-bản thực-hiện chương-trình ấy với thuyết tập-hợp và các ký-hiệu mới như bộ Cours Maillard, Hachette 1963 chẳng hạn, và đến năm 1967 đã có giáo-sư tự ý mạnh dạn dạy tân-toán-học ở cấp này trong điều-kiện riêng mình chịu

trách-nhiệm thành-bại. Từ 1970 chương-trình sixième Pháp (tương đương lớp sáu ta) đã có dạy về tập-hợp. Nhưng từ nhiều năm trước đó trong một tạp-chí như *L'école et la vie*, một học-báo có giá-trị, bên cạnh những bài dạy toán Tiểu-học soạn theo lối cũ đã có những bài dạy về tập-hợp và các phép toán mới cho lớp Dự-bị (cours Préparatoire) từ 1962. Trong số ra ngày 3-10-64, còn có một bài, luận về toán mới ở mẫu-giáo, kèm theo chương-trình do một nhóm nữ giáo-chức đề-nghị.

Nhưng không phải ở những nước tiên-phong như vậy mà phong trào dạy toán mới này đã được dân chúng hưởng ứng một cách dễ-dàng mà không cần một cuộc cồ-động mạnh-mẽ. Ngay tại Pháp là tổ-quốc của nhiều nhà toán-học tài-danh từ Descartes, Fermat, Pascal đến E. Galois, A. Cauchy... và nhóm Bourbaki đã có nhiều công khai sáng Toán-học mới, mà phong-trào tân-toán học cũng phải được trình-diện như một biến-đổi lịch-sử quan-trọng và được cồ-động rầm-rộ cho có sự chấp-nhận của nhiều người. Một số tạp-chí của quần-chúng trí-thức Pháp cũng đã không tránh được nhiệm vụ này: Số *Science et Vie* ra tháng Bảy 1969 đã dành một cái nhan đầy ý-nghĩa cho

(1) Như bộ *Modern Mathematics through Discovery*-Silver Burdett Company 1966 thấy ở các thư-viện có nhận sách viện trợ Mỹ.

một đề-tài gây chấn : « *Comment survivre dans la Jungle des Ensembles* » (Làm thế nào để sống còn trong rừng rú những Tập-hợp). Số Paris-Match ra ngày 7-3-70 còn trịnh-trọng và qui mô hơn nhiều : 14 trang in màu với cái đề « đao to búa lớn » : « Paris-Match mở một hồ-sơ then-chốt của nền giáo-huấn hiện-đại : Cuộc Cách-mạng Toán-học », và loạt bài được giới-thiệu như « một phát-kiến mới trong đường-lối thông-thường (une innovation dans la formule de Paris-Match) đề lập cầu cảm-thộng giữa hai thể-hệ bất đồng ngôn-ngữ ». Sau đó là cả một trang màu lớn chỉ dành cho cái tít : « *C'est la fin des maths de papa* » (Toán-học của bố đã hết thời), bài của Guillaume Hanoteau kể chuyện một ông cha, cựu tốt-nghiệp trường Bách-Khoa (Ecole Polytechnique) Pháp, chỉ biết đa-thức, quỹ-tích... đã phải lúng-túng khi bị một đứa con nhỏ « vô lễ » nhờ ông giải hộ một bài toán khó về tập-hợp, phép ép, ... ông bố rồi giận và sau đó đã viết thư cho vị dân-biểu địa-phương ra Quốc-hội chất-vấn Tổng-trưởng Pháp có trách-nhiệm lúc bấy giờ là Ông Fouchet về cái « chuyện bi-ôi (scandale) tân-toán-học »... Rồi tác-giả kể lại lịch-sử toán-học, không quên đề cao hai danh-nhân nhà là Cauchy và Galois. Kế đó là những bài phổ-thông-hóa vài khái-niệm sơ-đẳng về toán mới, trích trong một sách giáo-khoa toán Sixième của nhà Hachette (chương I, bài I). Cuối cùng là một bài giải-thích rất bác-học mà cũng rất đại-

chúng của Giáo-sư André Revuz, Giám-đốc Nghiên-cứu môn dạy Toán ở Paris.

Đó là chuyện cách đây không lâu ở một nước vốn có truyền-thống lâu đời sản-xuất nhiều tài-danh toán-học nhất thế-giới.

Chuyện ở nước ta

Gần đây ở nước ta trào-lưu Toán mới này trong ngành giáo huấn cũng có vẻ sôi nổi. Có một số báo hàng ngày đã lớn tiếng đòi hỏi vì lẽ «sinh viên Việt-nam ra nước ngoài thấy người ta học chẳng hiểu mô tê ất giáp gì, chỉ vì đã không được học Tân-toán-học». Từ 1969, Bộ Giáo-dục đã đưa một số đề-mục tân-toán-học vào chương-trình lớp 12 và cũng từ đó đã có một số giáo-sư cho ra sách học đề đáp ứng chương-trình thi mới, một số lớp tu-nghiệp loại recyclage cũng được tổ-chức để có đủ giáo-chức dạy được lớp thi tú-tài Hai mà sĩ-số ngày một tăng. Báo-chí thỉnh thoảng thấy có đăng quảng-cáo lớp dạy hè, luyện thi có tân-toán-học để thu hút học-sinh ; ta cũng không quên những cố-gắng thí nghiệm tư-nhân ra sách Toán-mới ở bậc Tiểu-học tuy chưa có thay đổi gì trong chương-trình bậc học này.

Nhưng từ đó đến nay, trong phần lớn học-giới và nhất là trong quần-chúng ngoài học-đường, cố nhiên là chỉ nói đến quần-chúng trí-thức, thì không còn thấy có bàn tán gì nữa, hình như mọi người đã đều thỏa-mãn với việc chính phủ có cho dạy

toán mới ở lớp tú-tài và con em họ may ra có đứa nào được xuất dương du học thì khỏi còn bị trở ngại gì nữa. Sự việc như đang được ổn-định ở đó cho đến khi nào ở nước ngoài có gì đổi mới, khiến mình bị-động vì một liên-hệ nào với họ thì chúng ta mới nghĩ đến đổi mới nữa.

Thực ra thì việc nên hay không nên dạy một môn học ở một nước không phải chỉ vì một lý-do đơn-giản như vậy.

Tại sao dạy Tân-toán-học

Dạy Tân-toán-học là dạy những gì, chắc ai đã có ý muốn tìm hiểu thì cũng đã hiểu cả rồi, vì hiện nay loại sách giáo-khoa này trên thị trường không còn khó kiếm nữa. Chỉ xin bàn ở đây về giá-trị và cái ý-nghĩa lớn-lao của môn học ấy.

Mỗi đổi thay trong giáo-dục chỉ được chấp-nhận khi nó nhằm góp phần vào sự-nghiệp tiến-hóa của con Người và chuyện tân-toán-học chính là chuyện của một đoạn đường mới trong cái tiền-đồ vô tận của chúng ta(r).

Kiến-thức con người ngày một chông-chất, đó là những cái vốn lớn rất quý nhưng cũng có thể trở thành nguy-hiểm, bởi vì nếu nhiều quá, trí óc con người, muốn thông-suốt về ngành nào phải chuyên-biệt hẳn về ngành đó, không còn có đủ khả-năng hiểu biết đến các ngành khác để cảm-thông với kẻ khác được nữa. Đó sẽ là chuyện bế-tắc, bởi vì nhân-loại chỉ tiến-hóa trên đường thông-cảm hòa-

đồng với nhau. Bởi vì các tiến-bộ hiện tại ở mỗi ngành, dù chuyên môn đến đâu, cũng đều cần đến những dữ-kiện của nhiều ngành khác và chỉ được như thế khi các nhà chuyên-môn chịu chấp-nhận một qui-phạm đa diện (pluridisciplinarité). Bởi vì nếu cứ giữ nguyên những kiến thức của tất cả các thế-hệ cha ông xưa lưu lại mà không chọn lọc để chỉ còn giữ những gì cần-thiết mà thôi thì cái vốn khổng-lồ ấy sẽ là độc-quyền của một số trí óc thượng-lưu, vượt hẳn lên trên một quảng-đại quần-chúng vĩnh-viễn cam phận thấp hèn, tiện thì tỏ nên yếu kém tự giam hãm vào vòng nô-lệ của một thiểu-số, đó là một nguy cơ rồi sẽ đe-dọa loài người không kém nạn bom nguyên-tử. Nhất là đối với kiến-thức toán-học nói riêng thì có thể coi như tình trạng đó đã xảy ra rồi: Sách chép rằng mới 4 thế-kỷ trước đây chỉ có những tay tính toán nhà nghề mới biết tính với bàn toán, còn phần đông dân chúng chỉ tính trên đốt tay, toán nhân còn coi như quá khó, khi gặp tính chia người ta phải giao cho một nhà "bác-học chuyên môn" để vài ngày sau mới cho kết-quả. Nhưng bây giờ, người ta đã thấy rằng trong quyển Bách-Khoa Tự-điền Pháp mà các tác-giả tự cho mình chỉ nhằm mục-tiêu "truyền-đạt kiến-thức cho quảng đại nhân-dân (renseigner la plus grande masse d'hommes)" lại có phần Toán-Học ra năm 1937, dày 300 trang lớn mà đã có tới 4/5 vượt quá trình-độ

(1) Chúng ta đi về đâu — Thời-Mới xuất bản 1969.

các giáo-sư Toán bậc Trung-học !

Lại nữa, giáo-dục không phải chỉ là chuyện truyền-đạt kiến-thức (connaissances), kiến-thức mà không dùng được thì may lắm chỉ là đồ trang-trí cho cao sang trong một xã-hội ngưng đọng mà thôi; cái nạn học lấy kiến-thức hiện là cục đá nặng đeo vào các dân-tộc chậm tiến đang rầy-rụa mãi mà khó thoát ra. Thật vậy, ngày nay ở nước ta nếu Tân-toán-học dạy trong các trường, giảng trong các sách, mà chỉ nhằm cung-cấp cho học-sinh một số kiến-thức mới lạ hơn trước như lối dạy lâu nay thì rồi ra cũng chẳng đào-tạo được lớp người nào hơn trước. Cho nên việc đưa Toán mới vào nhà trường cốt là để đào-tạo khả-năng trí-tuệ hơn là kiến-thức. Mà chỉ có Phương-pháp trong giáo-dục mới làm nổi việc đó, bởi đó mà Tân-toán-học chính là một *vấn-đề phương pháp giáo-dục* nhằm đào-tạo khả-năng trí-tuệ cho con người.

Hai điều trình-bày trên đây là những do lai của việc dạy tân-toán-học. Ta lần-lượt xét hai mặt ấy để biết phải làm gì để hướng ứng được phong-trào đó

Trước hết là việc *chọn lọc kiến-thức*.

Cái ý-đồ của các khoa-học-gia muốn xây-dựng khoa-học mình cũng ví như những kiến-trúc-sư có tham-vọng xây-cất dần dần một lâu đài cao vô-tận với những vật-liệu rất thông-thường để cho mọi người có

thể theo mình mà làm được, vật-liệu ấy cũng đủ chắc để từ dưới xây-lên mãi mãi về sau. Những khái-niệm về tập-hợp mà các nhà tân-toán-học đã chọn làm cơ-bản cho toán-học mới cũng vậy. Trước đây *Tập-hợp* được coi như những lý-thế cốt đề tiện cho lý luận nên mới có những thành-ngữ *Thuyết về Tập-hợp* (Théorie des Ensembles), nhưng bây giờ nó đã là thực-tế. Trong Vật-lý-học cũng đã có trường-hợp như vậy, xưa kia Nguyên-tử chỉ có trong lý-thuyết nên có cái « *Théorie des Atomes* », nhưng bây giờ nguyên-tử là cái có thể biến-đổi, đo-lường được, danh-từ chỉ là danh-từ, ý-nghĩa thì đã khác xưa. *Tập-hợp* còn hơn thế nữa: từ xa xưa người ta đã đếm bằng tập-hợp, Bertrand Russell biết rằng đã phải sau nhiều thế-kỷ con người mới phân-biệt được ngày-và-đêm là 2 chuyện và một cặp thỏ có 2 con (1). Người bình-dân ta vẫn đếm vịt gà bằng cặp, cam, xoài, dừa bằng chục, chục là một tập-hợp 10, 12 hay 15 tùy phoong-tục. Trẻ con cũng bắt đầu nhìn thấy tập-hợp trước khi học đếm: nếu nó chơi với một con búp-bê nó cũng chỉ thấy đó là một tập-hợp gồm đầu-tóc-tay-chân...của búp-bê; chỉ khi nào nó được đem đi dạo phố, được thấy trong tủ kính nhà hàng có sắp 5, 7 búp-bê thì nó mới so-sánh để thấy mình chỉ có *Một* búp-bê. Từ đó trở đi nó mới biết *nhiều và ít*

(1) Dẫn trong Histoire des Mathématiques — Marcel Boll P.U.F. tr. 8.

là khái-niệm đầu-tiên của sự đếm. Nếu nó có nhiều búp-bê thì nó mới nghĩ đến việc ghép đôi từng cái (appariement) với số búp-bê của bạn nó để biết nó có hơn bạn nó nhiều không. Bấy giờ người lớn mới can-thiệp vào, bắt nó đếm 1, 2, 3, 4... từ số 1 trở đi, lấy 1 làm cơ-bản và khi đến trường, thầy giáo mới dạy nó gọi 1 là đơn-vị. Đó là những chuyện trừu-tượng rất khó đối với nó, nhưng không sao, nó cứ theo và thuộc được vì có khả-năng nhớ tiếng rất giỏi tuy nó chưa biết được 5, 7, 8... là thứ gì. Nó chỉ hiểu theo lối nó mà thôi nghĩa là chỉ nhận biết sự nhiều ít theo lối xếp đặt các vật trong những tập-hợp quen thuộc. Từ lâu rồi nhà giáo-dục C. Freinet đã biết rằng «nếu trẻ con thường săn-sóc 4 con thỏ thì số 4 đối với nó đơn-giản hơn là 3 và hơn cả số 1» (2). Ta có thể nói thêm rằng: nếu nó chỉ nuôi 1 con thỏ thì nó cũng chỉ nhìn thấy cái toàn-bộ đầu-mình-chân-tai... của con thỏ chứ không thấy được con số 1.

Thế nên, nếu đề tự-nhiên thì con người bắt đầu đếm từ tập-hợp. Những phép cơ-bản trong thuyết tập-hợp cũng thế: khi hai con đường gặp nhau (phép giao) thì ở ngã tư chỉ có một chỗ cho anh cảnh-sát đứng, không cần 2 anh cho 2 con đường. Hai tấm hình chụp kỷ-niệm trong một đám cưới, nếu ông A có mặt trong cả hai hình thì khi hai họ tề tựu (phép hội), trong cái tập-hợp chung ấy người ta cũng chỉ thấy có 1 ông A. Bởi vậy nên có chuyện:

$(1, 2, 3, 4) \cap (3, 4, 5, 6) = 3, 4.$
(Phép giao).

$(1, 2, 3, 4) \cup (3, 4, 5, 6) = 1, 2, 3, 4, 5, 6.$ (Phép hội).

Vậy thì những cái tên lạ như tập-hợp, giao, hội... thực ra là để nói những chuyện thông-thường mà các nhà toán-học ngày xưa, với quan-niệm toán-học là một môn thông-thái, đã không sắp vào các phép tính đó thôi, nếu xưa kia họ cho Cộng là chuyện quá thông-thường mà không kê vào các phép tính thì ngày nay, ở trường, trẻ con ta chỉ học trừ, nhân, chia, và sau đó sẽ có tân-toán-học nói đến phép cộng.

Vì chọn được những cơ-bản thông-thường như vậy cho môn Toán hiện-đại mà các nhà toán-học ngày nay có tham-vọng cao xa sẽ phổ-cập các tri-thức về toán một cách dễ-dàng đến khắp mọi người và sẽ không còn có ai đọc giữ cái may-mắn có «bước toán» nữa, rồi nhà thơ cũng làm được toán như các ông tiến-sĩ toán, và cái phương trình $x + 5 = 13$ không khó hơn là câu: «Người nào là chị, em là Thúy-Vân» trong đó x có thể thay-thế bằng một số (8) cũng như «người nào» bằng một tên người (Thúy-Kiều).

Những cơ-bản Tân-toán-học đều rất thông-thường mà cũng rất phong-phú nữa. Nó bao gồm mọi lý-luận con người, chẳng những nó dẫn đến những lập-luận cao xa ở Đại-học, Cao-học và các phát-minh tối-hậu mà

(2) Les Méthodes naturelles dans la Pédagogie Moderne. Bourrelly tr. 89.



cũng bao gồm cả những chuyện tính-toán thông-thường : như ta nói « giấy-trắng » thì ý-niệm ấy chính là kết-quả của phép giao giữa 2 tập-hợp gồm tất cả những gì trắng và tất cả những gì là giấy. Thế là rộng hơn trước bởi vì cộng, trừ chưa phải là đủ để mà giả-thích được mọi trường-hợp thêm, bớt trong thực-tế : 2.000 phân khối rượu tinh-chất trộn vào 2000 phân-khối nước tinh-chất thì chỉ được 3955 phân-khối tất cả ; 2 lít chất khí này trộn vào 1 lít khí khác cũng chỉ là 2 lít : trong một động-cơ điện ba pha ghép lối tam-giác thì $2 \text{ amp} + 2 \text{ amp} = 3 \text{ amp}$ 4641. Phải có cái gì cao rộng hơn để ứng dụng được cho tất cả.

Lối tam-doạn-luận bất hủ của triết-học xưa cũng bao gồm được trong toán mới :

Socrate $\in$ Người (tập-hợp Người).
Mà Người $\subset$ Những gì có thể chết.
Vậy Socrate $\in$ có thể chết.

Phép ghép-đôi (appariement) chỉ là một kinh-nghiệm thái-cổ vì đếm chính là ghép-đôi từng vật với hệ thống 1, 2, 3,... thế mà phép ấy đã giúp nhà toán-học Georg Cantor cắt nghĩa được một cách đơn-giản cái chân-lý từ trước đến nay trái ngược với lương-tri của mọi người, đó là : hễ có bao nhiêu số nguyên thì có bấy nhiêu số chẵn, hoặc : hễ có bao nhiêu số nguyên là có bấy nhiêu số nguyên-tổ ; tức là cái sự thực lạ-lùng : *Một Phần cũng bằng Tất cả* (une partie est égale au tout) khi nói

về các đại-lượng vô-cực, bởi vì người ta có thể ghép đôi :

Chẳng hạn : 1, 2, 3, 4,...

với... 2, 4, 6, 8,... cho đến vô cùng.

Người ta nghĩ rằng các nhà toán-học ngày xưa đã đi vào trừu-tượng, quá sớm, đã bắt đầu từ cái chứa ở trong (contenu) là cái số trừu-tượng mà quên cái cơ-cấu, tức như cái vỏ chứa (contenant), cái dây buộc cụ-hề bên ngoài, bởi đó nên đã có tính toán kể đến 60 thế-kỷ trước khi chữ viết được phát-minh mà đến thế-kỷ thứ 12 sau Tây-lịch một nhà bác-học Ấn-độ là Bhaskara mới đưa ra được một khái-niệm rõ-rệt về con số zéro, « cái phép màu của zéro » (le miracle du zéro) mà ngày nay người ta coi như một phát-minh vĩ-đại của nhân-loại. Nếu xưa kia, họ đã đi từ tập-hợp thì cái chứa của một tập-hợp trống, phải sớm phát-biện được ý-niệm về số không, không đến nỗi cái không, cái hết đã có từ buổi ban đầu mà mãi về sau con người mới tìm ra

được một ký-hiệu để biểu-thị. (1)

Người ta cũng dẫn-chứng những tư-tưởng tuy đơn - giản nhưng phong-phú như vậy trong ý-niệm Nhóm (groupe) chẳng hạn, bao quát được nhiều sự-kiện ở cả ba lãnh-vực số-học, hình-học, đại-số mà ngày nay tân-toán-học bao gồm lại làm một.

Nhưng những cơ-bản này dù có

(1) Ngày xưa bên Đông cũng như bên Tây, người ta viết theo lối : 3 ngàn 7 mươi 5 hay tam thiên thất thập ngũ, chứ chưa viết được như 3075.

được chọn lọc cho được giản-tiện và phong-phú đến đâu, đó cũng chỉ là những *phương-tiện*, cái đặc tính chính yếu của toán-học là *suy-luận*, tìm hiểu về cơ-cấu; và cái mục-đích chính yếu của môn dạy toán ở nhà trường là *rèn luyện óc suy-luận* và những khả-năng trí-tuệ cho con người. Bởi thế mà Tân-toán-học là một cố-gắng phối-hợp giữa những nhà toán-học và nhà giáo-dục-học của thời-đại này. Ngày nay người ta biết rằng: nếu quốc-gia nào coi nhẹ việc giáo-dục đại-chúng để chỉ lo cho một thành-phần xuất-chúng thì quốc-gia ấy đã mang nơi mình mầm-mống của sự diệt-vong rồi (1), cho nên sự phối-hợp này là tất-nhiên trong sự-nghiệp tiến-hóa không ngừng của nhân-loại. Vì vậy mà những cơ-bản trên đây có thể được thay đổi khi độ trưởng-thành của toán-học khiến người ta cảm thấy nó trở nên chật hẹp, bất tiện, không còn làm được phương-tiện phổ-cập giáo-dục đến đại-chúng nữa. Ngay bây giờ người ta cũng đã đưa ra vài nghịch-lý mà ý niệm về tập-hợp đã không giải-quyết nổi, ví dụ như cái nghịch-lý «*tập hợp của tất cả các tập hợp*» (2). Nhưng đó chỉ là điều không đáng kể so với những thành-quả to-tát mà tân-toán-học đã đem lại chẳng những cho sự phát-triển toán-học mà cho cả các ngành khoa-học kỹ-thuật khác từ khoa thiên-văn, điện-tử đến giáo-dục, kinh-doanh.

Và khi những cơ-bản của tri-thức con người mà được chọn lựa tùy

nghĩ để phục-vụ giai-đoạn như vậy thì những chân-lý mà toán-học tìm được phải chỉ là *chủ-quan*. Những định-lý của Hình-học Euclide chỉ cơ-sở trên một số *thỉnh-đề* (postulat, axiome) cần chấp-nhận để suy-luận mà không cần chứng minh; nếu đi từ những thỉnh-đề khác người ta sẽ có những chân-lý khác, chân-lý toán-học không còn được coi là những lý-tưởng tuyệt-đối bất di bất dịch nữa. Điều ấy mà ngày nay ta gọi là một quan-niệm cách-mạng trong tri-thức, sẽ không còn có gì là cách-mạng đối với thể-hệ sau và thể nào rồi cũng sẽ có những Riemann, những Einstein... khác ở trình-độ cao hơn để đổi mới thể-gian với những tư tưởng mới khác. Cứ như thế mà toán-học, khoa-học tiến mãi. Và loài người sẽ tiến bộ không ngừng trong tự-chủ và tình-thương, bởi vì khi mà họ nghĩ được rằng mọi chân-lý chỉ là xây-dựng trên một định-đề do họ có quyền chọn lựa thì họ mới biết mình thực sự có tự-do và rồi những thần-tượng được coi là lý-tưởng tuyệt-đối trong luân-thường đạo-lý, tôn-giáo, chủ-nghĩa, vốn cũng chỉ là những định-đề không hơn không kém, cũng không còn gây được bao nhiêu lăm-tham, ly-tán như lâu nay trên cõi thể-gian này. Tầm quan-trọng của Tân-toán-học không phải là nhỏ vậy.

(Còn tiếp 1 kỳ)

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

(1) Lancelot Hogben— Marcel Boll dẫn trong s.đ.d. trang 121.

(2) Cái « Tập-hợp của tất cả các tập-hợp » (the set of all sets) thuộc về tập-hợp nào? Nếu nó đứng trong số các tập-hợp này thì nó không bao gồm được tất cả. Nếu nó ở ngoài số ấy thì sao được gọi là « tập-hợp của tất cả các tập-hợp » vì chính nó cũng là một tập-hợp, mặc dù đúng lý ra nó phải có. Như thế là mâu-thuẫn. Không được.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



BẦU LỘC ĐIỀU DÀI

Thượng hảo hạng

'Thông mũi - mát cổ' - thơm dịu

Kinh nghiệm tập Yoga

L.T.S Ó Xuân-Quang là tác giả những bài nhận xét về một số sách do người Tây phương viết về Yoga có bán ở Việt-nam và một vài cuốn viết bằng tiếng Việt về Yoga — những bài đã đăng trên Bách-Khoa các số 325, 326 (15-7 và 1-8-70) và 330 (1-10-70). Vì biết rõ ông Xuân Quang là người đã nghiên cứu và luyện tập Yoga rất có kết-quả từ 5 năm nay nên nhân dịp xuất bản cuốn sách về Yoga của Ó. Trần văn Kha — in lần thứ 3 chúng tôi có một số không nhỏ bạn đọc đã chú trọng đến môn luyện tập này — chúng tôi mời ông Xuân Quang viết cho bài sau đây thuật lại những kinh nghiệm luyện tập của riêng ông, để cống hiến bạn đọc một tài liệu về Yoga.

Tôi bắt đầu tập Yoga cách đây 5 năm, đã đạt được một số kết-quả và thu-thập được một số kinh-nghiem. Có ông bạn nhờ tôi trình-bày những kinh-nghiem ấy để hiến bạn đọc Bách Khoa và tôi vâng lời.

Trước hết, tôi xin trình-bày những kết-quả tôi thu lượm được từ ấy đến nay. Trước khi tập, tôi đã đọc qua một số sách viết về Yoga do người Pháp viết và đọc đi đọc lại nhiều lần cuốn «Les Yogas Pratiques» của S. Vivekananda. Tôi đã hiểu phần nào những nét chánh của nền triết-học Ấn-độ làm nền tảng cho Yoga. Tôi hiểu rằng Yoga là một phương-pháp tu-luyện, cứu cánh đưa con người trở về hòa-hợp với chân-không và đạt đến Chân, Thiện, Mỹ. Tuy nhiên, khi tập Yoga, tôi không nhắm mục-đích cao xa ấy, không có cao vọng nhờ Yoga đưa mình đến Chân, Thiện, Mỹ. Tôi tin tưởng nội-dung 4 câu kệ của Lục Tồ Huệ-Năng, nói rằng :

«Phật pháp tại thế-gian,

Bất ly thế-gian giác,
Ly thế mịch Bồ-Đề,
Tức như tầm thổ giác».

(Chân lý ở tại cõi đời này, không thể lánh cõi đời mà tìm chân-lý, lánh cõi đời mà tìm chân-lý, khác nào tìm sừng con hổ). Nhìn vào xã-hội này, chúng ta thấy bao việc xấu xa, bỉ ổi, tuy nhiên, tôi tin rằng bên cái xấu nhất định có cái tốt, cái tốt do cái xấu biến cải thành ra ; chẳng qua, trong tình-hình hiện tại, cái xấu thuộc đa số, cái tốt thuộc thiểu số ; nhiệm-vụ của thiểu số tốt là kết-hợp lại, kiên-trì, tích-cực đấu tranh biến cải cái xấu và tin-tưởng chắc chắn rằng cuối cùng cái tốt sẽ thắng.

Tôi cũng không mong nhờ Yoga mà có được những phép thần-thông. Điều tôi mong chờ ở Yoga là sức khỏe. Tôi xin nói sơ qua lý do tại sao tôi chú-trọng đến sức khỏe hơn cả. Tôi là một người mà theo y-học Đông phương, gọi là «tiên thiên bất túc», nghĩa là tôi sinh ra thiếu tháng, mới 7 tháng 10 ngày đã

ra đời, thiếu phần bồi bổ mà đưa hài-nhi thụ-hưởng nếu nằm đúng 9 tháng 10 ngày trong bụng mẹ, vì thế lớn lên, tôi yếu đuối hơn những đứa trẻ đồng tuổi. Vào khoảng 16 tuổi tôi bắt đầu tập thể-dục theo phương-pháp Tây phương, nhờ đó sức khoẻ khá dần ; lâu ngày thành thói quen, tập thể-dục đối với tôi là một điều không thể thiếu. Tuy nhiên tôi vẫn bị một số bệnh kinh-niên : yếu gan, bệnh kiết lỵ, bệnh trĩ. Mỗi khi thay đổi thời tiết, hay bị cảm : sổ mũi, nóng, ho, dây dưa lâu ngày. Ngoài ra tôi còn mắc phải một vài bệnh thần-kinh, tuy không nặng lắm nhưng nhiều khi cũng làm cho người mất thăng-bằng.

Khi tuổi quá 40, tôi bắt đầu cảm thấy những dấu hiệu của tuổi già : ngủ ít, ăn ít, đau lưng, nhức mỏi mấy khớp xương, những bệnh kinh-niên kiết, trĩ có chiều nặng hơn trước. Tôi nhận thấy rằng đến tuổi ngoài 40 thì tập thể dục theo kiểu Tây phương không có lợi ích đáng kể vì chỉ chú trọng làm nở các bắp thịt ; cần phải có một phương-pháp tập thể nào có ảnh-hưởng đến nội tạng, làm cho cơ thể vượng lên, thắng những tàn phá của tuổi già. Yoga đã đáp ứng nhu cầu ấy của tôi.

Tôi tập Yoga với tất cả sự kiên tâm, cần mẫn, những đức-tính mà nhu cầu gìn giữ sức khoẻ cho một thân thể «tiên thiên bất túc» đã tạo cho tôi. Tôi khởi sự tập vào tháng 9 năm 1967, tập mỗi ngày vào buổi tối, trước khi đi ngủ ; mỗi lần tập trên 1 giờ; trên 45 phút tập các tư-thế

(asanas), còn lại ngồi kiết-già, luyện hơi thở, và cùng với hơi thở, tập trung tư - tưởng vận khí, khai thông các luân xa và các huyết-đạo. Ngay từ ngày đầu, tôi đã thấy trong người có một sự đổi khác và từ đó cứ mỗi ngày là cảm thấy có một sự đổi khác. Tôi cảm thấy thêm mạnh khỏe, thêm vui tươi, thêm yêu đời, do đó niềm tin tưởng ở Yoga được củng-cố mãi, cho nên không ngày nào bỏ tập. Hai tháng sau, tức qua tháng 11 thì trong người tôi có những hiện-tượng lạ lùng. Những hiện-tượng lạ lùng này, tôi cố gắng ghi lại tỉ-mỉ để suy gẫm. Những người có kinh-nghiệm về Yoga cho rằng những hiện tượng này là do số *prāna*, tích trữ trong người qua sự luyện-tập, đã đến một mức độ nào đó. Có thể là đúng, vì sự vận-chuyển của *prāna* trong người tôi đã trở thành cụ thể và dần dần một luồng khí xuất hiện.

Lúc đầu sự vận-chuyển của luồng khí còn lưng chừng giữa trạng thái tưởng-tượng và trạng thái thực-tế nhưng dần dần trạng thái thực tế được xác định. Luồng khí vận-chuyển mạnh nhất cùng với hơi thở ra. Theo phép thì hơi thở ra phải thật nhẹ và kéo thật dài, trong lúc ấy tôi thấy trước mắt (mắt vẫn nhắm) có những lọn vân trắng, từ trên tuôn xuống và bên tai có tiếng ro ro như tiếng ong kêu. Luồng khí cứ mỗi ngày mỗi mạnh thêm và từ năm 1970 đến nay, luồng khí thường xuyên chạy trong người tôi, ngày cũng như đêm. Ban ngày trong khi đi làm ăn, bận việc bên ngoài thì

thời, khi để ý về bên trong, thấy luồng khí vẫn chạy. Ban đêm, lên giường ngủ, nằm xuống lắng nghe nó chạy và chạy mạnh, ngủ quên, lúc thức dậy vẫn nghe nó chạy.

Vào giữa năm 1971, tôi cảm thấy không cần thiết phải tập các tư thế như trước nữa. Từ đó, công phu luyện tập quy vào việc ngồi kiết-già và vận-khí, tức là tập trung tư tưởng, theo dõi sự vận chuyển của luồng khí và lúc bấy giờ cảm thấy thật cụ-thể, luồng khí đi xuyên qua các thớ thịt, các khí quản và đồng thời thường có những âm thanh phát ra, do sự di-động của một khí-thể xuyên qua một môi trường dịch thể. Nếu căn cứ theo quá trình tập luyện của *Raja Yoga* thì tôi đang tập ở giai đoạn *Pratyhara*.

Về tính-chất, luồng khí không hoàn toàn vô-hình. Nó có một số đặc-tính cụ-thể: khi nó đi qua mắt thì tôi thấy những lộn vẩn trắng, qua tai, tôi nghe tiếng ro ro, qua cổ, tôi có cảm giác gắt gắt, chát chát. Về sự vận chuyển, ban đầu tôi cảm thấy luồng khí dường như đi dưới làn da, nhưng càng ngày nó càng đi sâu vào trong cơ thể, tận các khí-quản trong nội tạng. Luồng khí thường xuyên vận chuyển trong người có những ảnh-hưởng rõ rệt đối với cơ-thể. Da thịt thay đổi hẳn, khác với hồi chưa tập, vừa săn lại vừa dẻo, các khớp xương không còn nhứt mỗi, xương sống dẻo. Tôi cảm thấy người nhanh nhẹn trở lại; đặc-biệt, khi chưa tập, nét chữ tôi viết đã bắt đầu run, nay

thì mạnh và sắc sảo hơn hồi còn trai trẻ. Theo sách dạy về Yoga thì đây là luồng khí (*prana*) làm cho các tế bào trẻ lại. Tiếng nói ngân vang trở lại và đặc-biệt tiếng hát có thể kéo dài, thật dài (vì hơi thở dài hơn trước). Ngủ rất nhiều. Trước kia, mỗi buổi sáng, lối 5 giờ tôi đã dậy, đầu hôm lên giường trần trọc hằng giờ chưa ngủ được. Bây giờ, lên giường tức thời theo dõi sự vận chuyển của luồng khí, rồi ngủ lúc nào không hay; sáng hôm sau, quá 6 giờ rưỡi mới dậy, dậy để đi làm ăn, nếu không, như ngày chúa nhật thì lại tiếp tục ngủ nữa. Có thể làm việc nhiều mà không thấy mệt; ban đêm đầu có việc phải thức khuya nhưng qua hôm sau cũng không thấy lờ đờ.

Lục phủ ngũ tạng dường như được tráng kiện trở lại. Bộ máy tiêu hóa và bộ máy bài tiết thật tốt; những bệnh kinh niên hồi trước: kiết, trĩ, không còn nữa, bộ máy hô-hấp thay đổi lạ lùng, tôi sẽ nói sau. Quanh năm suốt tháng, dù thời tiết thay đổi thế nào vẫn không hề có sổ mũi nhức đầu. Trước kia tôi hút thuốc lá, nay thì bỏ hẳn. Tóm lại, tôi có thể xác định rằng: công-hiệu của Yoga làm cho trong thân thể người tập xuất hiện một luồng khí, thường xuyên vận chuyển và có tác dụng làm cho toàn bộ cơ thể, từ da thịt đến cơ-năng, lục phủ ngũ tạng, dẻo dai, tráng kiện trở lại.

Đặc - biệt bộ máy hô - hấp có những thay đổi lạ lùng. Như trên đã nói, luồng khí vận chuyển thường xuyên và tự tạo ra những đường

riêng đề vận chuyển trong cơ thể và trên quá trình vận chuyển của luồng khí, tôi thấy có từng cơn nhói đau, nhưng rồi khôn g sao cả. Có lúc luồng khí xoi nhói bộ phận nời bên sau lỗ mũi, tiếp giáp với cuống họng, đề tạo ra một đường cho hơi thở đi phía sau buồng phổi, xuống bụng. Hiện tượng này xảy ra nhiều tháng và hiện nay khi tôi thở, ngoài một số hơi đi vào buồng phổi như bao nhiêu người khác, còn một số hơi đi xuống bụng, làm cho bụng phồng lên, tặn đến sau lưng. Không biết trong không khí tôi hít vô, phần nào đi vào phổi và phần nào đi xuống bụng, nhưng dường như phần đi xuống bụng không giống phần đi vào phổi ; phải chăng phần đi xuống bụng là prâna. Tôi cảm thấy rằng phần hơi đi xuống bụng, nó không ở đó mà còn từ bụng tràn lan ra khắp châu thân, xuống chân ra tay.v.v..

Tôi có những người bạn cũng tập Yoga một cách cần mẫn và đã lâu năm ; anh cũng ca-ngợi tác dụng của Yoga đối với cơ thể của anh, nhưng anh cho biết không thấy có luồng khí thường xuyên vận chuyển trong người, nhưng lại thấy có những hiện tượng khác. Tưởng có thể nhận-định rằng Yoga ảnh-hưởng mạnh mẽ đến cơ thể, nội-tạng của người tập, nhưng mỗi người cảm thấy trong mình có những biến đổi khác nhau, không ai giống ai ; có thể có nhiều bạn cũng tập Yoga nhưng không thấy trong người có những hiện tượng như tôi đã trình bày mà lại có những

biến đổi khác.

Vì nhận thấy luồng khí có những tác động lạ lùng đối với cơ thể cho nên tôi tưởng giới y-học nên chú-ý đến hiện tượng này, đặc biệt giới y-học tân tiến nên dùng những phương tiện khoa-học để nghiên-cứu bản chất và đặc-tính của luồng khí, chắc chắn sẽ có được những hiểu biết mới về cơ-thể con người.

Riêng tôi, dựa vào những hiểu biết về triết-học Đông-phương, tôi có những nhận định sau đây về luồng khí. Người Trung-Hoa gọi đó là *khí*, Yoga Ấn-độ gọi là *Prâna*, và để dễ biểu chúng ta gọi đó là sinh-lực, tiếng Pháp, "*énergie vitale*", nguồn gốc của sự sống trong vũ-trụ, trong con người. Theo nhận định của Yoga thì prâna trong con người tích tụ tại các *luân-xa* (*chakra*), có 7 luân-xa, và di-chuyển qua những đường vô-hình gọi là "*Nadi*". Khi còn trẻ, prâna vận chuyển mạnh mẽ, con người trẻ trung, lạnh lẽ, dẻo dai. Lớn lên, không luyện tập, dần dần các *luân-xa*, các *nadi* nghẹt, đứt đoạn, *prâna* không lưu thông, chỗ nào *prâna* không đến thì bệnh hoạn phát sinh, *prâna* yếu ớt là già, *prâna* tắc nghẽn là chết. Tập Yoga, thực hiện các tư-thế, có tác-dụng làm cho xương sống dẻo lại, các *nadi* chánh nằm dọc theo xương sống được thông suốt, rồi ngồi kiết-già, vận hơi thở, khai thông các *chakra*, nhờ đó *prâna* trở lại lưu chuyển thông suốt và nhờ công phu luyện tập, prâna tích tụ, trở thành một luồng khí, thường xuyên vận

chuyên, làm cho cơ-thể trẻ trung, tráng kiện trở lại.

Như vậy Yoga đã đáp ứng một ước vọng của con người từ muôn đời, tức là được «cải lão hoàn đồng», nhưng «hoàn đồng» cách nào? Bồ-Tùng-Linh, trong «Liều Trai Chí Dị» có lồng trong một truyện, quan-niệm của ông ta về «cải lão hoàn đồng». Ông kể rằng có hai vợ chồng nọ, nhờ uống tiên đơn mà được cải lão hoàn đồng, nghĩa là từ những người tuổi quá lục tuần, có dâu có rề, trở thành những cậu, cô 9, 10 tuổi, rất trẻ trung, nhưng lại hoàn đồng lẫn trí óc cả tính tình, thành thử trở nên ngây ngô như trẻ con và cũng tinh nghịch như chúng dễ bị chính dâu và rề rầy la và khách đến nhà không biết ai là cha ai là mẹ, là dâu, là rề. Lại trong truyện «Phong Kiến Xuân Thu» có mô tả năm ông tiên sống đã mấy trăm năm, nhưng mặt vẫn còn như con nít. Cũng Bồ-Tùng-Linh kể rằng có người đàn bà sống trên 100 tuổi nhưng sau khi «danh đăng tiên tịch» thì gương mặt tươi trở lại như gái 17. Có thể nhận định rằng: «cải lão hoàn đồng» là nhờ tập luyện phải phép mà sinh-lực trong người mình vượng lên, cường tráng trở lại, tránh khỏi những bệnh tật của tuổi già, hơn nữa, sinh-lực dồi dào, sung túc, có phần sung túc hơn hồi thanh xuân nữa vì lẽ trước kia sinh-lực là của thiên nhiên, nay sinh-lực vừa là của thiên-nhiên vừa kết-hợp với sự chủ-động bồi bổ luyện tập của

con người. Sinh-lực dồi dào, thân hình khỏe mạnh, lanh lẹ, dẻo dai nhưng trí óc vẫn tiếp-tục già dặn và trên mặt tuy có ít vết nhăn nhưng vẫn mang dấu vết của tuổi tác.

Về hiện tượng luồng khí tự động vận chuyển, tạo ra những đường riêng để di-chuyển và những khí-quan mới trong cơ-thể, thiết-tưởng triết-học Đông, Tây đã có chú-ý tới. Ai cũng biết trong con người có hai cái thức: một cái hướng về khách-quan, có thể dùng danh-từ Đông-phương, gọi là *Dương Thức*, và một cái thức hướng về chủ-quan gọi là *Âm Thức*. Nhờ *Dương Thức* chúng ta tiếp xúc với hoàn cảnh khách-quan, xã-hội, nhưng *Dương Thức* không biết gì về bên trong con người, tình trạng của các khí-quan trong nội-tạng, vì đây là phạm-vi hoạt-động của *Âm Thức*. *Âm Thức* không biết gì nhiều về hoàn cảnh khách quan nhưng là chủ-tể của lực phủ ngũ tạng, điều chỉnh sự hoạt-động của đời sống sinh-lý, bảo tồn sinh-mệnh của sinh vật *Âm Thức* cũng là nguồn gốc của những hiện tượng có vẻ huyền bí trong con người như: tiềm thức, linh cảm v.v... *Âm Thức* tức là sinh-lực. Sinh-lực nằm trong mọi sinh-vật và chính sinh-lực, kinh-quá lịch-sử của địa-cầu, đã tạo nên các sinh-vật muôn hình vạn trạng, tạo cơ-năng, biến đổi hình dáng để sinh-vật thích nghi với hoàn cảnh và tiếp tục sinh-tồn. Đây là đề-tài chánh của các nhà đã xướng

lên thuyết «tiến-hóa luận» (évolutionisme); đề-tài này cũng đã được nhà triết-học Pháp H. Bergson trình bày một cách độc đáo trong tác phẩm nhan đề «L'Évolution créatrice» (tiến hóa sáng tạo).

Sinh-lực, âm-thức, mới nghe thấy có vẻ huyền-bí, mơ hồ, nay lại được cụ-thể hóa trong cơ-thể người tập Yoga bằng luồng khí thường xuyên vận chuyển, tưởng đó là một

phương tiện để chúng ta tìm hiểu thêm về con người. Đến đây tôi càng hiểu thấm thía câu xác định của các triết-gia Đông, Tây, bảo con người là một tiểu vũ-trụ và theo lời của B.S. Alexis Carrel trong tác phẩm «L'Homme Cet Inconnu» (con người, một cái gì khó hiểu), «những điều ta hiểu biết về con người còn quá ít so với những gì ta còn chưa hiểu biết».

XUÂN QUANG

Chú thích : Trên báo Bách Khoa, tôi đã có lần trình bày những nhận xét của tôi về những sách phổ biến Yoga hiện đang lưu hành tại Việt-Nam và khi đề-cập đến cuốn Yoga của Ô. Trần Văn Kha, tôi có nói rằng : « Các bạn muốn tìm hiểu Yoga nên đọc cuốn sách ấy ; các bạn sẽ được những điều chỉ dẫn rất bổ ích, mặc dù có một vài đoạn bàn rất rộng và xa đề tài chánh ».

Nay cuốn Yoga của Ô. Trần Văn Kha lại được tái bản, những đoạn quá xa, quá rộng đã được loại bỏ, ngoài ra lại có nhiều điều giải thích thêm và nhiều hình vẽ minh chứng, để trở thành một tài-liệu hướng dẫn bổ ích cho các bạn mới tập Yoga, vậy xin giới-thiệu cùng quý bạn.

Nhà Thái-độ mới ấn hành :

QUỐC VĂN lớp 6

QUỐC VĂN lớp 7

của THẾ-UYÊN

— Soạn thảo theo chương trình mới nhất, với phương pháp giảng huấn mới đã được thử nghiệm khả quan trong niên học 71-72.

— Đủ 6 môn căn bản quốc văn : giảng văn, luận văn, trần thuyết, đọc sách, chính tả và văn phạm.

Đông Đức và chính sách hòa-giải Đông Tây

Trong các số Bách-Khoa số 358, 369 và 370 đều có nói tới Cộng-hoa Liên-bang Tây-Đức và chính sách hòa giải Đông-Tây của Thủ-tướng Willy Brandt trong các mục thời sự và do đó ông đã xứng đáng được hưởng giải thưởng Nobel về Hòa-bình năm 1971, do Quốc-hội Na-uy trao tặng. Chúng ta đều biết là Thủ-tướng W. Brandt đã ký 2 thỏa-ước bất tương xâm với Ba-lan và Liên-xô. Hai thỏa-ước đó đã được Quốc-hội Tây-Đức phê chuẩn không phải là không gặp nhiều khó khăn. Đó là một bước tiến lớn lao trong chính sách Ost Politik (hướng về phương Đông) của ông. Tương lai rồi sẽ còn nhiều bước tiến nữa, nếu ông còn ngồi vững ở chính quyền, điều mà hồi đầu năm người ta rất lo ngại vì phe thủ cựu với lãnh-tụ là ông Rainer Barzel (Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo) nhất định lật đổ ông với bất cứ giá nào và phe này đã chỉ thua phe ông Brandt ở Quốc-hội có vài phiếu.

Trong việc giao thiệp với Đông-Đức, ông Brandt cũng thực hiện được những bước tiến đáng kể. Lần đầu tiên hai vị Thủ-tướng Đông và Tây-Đức gặp nhau trên lãnh-thổ Đông-Đức để bàn về chuyện bình-thường-hóa quan-hệ giữa hai miền (1971). Trong dịp Tết đầu năm dương-lịch, bức tường ngăn đôi hai miền Bá-linh

đã được hé mở để cho các công dân Tây Bá-linh được sang thăm bà con của họ ở Đông Bá-linh. Có những bức hình rất cảm động chụp cảnh một ông già ở Đông Bá-linh đang tay bắt mặt mừng với gia đình con cháu ở Tây Bá-linh sang thăm.

Rồi sau, thượng đỉnh Mạc-tư-khoa Nixon-Breznev, 4 Ngoại-trưởng Anh, Mỹ, Nga, Pháp đã họp ở Berlin để ký vào bản thỏa-hiệp đã được thỏa thuận từ tháng 9 năm ngoái, chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh kéo dài từ 25 năm nay. Đó là đại lược tất cả những gì ta đã biết về Tây-Đức và ông W. Brandt trong chính sách hòa giải Đông Tây của ông.

Nay ta hãy thử coi về phía Đông-Đức, họ đã theo đuổi một chính sách thế nào từ trước đến giờ và đối với cuộc tấn công hòa-bình của ông W. Brandt họ đã có phản-ứng ra sao và trong tương lai có thể có một sự hòa hợp giữa hai miền Đông-Tây của một nước Đức đang bị chia cắt như ngày nay không ? Dưới đây là một số ý kiến phỏng theo ông Ludz, giáo sư chính-trị xã-hội-học trường Đại-học Bielefeld ở Tây-Đức đã từng cộng tác với trường Đại-học Columbia (New York Hoa-kỳ) trong việc khảo cứu về các vấn-đề Cộng-sản.

Ngày 3-5-1971, tại hội nghị thứ 16

của đảng Xã-hội Thống-nhất Đức (đảng Cộng-sản Đông-Đức SED) (1), Walter Ulbricht, 78 tuổi, người hùng Tây-Đức, bỗng nhiên từ chức Bí-thư thứ nhất của đảng mà ông đã giữ từ 25 năm nay. Ông cũng từ luôn cả chức Chủ tịch Hội-đồng Quốc-phòng và chỉ còn giữ lại chức Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước (Quốc-trưởng). Có người cho rằng vì ông đã quá già nên nghĩ đến vấn đề thừa-kế. Kế nối tiếp ông ở chức vị Bí-thư thứ-nhất là Erick Honacker. Nhưng người ta không khỏi ngạc nhiên là sự từ chức đó có tính cách đột ngột và không hề được sửa soạn trước. Trước đó Ulbricht vẫn rất có uy tín ở Đông-Đức và ở trong thế-giới Cộng-sản. Ông là người đã đưa Đông-Đức lên hàng thứ 2 sau Nga-sô trong số các nước kỹ-nghệ thuộc khối Cộng-sản.

Ông có tiếng là một lãnh-tụ cứng rắn, lúc nào cũng trung-thành với Nga-sô, triệt để ủng hộ đường lối « hợp khối » (intégration) của Mạc-tư-khoa và cương quyết chống lại đường lối « phân khối » (polycentrisme) và xét lại (revisionnisme) theo chiều hướng tự do của một số nước Đông Âu. Trên phương diện quốc nội, ông chủ trương kiểm soát chặt chẽ, ngay cả sau 1963 là thời kỳ đã có đôi chút mềm dẻo trong xã-hội Đông-Đức. Trên phương diện quốc-tế, ông là đồng minh trung thành nhất của Nga, ít nhất là cho đến năm 1969, mà chánh sách của Mạc-tư-khoa bắt đầu hơi mâu thuẫn với quyền lợi của Đông-Đức.

Có một điều là mặc dầu ông rất

mục trung thành với Nga-sô, nhưng trong 8 năm qua (từ 1964) người ta thấy rõ là ông đã không theo mẫu phát triển của Nga-sô trong các lãnh vực kinh tế, chính trị và tư tưởng. Tại một phiên họp của Ban Chấp-bành Trung-ương đảng Xã-hội Thống-nhất (SED) Đông-Đức tháng 2-1964 ông nói: Đường lối chuyển tiếp từ Tư-bản chủ-nghĩa sang Xã-hội chủ-nghĩa đang thi hành ở Đông-Đức khác với đường lối thi hành ở Liên-xô. Hơn thế nữa ông còn coi đường lối đó như là một mẫu mực phát triển đối với các nước Đông-Âu khác (nhất là từ sau vụ Tiệp-khắc 1968) và đối với cả nhiều nước Tây-phương vì ông biết rằng có nhiều nước rất chú ý đến những thành công của Đông-Đức trên lãnh vực kinh tế. Khi bừng lên như vậy có lẽ ông đã quên rằng Đông-Đức là một nước Cộng-sản, đường lối phát triển mà ông gọi là « hệ thống kinh tế mới », của Đông-Đức khó có thể áp dụng cho các nước tư-bản được.

Những tham vọng đó của Ulbricht có thể đã làm cho các nhà cầm quyền điện Cẩm-Linh mỗi ngày một thêm khó chịu vì họ cho rằng nếu cứ tiếp tục như vậy thì rồi một ngày kia ông sẽ tranh giành quyền lãnh đạo tư-tưởng với họ.

Chính sách độc lập của ông, trong thời kỳ cuộc giao thiệp Đông Tây còn bế tắc, không có gì trái với đường lối của Mạc-tư-khoa. Nhưng từ khi ông W. Brandt lên cầm quyền ở Tây-

(1) SED : Sozialistische Einheitspartei Deutschlands là Đảng Xã hội Thống-nhất Đức tức là đảng Cộng-sản Đông Đức.

Đức, ông đã mạnh dạn thi hành một chính sách hòa giải Đông Tây, đưa Hoa-thịnh-dồn sáp lại gần Mạc-tư-khoa để hy vọng giải quyết nhiều vấn đề từ trước vẫn bế tắc, như vấn đề «Hai nước Đức», vấn đề «quy-chế Bá-linh».

Trong cố gắng giải quyết đó, ông Brandt thấy cần phải trực tiếp đối thoại với Mạc-tư-khoa; vì vậy ông đã mạnh dạn đề nghị ký kết với Nga-Sô một hiệp ước bất tương xâm và đồng thời cũng ký với Ba-lan một hiệp ước tương tự. Như vậy là ông đã mặc nhiên công nhận đường ranh giới Oder-Neisse mà từ xưa đến giờ Cộng-hòa Liên-bang Đức vẫn cương quyết phủ nhận. Làm như vậy là ông đã để ngõ cửa cho những cuộc thương thuyết giữa Tây-Đức và các nước Cộng-sản về phương-diện hợp tác thương mại và kỹ nghệ. Chấp nhận đường lối đó, tức là phải chấp nhận quan niệm «một nước Đức với hai chính phủ» và ý niệm «thống nhất nước Đức» phải gạt sang một bên. Quan-niệm đó cũng kéo theo luôn cả quan-niệm một Tây Bá-linh với một quy chế độc lập và những liên-hệ của nó với Cộng-hòa Liên-bang Đức.

Chính sách đó đem ra thi hành sẽ đưa đến một cuộc hòa dịu Đông Tây. Đó lại là điều không phù hợp với quan-niệm của Ulbricht.

Từ lâu, Ulbricht vẫn muốn giao hảo với nhiều nước Tây Âu, nhất là Pháp và muốn được các nước này thừa nhận Cộng-hòa Dân-chủ Đức (Đông Đức). Riêng đối với vấn đề nước Đức, thì thái độ của ông cứng rắn

hơn. Ông muốn rằng Cộng-hòa Dân-chủ Đức phải được Cộng-hòa Liên-bang Đức thừa nhận trên phương diện quốc-tế pháp trước khi hai bên đi đến điều đình với nhau. Đó là điều mà Cộng-hòa Liên-bang Đức không bao giờ chịu làm, kể cả dưới thời của ông W. Brandt.

Về vấn đề Bá-linh, Ulbricht cho rằng Tây Bá-linh chỉ là «căn cứ của bọn Phát-xít-mới và đế-quốc để thi-hành chính sách xâm lăng của chúng» và là một đe dọa không thể tha thứ được đối với Cộng-hòa Dân-chủ Đức. Đó là lập trường bất di bất dịch của ông từ 10 năm qua. Và có lẽ cũng vì lập trường quá cứng rắn đó mà Ulbricht đã phải ra đi. Ba tháng trước khi từ chức, Ulbricht còn nhắc lại lập trường đó trong một phiên họp của Ban Chấp-hành Trung-ương đảng Xã-hội Thống-nhất SED ngày 29-1-1971. Lập trường của ông về vấn đề Tây Bá-linh là một cản trở cho những cuộc thương thuyết đang mở ra giữa tứ cường để hy vọng đi đến một thỏa-hiệp. Thỏa-hiệp đó mới đạt tới được vào tháng 9-71 trái ngược với lập-trường của Ulbricht.

Như vậy ta phải đi đến nhận định là Mạc-tư-khoa đã áp-lực để cho Ulbricht thay đổi lập trường trong kỳ Đại-hội đảng Cộng-sản Liên-xô lần thứ 24, từ 30-3 đến 9-4-1971. Nhưng Ulbricht đã không chịu. Trong khi đó chính sách mới của Nga-Sô bắt buộc các nhà lãnh đạo điện Cẩm-linh phải chấp nhận cuộc đối thoại với W. Brandt, rồi từ đó đi đến chỗ thăm dò khối

Thị-trường chung Âu-châu để xét xem khả năng hợp tác giữa 2 khối có thể đi đến đâu. Trong hoàn cảnh đó, các nhà lãnh đạo Sô-viét không thể cứ chấp nhận mãi lập trường cứng rắn của Ulbricht nên phải tìm cách đưa người khác lên thay ông để cho phù hợp với chính-sách mới của mình.

Do đó mà Honecker đã lên thay thế Ulbricht trong vai trò Đệ-nhất Bí-thư của đảng Xã-hội Thống - nhất SED Đông-Đức.

Việc làm đầu tiên của Honecker là tuyên bố trong kỳ Đại-hội thứ 8 của đảng SED họp vào giữa tháng 6-1971, nối chặt quan hệ với Liên-xô, theo đúng đường lối của Liên-xô và hoàn toàn hậu thuẫn chính sách hòa bình của Liên-xô (Friedenspolitik) đưa đến cuộc hòa giải giữa Đông và Tây. Honecker cũng theo đúng chính-sách của Liên-xô đối với Trung-Cộng. Đối với các nước Cộng-sản Đông Âu khác, Honecker chủ trương xiết chặt mối giây liên-hệ sẵn có. Trong phiên họp thứ 25 của tổ chức hợp tác kinh tế Comecon vào tháng 7 - 1971, tại Bucarest, Thủ-tướng Willi Stoph, đại diện Đông Đức tuyên bố sẵn sàng đóng vai trò điều hợp các kế-hoạch dài hạn của các quốc-gia hội-viên trong lịch trình 1971-1975. Trong kế hoạch ngũ niên được Đại-hội đảng SED thông qua vào tháng 12-71, việc thương mại với khối Comecon sẽ gia tăng từ 72 đến 75% của tổng số thương-vụ Đông Đức. Trong số 63 tỉ mã-khắc thương vụ trừ liệu cho năm 1975 thì 47 tỉ sẽ dành cho khối Comecon, chỉ

có 16 tỉ dành cho các nước phương Tây và các nước chậm tiến khác. Như vậy là trong vòng 5 năm, việc thương mại với Liên-xô và các nước Cộng-sản Đông Âu sẽ tăng 70% trong khi việc thương mại với các nước khác chỉ tăng 42%.

Nhưng quan trọng nhất trong việc theo đường lối của Liên-xô, có lẽ là việc Honecker đã thay đổi lập trường đối với vấn đề «Đức-quốc».

Thực ra, đối với Tây Đức, Honecker đã theo một đường lối có 2 khía cạnh khác nhau: Một mặt, trên phương diện ý-thức-hệ, Honecker vẫn giữ nguyên lập trường của Ulbricht, luôn luôn coi chính phủ Bonn như là tay sai của đế-quốc, kẻ thù của giai-cấp. Ông coi ông W. Brandt và đảng Xã-hội của ông (SPD) trong Liên-minh Xã-hội — Tự-do (SPD - FDP) còn nguy hiểm hơn là phe bảo-thủ trong Liên-minh Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo và Xã-hội Thiên-Chúa giáo (CDU - CSU) của các ông Kiessinger và Strauss. Từ xưa đến giờ đảng SED (Cộng-sản) vẫn coi đảng SPD (Xã-hội đệ-nhi quốc-tế) như là một kẻ thù nghịch với đảng này luôn luôn chống đối độc-tài và đường lối Staline. Nay đảng Xã-hội lên cầm quyền ở Tây Đức không khác nào như một cái gai bên cạnh sườn của đảng Cộng-sản Đông Đức SED.

Nhưng một mặt khác, Honecker cũng lại ủng hộ đường lối hòa giải Đông Tây của Liên-xô, hoặc vì quyền lợi của Đông Đức, hoặc vì áp lực của Mạc-tư-khoa hoặc vì cả hai. Đi theo

đường lối của Liên-xô thì tất nhiên phải mềm dẻo lập trường đối với Tây Đức và nhất là đối với công cuộc vận động hòa bình của ông W. Brandt.

Vì thế cho nên ta không lấy gì làm lạ thấy Honecker khi đặt vấn đề thừa nhận Đông Đức và chấp nhận Đông Đức vào Liên-Hiệp-Quốc đã từ bỏ điều-kiện căn bản của Ulbricht là buộc Tây Đức phải thừa nhận Đông Đức đã rồi mới có đối thoại.

Đặc biệt hơn nữa, về vấn đề Bá-linh ông cũng đã gạt bỏ lập trường cố hữu của Ulbricht và lần đầu tiên sẵn sàng cho Tây Bá-linh được hưởng một quy chế chính trị đặc biệt. Sự thay đổi lập trường căn bản đó tiếp theo những cuộc thương thuyết giữa Nga-sô và Tây Đức để đi đến việc ký kết một hiệp-ước bất tương xâm cùng những cuộc thương-thuyết giữa tứ cường Anh, Mỹ, Nga, Pháp để đi đến một sự thỏa thuận về quy-chế Bá-linh, đã mở cửa cho những cuộc đàm thoại chính thức đầu tiên giữa Đông và Tây Đức. Ví dụ như trong mùa hạ 1971, Đông Đức đã chuẩn bị để hợp tác với Tây Đức trên một vài lãnh vực đặc biệt: như vấn đề bảo vệ an ninh khu vực hành-lang, vấn đề mở thêm những đường vượt biên, vấn đề cải thiện tình trạng du-lịch và hỏa-xa giữa hai miền. Ngay sau khi Tứ Cường đạt được thỏa hiệp, bên phe Đức tiếp tục thương thuyết để đi đến mấy thỏa-hiệp sau:

— Thỏa-hiệp giữa Đông và Tây Đức để cho người và hàng hóa dễ dàng đi lại giữa 2 miền:

— Thỏa hiệp giữa Đông Đức và Tây Bá-linh để làm cho việc qua lại giữa Tây Bá-linh và Đông Đức được dễ dàng hơn.

— Thỏa hiệp giữa Đông Đức và Tây Bá-linh để hoán đổi đất đai, giải quyết những khu vực tắc nghẽn (enclaves).

Lập trường hai mặt đó của Honecker lúc đầu xem ra có vẻ mâu thuẫn khó có thể dung hòa được. Nhưng suy xét kỹ, thì chủ nghĩa Mác-Lê cũng đã được dệt bằng những mâu thuẫn đó, mà rồi sau cũng được giải thích êm ru. Ví dụ, về vấn đề « sống chung hòa bình » từ khi Lénine đưa ra đã trải qua 3 lần định-nghĩa khác nhau: Trước hết người ta coi nó như một hình thức của cuộc đấu tranh giai cấp. Rồi người ta lại coi nó như là một sự tiếp tục chiến đấu không phải bằng đường lối quân sự với đế-quốc chủ-nghĩa. Sau cùng người ta coi nó là một cố gắng tích cực để tiến tới hợp tác giữa các chế-độ chính-trị khác nhau.

Thành ra trong bất cứ trường hợp nào, người ta vẫn cứ có thể dùng chữ « sống chung hòa bình » mà không sợ đi sai lạc với chủ nghĩa Mác-Lê. Và ai theo đường lối sống chung hòa bình cũng vẫn có thể nói là đệ-tử của Marx và Lénine. Trong trường hợp Đông Đức hiện tại, đảng SED vẫn có thể dễ dàng phối hợp hai ý-thức « đấu tranh giai cấp » và « hợp tác Đông Tây ».

Một câu hỏi được đặt ra: Một sự thay đổi lãnh tụ và lập trường quan

trọng như vậy không gây ra một phản ứng nào trong đảng SED là đảng cầm quyền ở Đông Đức sao? Thực ra bề ngoài người ta không thấy có một phản ứng nào rõ rệt cả, nhất là cuộc thay đổi này lại có bàn tay đảng Cộng-sản Nga ở trong. Honecker là lãnh tụ được Cộng-sản Nga tín nhiệm nhất nên việc lên thay thế Ulbricht đã được bố trí chu đáo trong kỳ Đại-hội đảng SED lần thứ 8 khiến cho bề ngoài việc Ulbricht ra đi chỉ là một việc rất tự nhiên, vì tuổi tác chứ không phải vì mâu thuẫn nội bộ. Vì thế mà Ulbricht vẫn còn giữ một vai trò tượng trưng: vai trò Chủ-tịch Nhà-nước. Thực ra, ở bên trong, người ta thấy rõ, ngay từ thời Ulbricht, có một sự chống đối giữa 3 phe trong đảng SED: Phe cải-cách gồm các kỹ-thuật-gia (technocrates), phe cứng rắn bảo-thủ gồm những người giáo-điều (dogmatistes) và phe ở giữa gồm những chính-trị-gia thực-tiến (pragmatiques). Việc Ulbricht ra đi chắc chắn không làm cho sự kinh chống đó tan biến. Nhưng có lẽ giữa 3 phe đã có một sự thỏa-thuận ngầm để cho đảng SED thoát khỏi một cơn khủng hoảng. Erich Honecker là một chính-trị-gia chuyên nghiệp. Ông được tiếng là có tài tổ chức ngay từ khi ông lãnh-đạo phong trào Thanh-niên Tự-do Đức (1946-1955), một tổ chức thanh-niên Cộng-sản Đông Đức. Sau đó ông được bầu vào Trung-Ương đảng SED phụ trách về an ninh. Ông nổi danh là người đã giữ được sự thuần nhất (dù là mong manh) trong đảng SED và làm cho

đảng này khỏi « nhiễm » những ảnh hưởng từ bên ngoài (Tiệp-khắc, Ba-lan, Hung). Nay lên kế nghiệp chắc ông phải tiếp tục sứ-mạng đó.

Trước kia, Honecker vì nhu cầu hoàn cảnh phải ngả theo phe cứng rắn, mặc dầu ông là một người thực tiến. Với chủ trương tiến bộ kinh tế và theo đường lối hòa giải Đông Tây của Nga chắc chắn ông phải liên kết với phe ở giữa mà đại diện là Thủ-tướng Willi Stoph và phe kỹ-thuật trong một tập-thể lãnh đạo.

Muốn cho sự lãnh đạo của đảng SED được vững mạnh hơn, ông phải đề cao ở trong nội bộ sự chống đối lại với Tây Đức, tăng cường giáo dục ý-thức-hệ đối với thanh niên học đường. Nhưng đồng thời về phương diện kinh tế, giới lãnh đạo Đông Đức cũng phải cố làm cho bớt cách biệt trong đời sống giữa Đông và Tây-Đức khiến người dân Đông-Đức khỏi có cảm giác như một người bà con nghèo đối với người dân Tây-Đức. Vì thế mà kỳ Đại-hội lần thứ 8, đảng SED đã quyết định đề ra một kế hoạch ngũ niên mà mục tiêu chính là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Đông-Đức. Cụ thể là đến hết 1975 sẽ có thêm 500.000 phòng ốc mới khiến cho đời sống được tươi đẹp hơn.

Để củng cố vai trò lãnh đạo của mình, Honecker đã tự mình chọn các « Bí-thư Tỉnh-ủy » của 17 tỉnh Đông-Đức trong số những thanh-niên trên dưới 40 tuổi vừa có lý-tưởng cao, vừa thực tiến và vừa có khả năng tổ chức.

Bộ Chính trị gồm có 16 Ủy-viên toàn là những đảng viên kỳ cựu cốt để giữ cho đường lối đảng được vững chắc trong cuộc tranh đấu với Tây-Đức trên một trận thể gồm 2 mặt như chúng ta đã từng nói ở trên. Bộ này cũng gồm toàn những người khoảng 40 tuổi, có tài về tổ chức hơn là về kinh tế.

Địch thủ chính yếu của Honecker từ nhiều năm nay là Willi Stoph, Thủ-tướng Đông-Đức, một chuyên viên về các vấn đề kinh-tế. Một người nữa cũng có thể là địch thủ của Honecker là Guenter Mittag, người đã điều khiển cuộc cải cách kinh tế dưới thời Ulbricht. Nếu có xung đột chắc Willi Stoph sẽ đi với Guenter Mittag. Ngoài ra còn có Paul Verner, người được cử vào chức vụ Ủy-viên an-ninh của Honecker trước kia, chắc sẽ đứng về phe Honecker.

Nhưng cho tới nay thì Honecker vẫn nắm vững tình thế, kiểm soát chặt chẽ được cả trong lẫn ngoài Đảng. Do tài vận động khéo léo của ông mà ông vẫn giữ được hòa khí giữa các phe và được Nga-sô và các nước Cộng-sản Đông-Âu khác ủng hộ.

Về phương diện đối ngoại, ông sẽ theo đường lối của Nga: tăng cường quan-hệ kinh-tế với các nước trong khối Comecon, ủng hộ lập trường của Sô-viét trong cuộc tranh chấp ý-thức-hệ Nga-Hoa và trong cuộc chiến tranh ở Đông-Dương và ở Trung Đông.

Đối với Cộng-hòa Liên-bang Đức, tuy vẫn chống đối về phương diện ý-

thức-hệ nhưng mềm dẻo hơn trong vấn đề hợp tác giữa 2 miền, theo quan điểm của Nga.

Đối với các nước Tây-phương, cố tranh thủ sự thừa nhận của các nước này với những hứa hẹn hợp tác kinh tế, đồng thời cũng cố tranh thủ sự gia nhập một số tổ-chức quốc-tế như Tổ-chức Văn-hóa quốc-tế (UNESCO), tổ chức Y-tế quốc-tế (WHO) và vận động triệu tập một hội-ng nghị về an-ninh Âu-châu trong đó có sự tham gia của cả 2 nước Đức.

Honecker lên cầm quyền đã được một năm và trong đó đã thực hiện được phần lớn những mục tiêu mà Nga-sô nhằm tới. Với Honecker, Nga-sô có thể yên trí thì hành được chính sách hòa hợp Đông-Tây. W. Brandt có thể còn đạt được nhiều kết quả nữa trên lãnh vực hợp tác giữa 2 miền nước Đức. Nhưng từ đó đi đến kết luận là có thể trong một thời gian nữa tiến tới thống nhất nước Đức thì thực là một nhận định quá lạc quan và sai lầm. Nước Đức chỉ có thể thống nhất được khi nào không còn 2 chế độ xã-hội đối nghịch nhau như nước với lửa. Sự thống nhất đó chưa chắc những nước xung quanh đã mong muốn vì một nước Đức thống nhất nghiêng về phía nào sẽ là một hiểm họa ghê gớm cho phía bên kia. Nhưng với sự hợp tác và hòa hoãn giữa hai miền, một kỷ-nguyên chung sống hòa bình sẽ mở ra ở bên trời Tây và biết đâu không là một tấm gương cho những nước chia đôi khác.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.D.

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà. ho khan
ho từng cơn
ho ra đờm
đám. sưng
sưng họng phổi

Được bán tại các nhà thuốc Tây



Léonid Brejnev

một vô sản trưởng-giả-hóa

Tuy lên nắm chính quyền vào tháng 10.1964 để thay thế Nikita Krouchtchev trong chức vụ Đệ-nhất Bí-thư đảng Cộng sản Nga nhân vật Brejnev đã luôn luôn chìm sâu trong bóng tối, ít báo chí và dư luận nhắc tới. Vào tháng 1-1970 người ta đã bắt đầu chú ý tới Brejnev như là một ngôi sao đang lên. Thật vậy, những bài diễn-văn của ông được tập trung lại thành một cuốn sách in và phổ biến tại Bảo-gia-lợi. Vài tháng sau, một luận-thuyết của ông gồm có hai thiên với nhan đề là «Bàn về Lê-nin» cũng được phát hành ngay trên đất Nga. Năm 1971, Brejnev xuất hiện trước Đại-hội Cộng đảng Nga kỳ thứ 24 như một Đảng-trưởng đầy thế lực và uy quyền. Và vào tháng 5-1972 Brejnev đã đón tiếp Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon với địa vị một chủ nhân thực sự của Điện Kremlin.

Cuộc đời của Brejnev là cuộc đời bình thản không sóng gió. Ông đã leo thang danh vọng từng bước một, thận trọng và kiên nhẫn. Dưới quyền lãnh-đạo của ông, Nga-sô đã có một bộ mặt mới, hòa hoãn hơn và trưởng

già hơn. Thật vậy, nếu Brejnev luôn luôn là một nông dân cần cù, là một chính-trị-gia điềm tĩnh và một người vô-sản ưa cuộc sống trưởng giả, thì nước Nga-sô-viết của ông cũng đang dần dần trở thành một phản ảnh của cá-nhân ông.

Một nông dân cần cù

Leonid Ilyich Brejnev sinh ngày 19-12-1906 tại tỉnh Dnieprodzerzhinsk thuộc xứ Ukraine màu mỡ. Gia-đình Leonid thuộc giai-cấp nông-dân chân lấm tay bùn. Đã vậy Leonid lại đông anh em nên khi còn nhỏ ông đã phải giúp đỡ cha mẹ, làm việc nhà, quét tuyết, săn sóc heo, gà. Khi lớn chút nữa, Léonid đã theo chân mấy anh vào giúp việc tại một xí-nghiệp luyện kim. Léonid sinh ra đời một năm sau cuộc Cách-mạng vô-sản 1905 bị Nga-hoàng Nicolas II dập tắt, nên cho tới năm 1917 khi cuộc Cách-mạng thứ hai thành công, đời cậu hầu như không có triển-vọng thay đổi. Như những đứa trẻ nông dân khác, Léonid sáng đi làm ở xưởng máy chiều về làm việc chăn nuôi giúp mẹ, xay lúa giã gạo. Cuộc sống của cậu lặng lẽ trôi qua không

có gì mới lạ. Như những đứa trẻ cùng cảnh ngộ, Léonid đã run sợ trước những mùa nắng hạn hán vì viễn tượng mất mùa, đói rách luôn luôn là một ám ảnh của người dân cây hồi đó. Léonid đã từng biết cái cảnh đông lạnh tuyết rơi, những ngày giá buốt mà mấy anh em Léonid không có giấy phải cuộn vải vào chân để lộ bần. Hay là những buổi sáng mấy anh em bụng đói vừa đi vừa ôm lưng nhau cho đỡ lạnh trên con đường tới xưởng máy mù mịt sương rơi.

Tháng 11-1917 Cách mạng bùng nổ, chế độ Sa hoàng sụp đổ, một chế độ Cộng sản do Lénine lãnh đạo được thành lập. Nhưng trong giai đoạn đầu được gọi là "giai đoạn Cộng sản chiến tranh" (Communisme de guerre), chính thể Cộng sản đã huy động mọi tài nguyên, trưng dụng hết lúa gạo nông thôn để tiếp tế cho thành thị, đời người nông dân Nga còn cơ cực hơn là dưới chế độ Nga hoàng. Từng đoàn thợ thuyền, cán bộ tiên phong được chính phủ Mạc-tư-khoa gửi đi tới khắp các vùng thôn quê để tịch thu lúa gạo, heo, vịt, gà... Léonid cũng đã cùng với cha mẹ và các anh em chôn giấu thực phẩm, mò trộm gà heo để khỏi bị tịch thu. Vì vậy mà lúc tuổi xanh Léonid đã thù oán chính thể Cộng sản không kém các người nông dân Nga khác.

Nhưng khi chính thể Cộng sản được ổn định, Lénine vì muốn lấy lòng nông dân nên đã phải sửa sai và áp dụng một chính sách gọi là "tân chính

sách kinh tế" (NEP). Dưới thời đại "Tân chính sách kinh tế", dân quê đỡ bị bạc đãi hơn. Họ được quyền giữ một phần hoa lợi sản xuất để tiêu thụ. Để dập tắt mầm chống đối của nông dân, chính phủ Mạc-tư-Khoa còn đưa thanh thiếu niên từ các vùng quê lên tỉnh học. Léonid cũng được đưa vào một trường thương mại ở tỉnh Kursk để theo học vào dịp này.

Lần đầu tiên được đi khỏi làng, cặp mắt của Léonid bắt đầu mở rộng và cậu hướng về tương lai với một cái nhìn mới mẻ hơn. Năm 1921, khi Léonid được 15 tuổi thì cậu tốt nghiệp trường thương mại và bắt đầu đi làm như một công nhân thực thụ để phục vụ Đảng. Trong 10 năm trời người ta thấy Brejnev làm đủ nghề. Khi thì làm đặc điền, đi đo đất vẽ đường. Khi thì giúp việc tại một xưởng máy. Khi thì đóng vai một viên đốc học đạo mạo và mô phạm.

Sau một thời gian thử thách khá lâu Léonid Brejnev được thính thức gia nhập đảng Cộng-sản vào năm 1931 khi ông được 25 tuổi. Tuy được làm đảng viên, Brejnev vẫn cố gắng học thêm. Trong 4 năm liền, người ta thấy ông học ngành kỹ sư luyện kim. Vì có tánh nết chăm chỉ cần cù của một nông dân, Brejnev tận tụy làm việc và được thưởng cấp luôn luôn quý mến. Tuy vậy Brejnev vẫn hoạt động trong các chức vụ tối tăm không ai biết tới. Cũng chỉ vì ở một địa vị tối tăm mà Brejnev đã thoát được các cuộc thanh trừng đẫm máu do Staline tổ chức vào các năm 1936, 1937 và 1938.

Trong các cuộc thanh trừng này, lần lượt các người bạn đồng hành của Lénine như Kamenev, Zinoviev, Radek, Thống-Chế Toukhatchevski, Boukharine lần lượt bị Staline hành quyết. Hàng ngàn đảng viên cao cấp bị thanh toán để lại một khoảng trống lớn rộng trong đảng. Brejnev và Kossyguine là những người đã được Staline chỉ định để lấp khoảng trống này.

Năm 1941 khi Đức Quốc-xã tấn công Nga, Brejnev được cử làm sĩ quan chính-huấn ở vùng Ukraine để phổ biến tư tưởng Mác-xít trong quân đội. Được giao công-tác nào Brejnev cũng thi hành với sự cần cù của nông dân nên khi chiến tranh chấm dứt ông được phong làm Thiếu-tướng và đoạt được rất nhiều huy chương.

Một chính-trì-gia điềm tĩnh

Năm 1945, Đức đầu hàng, Brejnev trở về với cuộc sống dân sự. Ông được Staline gửi tới vùng Moldavie vừa chiếm được của Lỗ-ma-ni để luyện cho nông dân vùng này quen sống với chế-độ tập-thể. Sau khi hoàn tất nhiệm vụ, Brejnev được Staline triệu về Mạc-tư-khoa và được cử làm Ủy-viên dự khuyết của Chủ-tọa-đoàn (Presidium) đảng Cộng sản Nga, và đồng thời làm Bí-thư của Ủy-ban Trung-ương Đảng.

Năm sau Staline qua đời, việc nối nghiệp Staline đã mở màn cho một cuộc tranh chấp quyền hành trầm trọng. Bériia bị hạ sát, nhưng Brejnev chỉ là một kỹ thuật gia không phe cánh

nên vẫn giữ được nguyên địa vị. Khi Krouchtchev loại Malenkov thì Brejnev lại được hết sức ưu đãi vì Krouchtchev cũng gốc ở vùng Ukraine và cũng xuất thân từ một gia đình nông dân như Brejnev. Brejnev được cử làm Ủy viên thực thụ của Chủ-tọa-đoàn. Lúc cầm quyền Krouchtchev nuôi mộng vĩ đại là khẩn hoang ruộng đất, đưa canh nông lên hàng ưu tiên hơn kỹ nghệ nên Krouchtchev đã nghĩ ngay tới Brejnev để trao cho trách nhiệm điều khiển chương trình này. Nhờ có Brejnev mà chương trình khẩn hoang thành công, củng cố địa vị của Krouchtchev trước những chỉ trích của bọn "ăn thép". Bọn ăn thép tức là những người chủ trương kỹ-nghệ-hóa bằng bất cứ giá nào dù phải hy sinh cả ngành canh nông.

Cảm cái ơn này Krouchtchev đưa Brejnev lên làm Chủ-tịch Nga-sô thay thế Thống chế Vorochilov. Vì Krouchtchev kiêm nhiệm cả chức vụ Đệ nhất Bí thư đảng lẫn chức vụ Thủ-tướng nên ông là nhân vật số 1 của Nga-sô, và Brejnev là nhân vật số hai. Nhưng lúc nào người ta cũng thấy Brejnev khiêm tốn kín đáo. Trong các năm 1954 — 1955 người ta luôn luôn thấy ông âm thầm đứng sau lưng cặp bài trùng B - K (tức là Boulganine và Krouchtchev). Trong khi tập đoàn B - K làm mưa làm gió trên chính trường quốc nội và quốc ngoại, thì Brejnev vẫn kiên nhẫn nhận và hoàn tất các công tác được giao phó.

Nhưng khi Krouchtchev hoa mắt

vì những thành công của mình đã tung ra những kế hoạch phát triển đại qui-mô như ý định đuổi kịp Hoa-kỳ vào năm 1970 và vượt Hoa-kỳ vào năm 1980, thì Brejnev bắt đầu ngấm ngầm xa lánh Krouchtchev. Vì vậy mà vào tháng 10-1964 khi Krouchtchev bị hạ-bệ thì chính Brejnev đã là người lãnh đạo phe nổi loạn.

Và từ đó ông nắm chức Đệ-nhất Bí-thư đảng Cộng-sản Nga thay Krouchtchev và chia sẻ quyền hành với Alexis Kossyguine trong chức vụ Thủ-tướng. Trong hai năm kế tiếp cặp bài trùng B-K lại được thành lập trở lại nhưng lần này B là Brejnev và K là Kossyguine. Lợi dụng địa-vị mới đầy uy quyền, Brejnev đã loại dần những đối thủ, nhưng lần này các đảng viên bị loại chỉ phải hạ từng công tác hay cho về hưu trí chứ không bị tàn sát như thời Staline. Năm 1966 địa vị của Brejnev trong Đảng đã vững khiến ông tự cho mình danh hiệu Tổng-thư-ký đảng thay vì là Đệ-nhất Bí-thư. Từ trước tới giờ chỉ có Staline mới được nắm chức-vụ Tổng-thư-ký. Tới tháng 3-1972 trước đại hội kỳ thứ 24 của Cộng đảng Nga người ta thấy Brejnev đã nổi bật lên hẳn. Các bài diễn-văn của ông tuy buồn ngủ nhưng vẫn được truyền hình và truyền thanh trên khắp Đông Âu. Và tại Đại hội kỳ 24 người ta cũng hạ Kossyguine xuống hàng thứ 3 sau Chủ tịch Podgorny.

Như vậy ông Brejnev đã không kèn không trống nắm địa vị quan trọng nhất trong Nhà nước Nga-sô

hiện nay. Ông là một chính-trị-gia điềm tĩnh nhưng người ta vẫn thấy ông có những quyết định mạnh bạo mỗi khi uy quyền của Liên bang Xô-viết bị đe dọa. Năm 1968 ông đã không ngần ngại đưa quân tràn vào Tiệp-khắc để phá vỡ mưu toan dân-chủ-hóa của Dubeck. Trước đại hội các đảng Cộng-sản thế giới vào năm 1969 Ông cũng đưa ra chủ thuyết "chủ quyền giới hạn" của các nước chư hầu để bảo đảm quyền lãnh đạo của Nga-sô.

Đối với phe Tây-phương ông đã tỏ ra hết sức mềm dẻo để tránh một cuộc đụng độ võ trang. Chính ông đã đưa ra sáng kiến mời Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon sang viếng thăm Nga. Tuy Mỹ tái oanh tạc Bắc-Việt và thả mìn phong tỏa nước này 3 tuần lễ trước khi ông Nixon lên đường Nga du, nhưng ông Brejnev vẫn nhất định gặp Tổng-thống Mỹ để tìm cách làm hòa dịu bang giao Đông-Tây. Dưới quyền lãnh đạo của ông, Nga và Tây-Đức đã đi tới một hiệp-ước hợp tác và bất tương xâm chấm dứt một tình trạng thù hận bắt nguồn từ năm 1948. Brejnev còn muốn đi xa hơn thế nữa vì hiện thời ông đang hoạt động mạnh mẽ để đi tới một thỏa-ước bất tương xâm giữa hai Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương và Varsovie.

Đối với Trung Cộng, lập trường của Brejnev lại hết sức tế nhị. Ngay sau khi lên cầm quyền thay thế Krouchtchev, Brejnev đã ra lệnh cho các đài phát thanh và báo chí ngưng đả kích Bắc-kinh. Nhưng chỉ 3 tháng

sau Trung Cộng thấy rằng chính sách của Brejnev chỉ là một chính sách «Krouchtchev-không-Krouchtchev» mà thôi nên họ lại bắt đầu đả kích Nga trở lại. Với Brejnev Nga sẽ càng ngày càng trở thành một địch thủ của Trung Cộng chỉ vì Nga đã quagiao đoạn bấp bênh để bước vào một giai đoạn ổn định khiến người ta có thể nghĩ tới việc tạo hạnh phúc vật chất cho dân chúng mà bớt bỏ một phần nào việc xây dựng «thiên đường Cộng sản». Nhưng chính vì vậy mà Trung Cộng tố cáo Brejnev là «xét lại», là trường-giả-hóa.

Một vô-sản trường-giả-hóa.

Nếu Lénine là một lý thuyết gia Mac-xít đã có công trong việc thực hiện Cách-mạng và nếu Staline là một nhà cách mạng có công trong việc củng cố chế độ Cộng-sản ở Nga thì Brejnev, trái lại, chỉ là một người quản trị di sản của Lénine và Staline. Vì không tham gia Cách-mạng 1917 và cũng không có một căn bản lý-thuyết vững chắc, Brejnev chỉ coi Chủ-nghĩa Cộng-sản như một phương tiện phát triển quốc gia mau lẹ mà thôi. Thực sự thì ông không tin tưởng vào định-luật lịch-sử của Marx theo đó mỗi xã hội phải tiến tới chủ nghĩa Cộng-sản. Ngoài ra lại là một người xuất thân từ nông dân, ông đã trải qua những cảnh cực khổ cơ hàn nên ông muốn cho người dân Nga, vào hậu bán thế-kỷ thứ 20, được hưởng một cuộc sống vật chất đầy đủ hơn trước. Muốn như vậy Nga chỉ

có cách là bắt tay với Mỹ để giảm bớt cuộc chạy đua vũ khí, lấy tiền đầu tư kinh tế.

Trước kia Krouchtchev đã có những ý-nghĩ này. Nhưng Krouchtchev đã tổ quá mạnh trong khi Nga chưa có đủ thực lực để nói mạnh. Vì vậy mà trong vụ hỏa tiễn ở Cuba vào tháng 10-1963 Krouchtchev đã bị thảm bại một cách nhục nhã trước thái độ quyết liệt của Kennedy. Biết như vậy nên Brejnev cố gắng tránh sai lầm của Krouchtchev. Trước khi muốn thương thuyết bình đẳng với Mỹ, ông đã cố gắng tạo cho Nga một lực lượng quân sự ngang với Mỹ. Ngày nay mục-tiêu này đã đạt được, Brejnev đã có tiếng nói đủ mạnh để đòi Mỹ ký một hiệp ước giới hạn vũ khí chiến lược.

Riêng cá nhân ông, Brejnev cũng sống một cuộc đời hết sức trường giả. Những kỷ niệm thiếu thốn thời niên thiếu đã khiến cho ông khao khát một cuộc sống đầy đủ tiện nghi. Cuối năm ngoái, khi các lãnh tụ Nga chia nhau đi hoạt động ngoại-giao ở ngoại quốc, Brejnev đã chọn qua Paris để nếm mùi tư bản. Ông đã mang sang thủ đô Pháp những hành lý không có gì là vô-sản. Trong có 6 ngày ở Pháp ông đã thay tới gần hai chục bộ đồ, bộ nào cũng cắt khéo, đúng thời trang. Trước khi ra đi ông còn học nghi lễ để xử sự một cách đường bệ, uy nghi. Ông còn nhịn ăn để gầy bớt 8 ký cho thân hình đỡ sồ sề.

Tại Thủ-đô Mạc-tư-khoa, tuy trong các lễ-nghi chính thức bắt buộc ông phải dùng chiếc xe Zin của Nga chế

ao, nhưng khi đi chơi, chiếc xe mà ông ưa thích nhất lại là chiếc Rolls Royce, quà của Nữ-hoàng Elisabeth. Tuy ông ở một căn nhà 6 phòng trong một công ốc dành cho các nhân vật cao cấp, nhưng vào cuối tuần ông vẫn tới nghỉ ngơi tại những biệt thự sang trọng ở bờ biển Hắc-hải. Đó là những căn nhà mà người Nga gọi là Datcha trong có đầy đủ tiện nghi, hồ tắm, sân banh v.v..

Tuy có một cuộc sống sang trọng, tuy đứng hàng đầu trong nước, nhưng đời tư của Brejnev rất được ít người rõ. Người ta chỉ biết rằng ông sống cùng với vợ ông là bà Victoria và một cô con gái tên là Galina làm việc tại Viện Khảo-cứu Hoa-kỳ, học ở Mạc-tư-khoa và cậu Yuri tổng sự tại bộ Thương-mại. Bà Brejnev chỉ được mọi người biết đến trong cuộc viếng thăm Mạc-tư-khoa của Tổng-thống Nixon vì Bà đã phải tháp tùng Bà Nixon trong suốt thời gian 8 ngày.

Khi tiếp xúc với quan khách ngoại quốc, Brejnev tỏ ra hết sức lịch sự và có những câu truyện dí dỏm. Năm 1970 khi ông bà Pompidou sang thăm Nga, Brejnev đã tâm sự với phu nhân Tổng-thống Pháp rằng ông, vì là con út, nên biết cách chiến đấu đàn bà. Đối với quan khách phái nam, nhiều khi ông bỏ hẳn bộ mặt lạnh lùng hàng ngày để đùa cợt vui vẻ. Đầu năm 1971 khi Thủ-tướng Tây-Đức Willy Brandt sang gặp ông ở bờ biển Hắc-hải, Brejnev đã mời ông Brandt cởi áo làm việc cho thoải mái, và sau vài giờ hàn huyên sôi nổi hai ông lại thoát y này xuống hồ tắm bơi lội vầy vùng. Đối với ông Nixon có lẽ Brejnev thấy thoải mái nhất vì cả hai đều có buổi thiếu thời nghèo túng, cùng là chính trị gia kiên nhẫn và tính toán nên khi gặp nhau hai người đi tới thỏa hiệp dễ dàng.

Nhưng nếp sống và tư tưởng của Brejnev không có nghĩa là ông chỉ trương khôi phục quyền tự do cho dân Nga. Các văn về thi sĩ có tư

tưởng phóng khoáng vẫn tiếp tục bị truy tố và giam cầm. Các nhà sản xuất vẫn tiếp tục hoạt động trong một chế độ tập sản. Vì Brejnev coi rằng chỉ có chủ nghĩa Cộng sản mới bảo đảm nôi kỷ-luật cho người dân Nga. Ông theo Cộng sản nhưng không với tư cách một lý-thuyết-gia hay một nhà cách-mạng. Chủ nghĩa Cộng sản của ông được nhìn với nhãn quan của một kỹ-thuật-gia.

Điều mà Brejnev khác với các lãnh tụ khác là ông kín đáo tránh mọi khoe khoang. Khi ai xin ông nói về chính sách của ông thì ông vội vàng chữa : «Không có chính sách của tôi mà chỉ có chính sách của Đảng.» Khi các cộng sự viên nịnh bợ quyết định ghi ngày sinh nhật của ông vào ngày 1-1 để cho cả thế giới ăn mừng thì ông đã vội ra lệnh sửa lại là 19-12 cho đúng. Sự khiêm nhượng này chính là yếu tố thành công của Brejnev.

oOo

Với Brejnev, Nga-sô ngày nay đã bỏ bộ mặt dữ dằn và hiếu chiến. Ông không phải là một nhà trí thức, ông cũng không có tham vọng mở rộng cách mạng vô sản trên toàn thế giới mà chỉ mong muốn cải tạo xã hội Nga bằng những phương pháp kỹ thuật mới mẻ mà thôi. Cách mạng Cộng sản thành công không có ông, chính thể Cộng sản được thành lập không có ông. Ông chỉ là một người kế của một Lénine, một Staline. Đã là người thừa kế thì ông chỉ biết tiếp tục công cuộc của tiền nhân. Nhờ trí nhẫn nại và tính cẩn cù ông đã thành công. Nhưng một người như Brejnev có thể thành công ở bất cứ đâu và dưới bất cứ một chế độ nào. Nếu sinh trưởng ở Hoa-kỳ ông chắc chắn cũng đã trở thành một tay đại tư bản tự lập lấy sự nghiệp. Dù sao đi nữa thì với Brejnev khối Tây-phương cũng tìm được một người đối thoại hiểu biết vì vậy mà chính thể cộng sản của Brejnev trở thành nhân đạo hơn.

TU MINH

Trong tầm lửa đạn

C. QUÊ NHÀ

Thành phố thực sự đang lên cơn sốt. Triệu chứng thiếu gì. Nét mặt thất thần của hầu hết mọi người. Những tùm năm tùm ba trên hè phố. Dáng đi hối hả. Giọng nói thì thầm. Những tin tức chiến sự do đài BBC, đài Viễn đông Manila loan truyền được bàn đi tán lại, bỏ khuyết bằng những mẩu tin địa phương nóng hổi. Súng chưa nổ. Địch còn ở xa lắm. Mãi tận phía bắc. Nhưng dân thành phố này đã hết hoảng rồi. Đi đâu cũng nghe bàn tán chuyện tản cư.

Buổi sáng thức dậy, ai nấy còn cười nói tự nhiên, rạng rỡ như ánh mặt trời ngày mới. Vừa mở cửa, đã thấy nhà bên cạnh lo chuyển hết đồ đạc lên xe vận tải. Chạy ra phố chính mua một tờ báo : hiệu sách đóng cửa. Từng dãy xe chở hàng loại mới lớn nối đuôi trước khu phố thương mại. Người ta chở đi hết, từ giường tủ bàn ghế cho đến cái son cái chổi. Sao lạ lùng thế này ? Chạy đi hỏi thăm, chỉ được trả lời một cách mù mờ. Không hiểu tại sao. Chỉ thấy gia đình mấy ông lớn kéo nhau đi hết, rên râm lo ra. Bà đại tá dưới tiếp vận đã lên máy bay chiều hôm qua. Gia đình ông làm ở Phụng hoàng vội vã xuống ca nô đi Nha trang ngay buổi tối. Người ta làm trong cơ quan tình báo, quân đội, người

ta biết rõ hết. Mình biết gì mà nói tình. Bằng bất cứ giá nào, phải ra khỏi Qui nhơn trước mồng năm tháng năm.

Đến một lúc chuyện tản cư trở thành chân lý lơ lửng, không thể tránh được nữa. Buổi cơm trưa nặng nề hơn thường lệ. Có cái gì canh cánh bên lòng mọi người trong gia đình, nhưng không ai dám nói ra trước đề thẳng thắn bàn luận. Khi đứa em nhỏ đi thu tiền huê về cho biết cả gia đình ông Biên đã đóng kín cửa đi Saigon, tôi mới có dịp nói một lần cho xong :

— Tình hình có vẻ bất an dễ sợ. Mấy ông lớn, mấy anh ba Tàu dọn hết đồ đạc trong nhà ra đi, nghe đâu vì sắp cắt đất. Không hiểu sự thực ra làm sao. Nhà mình tính thế nào ?

Ba tôi được dịp trút hết sự bức bối dồn nén mấy ngày nay. Ba tôi lớn tiếng kết án, đòi bắn bỏ bọn chủ bại. Bắn kẻ làm lớn trước, vì chính họ bỏ chạy trước mọi người. Má tôi phản đối một cách khéo léo, bằng cách kể lẽ tình cảnh những người dân bị kẹt lại ở Hoài Ân và Bồng Sơn. Không ai lo cho họ cả. Đàn bà con nít đành hứng chịu bom đạn của cả hai phe. Ba tôi đành hạ hỏa, tạm thời đồng ý nên di tản bớt những đàn bà con nít yếu ớt trong gia đình. Tôi e dè đề nghị :

— Họ đi nhiều quá nên con đâm lo. Tốt hơn hết ba má và lũ nhỏ nên lánh nạn vào Nha trang một thời gian :

Cả hai ông bà đều phản đối :

— Đi đâu ? Sống được chừng này tuổi là đủ rồi, còn sợ chết nữa hay sao mà đi. Hơn nữa, nhà của mình ở đây, bà con ở đây, chưa gì đã đành đoạn bỏ đi.

Tôi năn nỉ ba má nên lo xa một chút. Chỉ sợ địch tràn đến đột ngột như ở mấy quận phía bắc, gia đình đông đúc quá không lo phương tiện kịp.

— Hôm qua người ta kể có một người mẹ mới sinh được đứa con một tháng ở Hoài Ân. Khi cộng sản đến, bà vội lấy mền bọc con lại mà chạy. Đến lúc nghỉ định cho con bú, giờ mền ra mới biết con đã rơi mất tự lúc nào. Nhiều trường hợp cha mẹ thất lạc con cái, hoặc ông già bà cả kẹt lại trong vùng bom đạn trong khi con cháu chạy thoát hết. Mình nên tự lo liệu trước.

Mỗi người góp một ý, nhưng lập trường ba má tôi vẫn hết sức vững chãi :

— Vào trong đó không nơi ăn chốn ở, hóng nực chật chội, đi đường xe cộ chen chúc nguy hiểm, tiền nong thiếu thốn... Thà ở nhà chết yên thân còn hơn đi chết ngoài đường ngoài sá.

Cuối cùng, cả nhà đồng ý nên cho nhà tôi và mấy cháu nhỏ đi trước vào Sài Gòn. Nhà tôi quên những lo sợ ban đầu, đòi ở lại chứ không chịu lánh nạn

một mình. Bảy giờ, ba má tôi lại cố gắng bi thảm hóa tình hình để nhà tôi yên lòng ra đi. Nhà tôi ngần ngừ, và chỉ quyết định dứt khoát lúc một trái đạn 82 ly rơi xuống phố Võ Tánh lúc 12 giờ trưa và hai trái khác rơi xuống chợ lúc 2 giờ chiều. Cùng trường hợp như nhà tôi, nhiều người khác đã mạnh dạn tản cư sau hai vụ pháo kích ban ngày ấy. Thế mới tai hại ! Vì không biết lo trước cái lo của thiên hạ, nên đi tìm phương tiện gì cũng kẹt cứng. Ngoài Hàng Không Việt Nam người ta bu đến quanh quẩn vé. Ở bến tàu, đàn bà con nít chen chúc nhau xuống ca nô. Người đông, ca nô nhỏ, sóng nhấp nhô như muốn nuốt gọn đám đông sợ hãi. Trên bến xe, cảnh giành giật một chỗ ngồi làm tôi chán ngán. Chiếc xe chở hành khách từ Nha trang chạy ra vừa vào sân, hành khách chưa kịp xuống, thì người ta đã chen lấn nhau lên xe chiếm chỗ. Tôi trở về, mô tả hết những điều tai nghe mắt thấy cho nhà tôi biết. Đó là cái cớ tốt để nhà tôi đòi ở lại, ngưng không chịu xếp soạn quần áo đồ đạc vào các thùng giấy. Cả nhà lại bàn bàn luận luận. Hai đứa trẻ vui mừng vì sắp được đi xa, cười nói huyền thiên. Con Tiên đòi mang con búp bê theo. Thằng Vũ đòi chở theo cái xe đạp ba bánh. Lại còn đòi mặc áo đẹp ngay từ bây giờ. Trong lúc đó nhà tôi rối trí không biết nên đi hay nên ở. Cho nên khi hai đứa trẻ đến hỏi từng chặp : Đi chưa mẹ ? Bao giờ đi mẹ ? nàng giận quá đánh cho cả hai đứa hai phát vào

mông đau điếng. Hai đứa nhỏ khóc vang nhà. Cả nhà tôi cũng khóc. Chưa gì, căn nhà ẩm cúng này đã trở thành địa ngục. Vừa may lúc ấy thím Tân qua rủ hùn nhau thuê một chiếc xe vận tải để chở một ít đồ đạc quý giá đi Saigon. Thím nói:

— Lỡ có chuyện gì mình còn bán lấy tiền ăn qua ngày. Mình thuê bao, đi lại tự do thung dung hơn.

Chúng tôi đồng ý. Giá xe hôm qua 100.000 nay đã lên 120.000. Gia đình tôi, thím Tân và mợ Bác chung nhau mỗi người góp 40.000 đồng. Tiền thuê khuôn vác của ai nấy lo. Chú Tân đã thuê sẵn một chiếc Ford mới, hẹn 4 giờ chiều đến cất hàng và khởi hành 6 giờ sáng hôm sau.

Vậy là yên lòng chuyện xe cộ. Chấm dứt một thảm kịch, nhưng lại bắt đầu một thảm kịch khác. Cả nhà lại bàn cãi ỏm tỏi về chuyện nên đem theo thứ gì bỏ lại thứ gì. Má tôi nghe lời thím Tân, bảo lấy mền bọc cẩn thận cái tivi và cái tủ lạnh chở đi Saigon. Ba tôi nhún vai hỏi:

— Vào trong đó ở nhờ nhà người ta, chỗ đâu mà đề?

Má tôi bí, nhưng chứ ng minh một cách thiết thực rằng nhà nào cũng chở tivi tủ lạnh đi theo, tất nhiên đa số có lý.

Nhà tôi lo xa, đòi chở đi đầy đủ dụng cụ bếp núc:

— Vào Sài Gòn dù ở đâu cũng phải lo tự túc ăn uống. Nên sẵn xe, chở theo rế sô son chảo, chén bát, nước

mắm, dầu, muối, tiêu...

Ý kiến này được nhiều người tán thành, vì không thể đi ăn tiệm suốt thời gian tản cư. Còn bỏ iền mua hết mọi thứ lặt vặt, tốn vô ích. Mà những thứ lặt vặt ấy thật công kỉnh chứa ba thùng lớn vẫn chưa đủ.

Riêng ba tôi là người thức thời đề nghị chở theo cái máy may:

— Nếu có lỡ chia cắt thật, mẹ con nó có thể sống bằng nghề may mướn,

Câu nói của ba tôi bi thảm quá, khiến một lần nữa nhà tôi khóc ròng không chịu đi Sài Gòn. Lại bàn bàn luận luận đề nhà tôi tiếp tục công việc. Từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều tôi bỏ hơi tai vì lo chạy đi chạy về mua thùng giấy giấy thép, xếp đặt, ràng buộc. Tuy hẹn bốn giờ, nhưng mãi năm giờ xe mới tới. Tài xế cho xe đậu sát mái hiên, bốn người phu khuôn vác ngồi sẵn chờ ngã giá mới khiêng đồ đặt lên. Trước khi đến đây, xe đã ghé nhà thím Tân. Nhìn vào lòng xe, tôi đâm bức bối. Thím tham lam quá. Tuy hùn thuê xe với hai nhà khác, đồ đạc của thím đã chiếm quá nửa xe rồi. Thím chở hết nào cái tủ đứng, cái tủ gương, hai cái giường sắt, cái cũi dưới bếp, bàn ăn, ghế xếp, cùng một lô thùng lớn nhỏ.. Tôi hỏi khéo:

— Thím đem nhiều đồ đạc quá, chắc có thuê sẵn nhà rộng trong Sài Gòn rồi.

Thím làm thinh, gương gạo giải thích:

— Còn rộng chán. Chưa được một nửa xe mà. Còn có thể chất trên trần nữa.

Nhà tôi hỏi :

— Đồ đạc choán hết rồi lũ nhỏ ngồi đâu ?

— Tại vậy. Thành ra tụi bay cho họ đưa thứ gì cũng kênh lên trần xe bớt đi. Như cái thùng này này.

Má tôi nóng ruột la lên :

— Í đâu được. Cái tủ lạnh cho lên trần dôi lên dôi xuống mốp hết.

Thím Tân chỉ vào cái thùng khác. Bây giờ đến lượt ba tôi phản đối :

— Cái tivi đó quăng lên trần, thà bỏ ở nhà còn hơn.

Cuối cùng, gia đình tôi chỉ cho phép chất mấy thùng đồ bếp lặt vặt lên trần. Tôi nhìn vào xe, e ngại thật sự. Đồ đạc của tôi và thím Tân chiếm gần hết xe, chỉ còn lổm một phần năm mà thôi. Thím Tân mau mắn nhẩy lên ca bin, giục tài xế :

— Lái lại nhà đằng này nữa. Tôi ba chủ tất cả. Cháu lên nhà mợ Bác hẹn giờ mai đi luôn.

Tôi nghi việc mời mọc đó có lý do thầm kín riêng. Nỗi e ngại sự bất bình của mợ Bác chẳng hạn. Tôi đoán không sai. Xe vừa dừng trước cửa nhà, lũ trẻ con cậu mợ vỗ tay reo mừng hè nhau khiêng đồ đạc ra. Đồ đạc của mợ còn nhiều hơn cả thím Tân nữa. Khi nhìn vào xe, mặt mợ xụ lại. Mợ hỏi :

— Còn chỗ nào đâu mà chở ?

Thím Tân ú ớ :

— Còn rộng mà chị. Thứ gì kênh càng chị cho lên trần bớt đi.

Cậu mợ Bác cương quyết không nhận đồ đạc của mình thuộc loại kênh càng rẻ tiền đáng vất lên trần chịu mưa chịu nắng. Bất đồng ý kiến từ đó. Lờ qua tiếng lại, giọng cãi cọ mỗi lúc một to hơn. Tài xế bóp còi giục. Phu khuân vác hối. Trong một lúc bốc đồng, mợ Bác dứt khoát :

— Thôi, nhà tôi không thuê chung nữa. Mấy người đi với nhau cho rộng. Thím Tân ngỡ ngàng không tin ở tai mình. Thím nấn ná, tìm cách giải thích để giảm bớt tình trạng căng thẳng nguy hiểm. Nhưng lúc người con cả của mợ Bác thuê một chiếc Daihatsu về đậu trước nhà, thì thím Tân biết mợ Bác đã dứt khoát rồi. Làm sao đây ? Tôi khiêu nại, bảo nếu chỉ chở từng ấy đồ đạc và ba người nữa mà chịu 60.000 là quá đắt. Thà mua vé máy bay chợ đen còn rẻ hơn. Thím Tân cũng bảo phần thím không kham nổi. Tài xế lại bóp còi giục. Phu khuân vác lại hối. Lần này, chính thím Tân quyết định trước :

— Thôi. Không thuê xe nữa. Hùm hạp cái gì cũng rắc rối hết. Bác tài, cho xe lại nhà đem đồ đạc xuống cho tôi.

Chủ xe ngỡ ngác chưa hiểu. Thím Tân chịu mất 10.000 đồng đặt cọc trước, và tiền trả cho phu phen đem đồ lên bỏ đồ xuống. Người ta chỉ chờ có thế, vì từ chiều đến tối, giá một

chuyến xe đã vọt lên 200.000 đồng.

Vụ chuyên chở ấy đã làm hao mất 10.000 đồng trong số tiền tản cư ít ỏi của tôi. 5000 chia bớt tiền đặt cọc thuê xe với thím Tân, và 5000 trả cho phu khuân vác. Nhà tôi phần sự hãi không thể đi được, phần bức bối vì mất tiền một cách vô duyên, phát như điên vào mộng hai đứa nhỏ háo hức đi xem Sài Gòn.

Tôi hôm ấy, cả nhà lại cùng nhau

khóc bù lu bù loa. Cuối cùng, không ai chịu đi nữa. Ai nấy lại vui cười, bỏ mặc chuyện thiên hạ. Chỉ có Tiên và Vũ là buồn héo hắt. Nhà tôi ôm hai con mà khóc, vỗ về đèn bù cho lũ nhỏ bằng hai châu đi ăn kem. Chúng hí hửng bằng lòng.

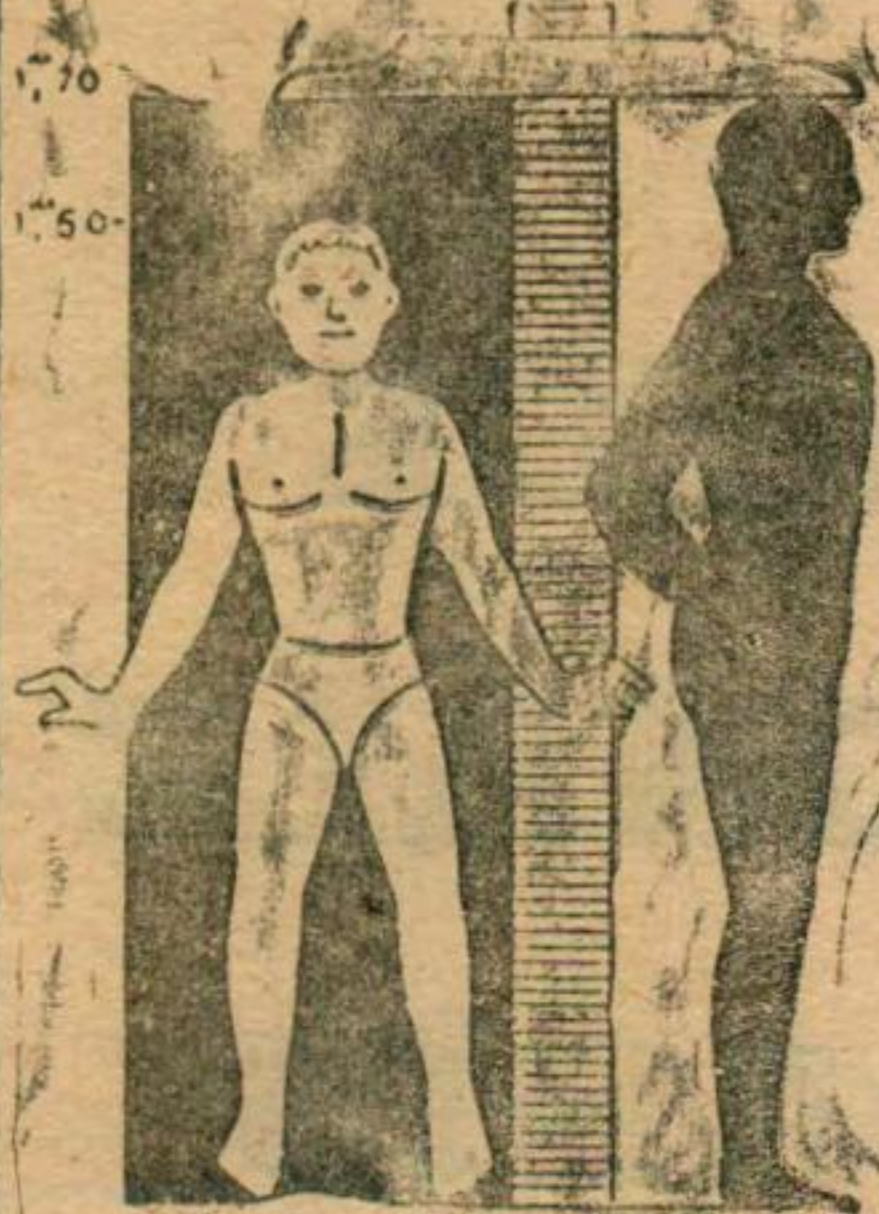
Nhưng tất cả các tiệm kem ngoài phố đã đóng cửa từ tối qua !

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C D PP B2 B6 B12



CON NIT MÁU
BIẾT ĐI
CƯỜNG XƯƠNG
MẠNH KHỎE
NGƯỜI LỚN
CƯỜNG RĂNG
ÍT ĐAU RĂNG
YẾU PHỔI
MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

BÓNG THÁP

Chúng tôi đã bắt đầu đốt lên những bếp lửa đầu tiên của một đêm về muộn. Sau một ngày lội đến quí cả gối, tắm mình trong một giòng sông hẹp và sâu, vượt qua những xóm làng hoang vắng không một bóng người, và thêm ghê gớm một chỗ nằm, một giếng nước mát, một ngọn đèn dầu và một bữa cơm nóng sốt, bây giờ chúng tôi lại ngồi ở đây, trước ngọn cờ tháp. Lệnh cho biết, lát nữa, một đoàn xe tiểu khu, đơn vị mà chúng tôi tăng phái, sẽ đến đón những đứa con của chiến trường trở về. Tin trên, truyền từ một người lính truyền tin của bộ chỉ huy đã như một tín hiệu rực rỡ nhất, sung sướng nhất. Không ai bảo ai, ngả lưng trên nền cỏ, vát ba lô và súng đạn khỏi mình, và tụm năm, tụm ba, đốt thuốc, ngồi vây quanh những ngọn lửa hồng. Chiều đã tan biến từ lúc nào, bây giờ màn đêm đã dần buông, bằng một đôi cánh mỏng nhẹ. Hơi gió đã nghe thờ. Một vì sao đã hiện lên trên đỉnh tháp, xa vắng như con mắt tình nhân, những gợn mây hồng ở phía chân trời, vẫn le lói chút đỉnh đèn náu kéo hơi ngày. Và đâu đây, là tiếng vạc cầm canh đã vang lên từ cánh đồng ruộng nước. Lạnh quá đi. Một tên lính đã thốt lên và run rẩy. Nước bùn, nước sông, pha lẫn mồ hôi của một ngày đã còn dầm dề trên những bộ quần áo lính. Đó là

kết quả của một ngày mệt mỏi, và đầy căng thẳng. Một buổi sáng, với tuyến xuất phát từ chiếc cầu Bình-Khê, và đền thờ của vua Tây-Sơn, và buổi tối, là ngọn tháp Chàm, có lẽ kinh đô của vương quốc Chiêm-Thành cũng nên. Từ tuyến xuất phát, chúng tôi được lệnh cùng với một đơn vị bạn, tiếp tục lục soát một phạm vi chiều dài non hai chục cây số. Chúng tôi phải chiếm lần lượt những ngôi làng bỏ hoang, và có thể, di tản một số dân còn lại về vùng mất an ninh. Chúng tôi đã vô sự. Điều này, có lẽ làm cho mấy ông sĩ quan cao cấp không bằng lòng tí nào, nhưng, đối với chúng tôi, chúng tôi chỉ cầu có thể. Một người lính nào đã nói một câu mà tôi còn nhớ mãi : “ Giá mọi cuộc hành quân được như thế này, thì tuyệt vời biết bao nhiêu ». Vô sự, hai tiếng ấy, đã như một sức hấp dẫn mãnh liệt. Đòi chiến binh, chỉ cầu mong chừng ấy. Nhưng mấy ai thoát được trên trăm ngàn chiến trường như chiến trường Việt-Nam, ? Chính thế, lần dừng quân trước ngọn tháp này, chúng tôi có lẽ là những kẻ sung sướng nhất. Một người đã huýt sáo nho nhỏ. Một tên, thì cố lục dưới đáy ba-lô, tìm một gói lương khô cuối cùng, để chống cơn đói. Một tên đang cời áo, hơ trên ngọn lửa. Trong thính không sấm nhát, những cánh dơi đã từ trong lòng tháp vụt bay ra, lượn

vòn trên đầu đám quân. Những tiếng reo dòn dã của lửa thật quá êm ái. Và chúng tôi, như những kẻ vừa thoát khỏi một hỏa ngục, thấy rằng mình có quyền thụ hưởng tất cả mọi thứ của quả đất. Chúng tôi đã bận rộn, với một đêm sắp sửa. Người lính già thì mong chờ hộp rượu để với cá khô sặc, bên đàn con. Người lính trẻ, thì về mong gặp người yêu trông đợi. Còn tôi, thú thật, tôi đang thèm được chấp một đôi cánh của một loài ó, bay về thành phố. Rồi một góc tối trong một quán cà-phê, đầy âm nhạc, đầy bạn hữu, đầy những sợi khói nồng nàn, lãng đãng của ngày thanh xuân. Rồi, rượu nồng, và những via hè tối, với những cuộc vui thâu đêm... Tôi đang dệt những cơn mơ rực rỡ ấy, trong buổi tối này, một buổi tối thật bình an của những đứa con luân lạc. Nhưng chẳng biết tôi có thể thực hiện ý định của tôi không?

oOo

Một tiếng nói đã cất lên giữa những đứa con ăn sương nằm đất : « Đây là thành Đồ-Bàn, tháp trước mặt là tháp Cảnh-Tiên hay còn gọi là Tháp Đồng đây ». Một giọng khác nổi lên : « Thì ra, bọn mình đang ở trên kinh đô của Chiêm Thành mà mình lại không hay biết ». Tiếng nói kia lại tiếp tục : « Vâng, tháp này chính là nơi vua Chế-Bồng-Nga đóng đô... Tôi nghe một ông già trong vùng kể lại, đây là nơi vua Trần đã một lần chiếm và tàn phá khủng khiếp... Tôi nghiệp, một kinh đô ngày nào,

bây giờ chỉ còn lại mỗi một ngọn tháp tiêu điều thế này... »

Tôi vẫn nằm dựa vào ba-lô. Những lời trò chuyện của hai người lính đã khiến tôi trở về cùng với tháp. Tôi tự thầm thì : « Vâng, thì ra mình đang trở về một kinh thành cũ. Mình đang nằm trên một bãi đất tiêu điều, mà một thuở nào là một cõi triều đình nguy nga, những điện đài tráng lệ. Ngày nào, ở đây đã có một lịch sử oai hùng và một nền văn minh vượt bậc. Đôi mắt tôi nhìn về ngọn tháp. Trời đã tím trắng hạ tuần. Vầng trăng đã thấy hiện trên đầu ngọn tháp, soi rõ một nền trời sáng rực rỡ, cùng tô thêm thêm màu vàng sậm của những tầng gạch hoen ố, rêu phong. Đường nét ngọn tháp nổi bật giữa nền trắng, trông càng cô quạnh hơn bao giờ. Mắt tôi muốn ngợp trước hình ảnh tuyệt vời. Hồn tôi như tắm thêm một giòng nước mắt. Của vật đời sao đời. Của phế tích đau thương. Của hồn ma còn lại. Của biểu-tượng thể-thiết vươn lên như oán than cùng trời đất. Tháp đã sống lại trong tôi. Tôi chưa bao giờ thấy mình gần gũi với tháp như thế. »

Thật thế, những ngày thơ ấu, tôi đã biết thế nào là cõi lòng bao dung, hiền hậu của tháp. Trong trí óc bé nhỏ của một đứa con không cha, thiếu thốn mọi tình thương yêu, mà đáng lẽ một thằng bé phải có, biểu tượng cổ kính trên một ngọn đồi thấp, một bên nhìn xuống biển, một bên là những rặng núi xanh rì, đã

hấp dẫn tôi mãnh liệt. Người lớn đã nói về những huyền-thoại, về những sự giúp đỡ siêu-hình của Bà. Bà ở trên những ngọn tháp. Mắt Bà nhìn thấu tim người, biết kẻ nào ác, kẻ nào thiện. Nhất là đối với những đứa bé con bất hạnh thì Bà càng thương xót phù hộ. Bà, đối với tôi, thuở ấy, là một bà Tiên, trong một chuyện cổ tích. Đôi mắt Bà thật buồn, và hiền hậu, khác với những đôi mắt đỏ ngầu, hay xám xịt, đầy những tia gân máu của người lớn. Gương mặt Bà thật thánh khiết như một bức tranh Đức Quan-âm. Vì thế, mỗi lần buồn, tôi lại tìm đến tháp. Tôi tin Bà đang ở trong lòng gạch, ẩn khuất trên những chòm lá xanh hay có thể, Bà hiện thành một con bướm vàng lượn vờn trên những khóm hoa huệ, hoa cúc, hay Bà đang ngự trên tòa sen. Tôi đã khóc thực tình, như trước mặt tôi Bà đang ngồi âu yếm nhìn tôi, vuốt tóc tôi, và khóc nghe những câu chuyện tôi kể. Đôi khi, tôi quanh quẩn cùng tháp suốt ngày, rồi ngủ quên trên một băng đá lạnh dưới bóng cây xum xuê, trong tiếng gió ru nhẹ. Giấc mơ tôi lại thấy một bà tiên hiền dịu, trở về bên tôi, lật chiếc áo nhor bần, khóc trên những vệt roi bầm tím mà người lớn đã dày dọa hành hạ tuổi thơ. Giấc mơ có những con chim sâu bé nhỏ, riu rít tung tăng cùng những đàn bướm lượn. Thằng bé sẽ được nhiều bạn hữu thân mến, không phải những thằng bé của Dượng, lòng dạ tàn ác coi nó chẳng

khác một con chó ghẻ. Thằng bé sẽ được nghe những chuyện cổ tích những bài ca. Thằng bé sẽ có những bộ quần áo đẹp... với một giường ngủ ấm cúng đủ chần mẫn.

Tôi đã sống bằng những ước mơ thơ ấu ràn rụa nước mắt ấy. Và những phiền gach u buồn như kết dính tâm hồn tôi, cùng những huyền thoại. Trong trí tưởng thơ ngây, tháp như một người Mẹ, hay hơn nữa là Nội tôi. Một Nội không bao giờ tôi gặp. Bởi vì tôi là một đứa con riêng. Mẹ tôi không chờ ba tôi trở về, mẹ tôi đi lấy chồng. Người muốn tôi sung sướng hay cuối cùng, để người sung sướng. Tôi không biết ý định mẹ tôi. Nhưng tôi đã sớm biết được nỗi bất hạnh của tuổi thơ. Tôi sớm nhỏ những giòng nước mắt tủi cực, tủi thân. Tôi là một vì sao nhỏ lạc loài trong đêm tối, tù ngục. Và, nếu không có những giấc mơ, những niềm tin tưởng thật tội nghiệp ấy, chắc tôi không thể nào xúc động vô chừng khi trở về trong ngày chiến chinh nhìn lại những ngọn tháp. Những tháp trong đời tôi, hay những nụ hoa vĩnh cửu trong tim tôi? Có lẽ, tôi đã sống bằng những kỷ niệm. Những kỷ niệm một thời, mà tôi không thể quên, sau những màn đạn khói. Tôi đã ý thức, hơn bao giờ, linh hồn tháp chính là linh hồn tôi. Tôi lại càng cảm nhận, bằng một tâm thức siêu hình, Bà ngày nào, đôi mắt bao dung ngày nào, đôi mắt bao dung ngày nào, những giấc ngủ thơ ấu trong lòng tháp ngày nào, những nụ hoa, những

con chim sâu ngày nào... đã trở thành những nụ hoa vĩnh cửu. Trên đầu tôi, có sẵn một đôi mắt phò trợ. Đó là đôi mắt của Bà Tiên thơ ấu.

Đơn vị tôi đóng trên một ngọn đồi, mà dân địa-phương quen gọi là đồi tháp Bánh-Ích. Người Pháp đặt là tháp Bạc. Đó là một ngọn đồi đất đỏ, cao độ gần 100 thước. Trên đồi mọc lên ba ngọn tháp. Một ngọn chính, ngay đỉnh. Hai ngọn phụ, nhỏ hơn, nằm ở lưng chừng đồi. Chúng nổi bật lên trên một nền trời xanh lơ như ngọc bích, sừng sững chẳng khác những thiên thần, nhưng cũng đau thương như những người anh hùng thua cuộc. Dưới chân chúng, bên này, bên kia, là hai giòng sông xanh lơ đang thiếp ngủ. Màu xanh của da trời, màu đỏ của đồi, màu hỏa-hoàng của tháp, và màu xanh dịu dàng của hai con sông nhỏ, tất cả đã tạo nên một hình ảnh vô cùng quyến rũ. Tôi đã có những giờ đứng đăm đúi chiêm ngưỡng cái bóng dáng tuyệt vời, từ những tầng gạch lớn, chất chồng nhau bằng một thứ nhựa hàn muôn đời, như mang theo hơi thở của một triều đại, dấu vết một thuở huy hoàng, nỗi buồn không nguôi của một người trong cớ tích. Hơn nữa, đối với tôi, chúng quả thật vĩ đại và thanh khiết. Ở đây là biểu tượng của uy quyền, cùng thần linh. Chúng làm tôi run sợ.

Thật thế, trong lồng tháp lộng gió bốn bề, và sâu hun hút mãi tới đỉnh ngọn, như muốn chạm vào bầu trời, tôi đã có những đêm đặt lưng trên

chiếc nền xi-măng mát lạnh, để qua những đêm bão bùng, nhất là những đêm không trăng đầy mưa gió. Địch có thể đặt súng cối, hay hỏa tiễn từ bờ sông, như một lần địch đã làm. Địch có thể trả thù chúng tôi như một lần địch hăm dọa. Địch có thể san bằng ngọn đồi bằng những quả hỏa tiễn 122 li. Nhưng tôi kiêu hãnh, để nói rằng địch không thể tàn phá những ngọn tháp của tôi. Cũng như, những sự tàn phá khác: thời gian chẳng hạn. Biết bao triều-đại đã qua, biết bao gió mưa đã biến đổi, biết bao lớp người ngã xuống, nhưng ba ngọn tháp vẫn còn sừng sững tồn tại, như thách thức cùng non sông đất nước. Vâng, tôi tự kiêu hãnh để nói thế. Bởi thế, tôi đã coi tháp là chỗ che chở cuối cùng. Trong những đêm báo động, lúc mọi người chui xuống hầm phòng thủ, thì tôi xách súng chạy vào lòng tháp. Tôi dựa lưng vào vách tháp, tiếp tục ngủ thêm. Làm sao, những người lính trong đơn vị đã biết rõ nhịp đập của con tim tôi, và sự liên hệ vô cùng mật thiết giữa tôi và tháp. Có lẽ họ xem tôi là một kẻ sống bên lề, đánh giấc như kẻ rong chơi. Có lẽ họ xem tôi là một kẻ lập dị cũng nên. Họ đã chế nhạo tôi, khi tôi thắp nhang cầu nguyện trước tháp, mỗi khi đơn vị bắt đầu lên xe hành quân hay bắt đầu nhận một lệnh lên đường tiếp viện, đột kích. Họ chỉ biết lên đường và lên đường thế thôi. Họ đã không mấy may nghĩ đến cõi siêu hình, cũng như tôn giáo. Tôi có lẽ yếu đuối thật. Nhưng tôi xin thề,

tôi không bận tâm đến tôn giáo, như họ đã lầm tưởng. Hay tôn giáo chính là những ngọn tháp. Hay Trời Phật chính là Bà Tiên thơ ấu của tôi.

Tôi còn nhớ rõ, một đêm sau một cơn say ngây ngất cùng những đồng đội, tôi lại mò ra ngọn tháp phụ. Tôi có một tính thật xấu, nghĩa là sau khi uống rượu tôi phải đi tìm gái điếm. Lúc đó, hầu như dục vọng thấp hèn đã bùng lên cao độ, cùng hơi men mỗi lúc mỗi vùng vẫy. Người tôi trở nên thêm khát mùi vị đàn bà. Nhưng đàn bà đâu có trong một đêm muộn màng như thế này. Tôi đã cùng những bọm nhậu khác, lái xe dodge xuống đồi, lao vào cõi đêm, rẽ hướng quốc lộ 19 tìm đến căn cứ Mỹ. Ở đây đây đây gái điếm, dành cho bọn lính ngoại quốc. Có lẽ đêm đã quá khuya, hay bọn con gái làng chơi thấy bọn tôi, hung hăng thêm khát nên hoảng sợ tẩu thoát. Cuối cùng, xe phải trở lại ngọn đồi, mang theo những tên đang bị dồn nén cực độ. Tôi cũng thế. Sự dồn nén đã làm tôi trở nên mê muội. Tôi có ý muốn thủ dâm. Tôi muốn đày đọa tôi để quên lãng. Bởi vì tôi chỉ cần một giấc ngủ. Rồi hết. Dù tôi biết, hậu quả của căn bệnh ấy thật là ghê khiếp. Nhưng bây giờ, nằm trên nền tháp, trong tiếng gió lộng mặt mù, và qua một khung chữ nhật trống trải, tôi bỗng nhận muôn vàn vì sao rực rỡ quay cuồng. Tôi lại nghe rõ, những tiếng động từ một đôi cánh dơi lạc lõng trong lòng sâu của tháp, Tôi lại nghe cả một mùi hương

đêm, từ những bụi hoa dưới chân đồi. Tự nhiên, tôi lại cảm thấy mình run rẩy. Tôi đang nằm trong tháp. Tôi đang là đứa con của tháp. Tháp đang trái lòng, như lòng của một Bà Tiên thơ ấu. Tháp đang vỗ về, âu yếm săn sóc giấc ngủ của tôi. Tôi đã sợ hãi thật sự khi liên tưởng đến một đôi mắt quá đôi hiền hậu, và thánh khiết đang nhìn tôi, nhìn trán tôi, nhìn những sợi dây thần kinh sinh dục đang bốc lửa của tôi. Tôi đã lắc đầu, rồi lao ra bóng đêm. Tôi dang hai tay, đứng trên mỏm đá. Tôi cố quên những giờ phút yếu đuối của xác thịt. Và đêm đó, chưa bao giờ tôi thấy giá trị mình cao vời như vậy. Tôi hát một bài tình ca. Tôi lần mò trong đêm trắng, tìm một bụi hoa dúm dẻ ngát hương. Tôi ngắt một cánh hoa vàng, búp như búp tai người con gái. Nàng đã một lần, đôi mắt tươi sáng, gương mặt rạng rỡ ngắt một cánh hoa như búp hoa tai ấy, rồi mỉm cười gài lên mái tóc thề của nàng. Tôi nói như một con chiên phạm lỗi : tha thứ cho anh, cô bé. Anh thật xấu hổ với cánh hoa kỷ niệm này. Nhưng anh vừa thoát được một cơn ác mộng. Hồi cánh hoa như búp hoa tai rực rỡ của một người con gái dậy thì, đêm nay, ta là một tên thánh thiện nhất trần gian. Ta chẳng khác một vị thánh của chốn bùn nhơ ô uế. Nếu có giây phút giác ngộ, chính là giây phút này. Và tên thiên-sư bây giờ đã tìm ra chân lý. Hương đêm như hương mật.

Bóng tối lênh đênh bên bóng tháp, trải dài xuống tận chân đồi. Tiếng giầy xào xạc của người lính canh. Tiếng reo hò náo động, của bọn lính Mỹ, trên ngọn tháp chính. Đó là căn cứ ra-đa của một tiểu-đoàn truyền tin ngoại-quốc. Chúng đã làm tôi tức giận. Tôi ước muốn thành một ngôi nổ, phá tung cả những tiếng cười sặc sụa, những đứa con gái làng chơi mà hằng đêm, chúng dùng xe rước về. Đầu óc tôi muốn sôi như một hỏa diệm sơn. Rồi biết được mình đang đứng lêu bêu giữa ngọn đồi mông quạnh, tôi lại càng muốn ứa nước mắt. Tháp ơi. Tôi thì thầm. Tháp hãy hiểu lòng ta. Ta đã bắt

lực. Ta không biết làm cách gì để đôi mắt tháp khỏi nhìn cảnh ô uế, tội lỗi. Ta không thể mang về vẻ linh thiêng trong sạch của một ngày nào, vào trong lòng tháp tối. Ta khờ sở lắm tháp ơi...

Rồi tôi lặng lẽ đi trong đêm tối. Lòng bưng giận cũng được tắm mát bởi những cơn gió của đêm, của ánh trăng lai láng, trong vắt trong thình không. Đêm thật vô cùng thánh khiết. Và chưa bao giờ tâm hồn tôi trong sạch đến như thế.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-HOÀI-THƯ



KN 8/1211/BVT/GCOP

Sắp phát hành

□ THUYỀN

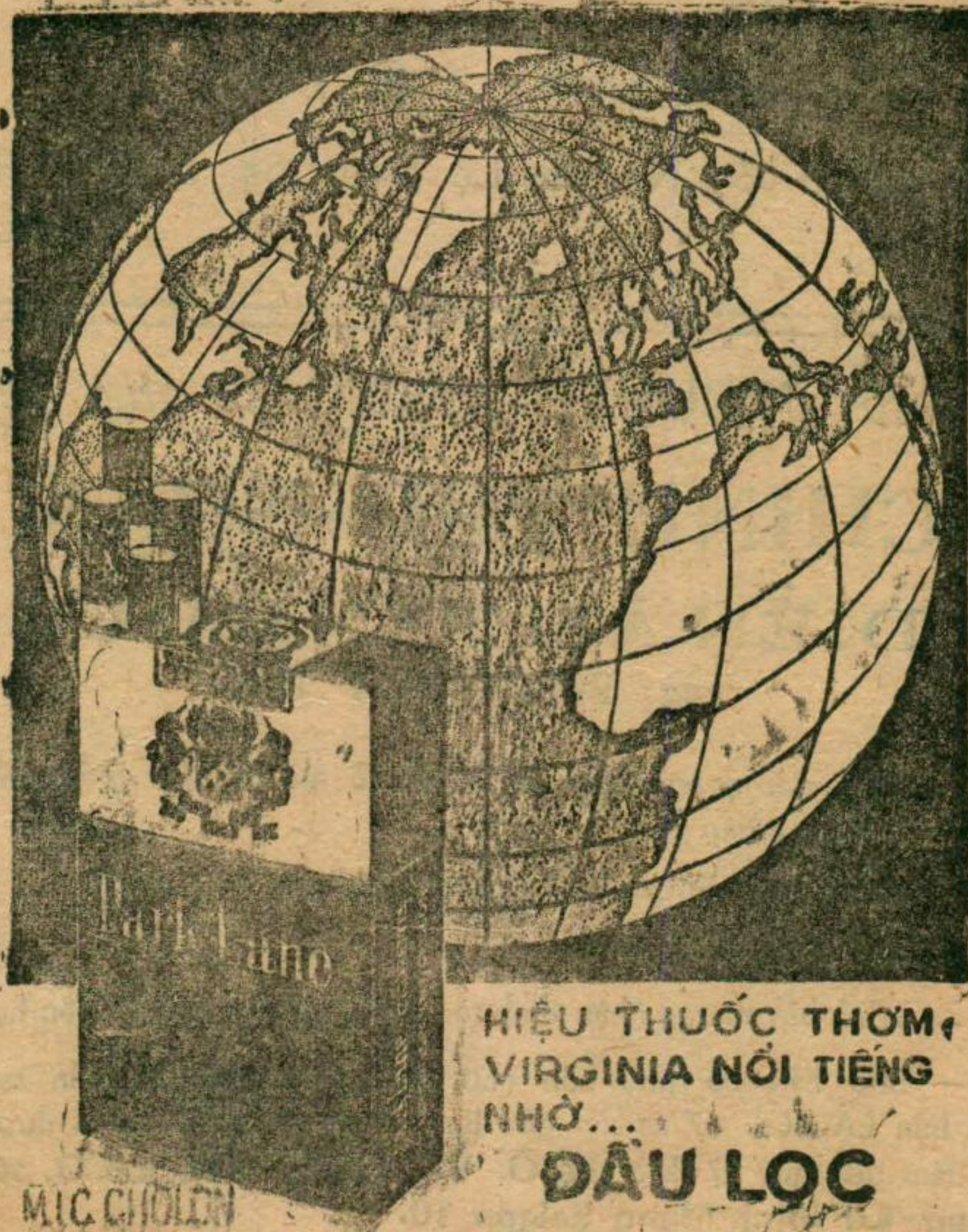
(truyện dài)

□ BA ĐÓA HOA

(tập truyện gồm : Thủy Linh, Nhược Mai, Ba Đóa Hoa)

của **QUỲNH DAO**

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành



PHƯƠNG TẤN, LÊ HÙNG SƠN, VŨ ĐÌNH TRƯỜNG, LÊ VĂN TRUNG, UYÊN HÀ, ĐÌNH HOÀNG SA, NGUYỄN PHAN DUY, NGUYỄN LỆ TUÂN cùng anh em trên hai tờ báo không giấy phép : SAU LUNG CÁC NGƯỜI và CÙNG KHỜ trước đây lại thăm lặng làm việc cho «MỘT QUÊ HƯƠNG» VIỆT NAM trên bán nguyệt san :

NGÔN NGỮ

Tiếng nói quyết liệt và thâm trầm nhất của lớp người trẻ VIỆT NAM.

Số 1 phát hành : 1-8-1972

Thư từ bài vở : Nguyễn Lệ Tuân 165, Lê Đại Hành
CHOLON

Giáo-sư NGUYỄN-ĂN-XUÂN *phát giác :*

CHINH-PHỤ-NGÂM

DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của PHAN-HUY-ÍCH

— Phát giác quan trọng tác phẩm cổ mà các học-giả toàn quốc (Nam và Bắc) mong chờ.

— Chấm dứt một cuộc bút chiến kéo dài gần nửa thế kỷ.

— Biên khảo công phu.

— Trình bày những nhận định mới nhất về Văn-học và Văn-học-sử.

— 500 bản có phụ bản chữ Nôm và Hán bày bán tại nhà Xuất bản LÁ-BỐI. Ở xa xin gửi bưu phiếu 300đ.000 sách được gửi bảo đảm đến quý vị. **Đề tên Ô. Võ-Thắng-Tiết, Lô O, số 121 Chúng-Cư Minh Mạng Saigon 10.**

THỜI SỰ KHOA HỌC

Châm cứu ở Mỹ

Thế giới Tây-phương không còn nhìn khoa châm cứu dưới một con mắt khinh thường nữa : nhiều bác sĩ danh tiếng ở Mỹ đã được mời dự khán các cuộc trình diễn khoa châm-cứu ở Bắc-kinh và đều công nhận nó có một giá trị thật sự.

Tầm mức giá trị của khoa châm cứu cổ truyền Trung-hoa sẽ biến đổi ra sao trong thế-giới y-khoa Tây-phương tân tiến ngày nay thật khó lòng mà tiên đoán được. Sau các thành công ngoạn mục ở Bắc-kinh giới chuyên môn ở Mỹ đã đổ xô vào Hoa-lục để nghiên cứu tại chỗ cho được tường tận hơn. Và một phong trào thí nghiệm khoa châm cứu đã bắt đầu ở ngay bên Mỹ. Trong tháng vừa qua, một trường-hợp thành công đầu tiên của khoa châm cứu do các bác sĩ Mỹ thực hiện đã xảy ra ở Nữu ước.

Bệnh nhân tình-nguyên là một sinh viên Y-khoa tên Fredric A. Newman, 23 tuổi, bị một bướu nhỏ ở hạch bồ-đào và muốn được giải-phẫu để lấy nó ra. Anh đã đồng ý cho bác-sĩ John W. C. Fox, một nhà chuyên môn về khoa gây-mê áp dụng phương pháp châm-cứu thay vì phương pháp chích thuốc tê trong khi mổ. Bác sĩ Fox đã dùng 4 cái kim châm cứu, châm vào 4 "huyệt" ở khoảng giữa ngón cái và ngón trỏ hai bàn tay và ở giữa ngón chân thứ hai và ngón chân thứ ba ở hai bàn chân. Xong, theo đúng các chỉ dẫn mà ông đã học được ở khoa châm-cứu bác-sĩ, Fox và các phụ tá

bắt đầu xoay kim với tốc độ 100 lần trong một phút. Trong lúc xoay kim, bệnh nhân cho biết có một cảm giác lẫn lộn giữa đau đớn và thích thú. Sau 20 phút thì Newman cho biết anh không còn thấy đau khi bị dùng kim chích vào da ở mặt, cổ, lưỡi, lợi và cổ họng. Ngay cả khi đâm mạnh vào hạch bồ-đào anh cũng không có cảm giác đau đớn. Sau đó cục bướu được lấy ra an toàn bằng một cái kẹp đặc biệt. Anh Newman cũng đã từng bị một cuộc giải phẫu tương tự trong quá khứ nhưng với thuốc tê và anh đã bị đau đớn hơn nhiều so với lần mổ này.

Tuy nhiên không phải khoa châm cứu đã hoàn toàn thành công ở Hoa-kỳ. Mười ngày sau khi bác sĩ Fox thành công ở Nữu-ước thì ở Trường Y-khoa Albert Einstein các bác-sĩ đã thực hiện 2 cuộc giải-phẫu khác, lớn hơn, rắc rối hơn dưới tác dụng của châm - cứu. Một trong 2 cuộc giải phẫu này đã thất bại : trong khi được cắt các bắp thịt ở thành bụng để sửa lại chứng sa ruột, bệnh nhân cho biết bị khó chịu và lập tức được đánh thuốc mê để tiếp tục cuộc giải phẫu.

Một số lớn các bác sĩ ở Hoa kỳ vẫn dè dặt về hiệu quả của khoa châm-cứu và cho những kết-quả đạt được chỉ là do ở một tình-trạng tự-kỷ ám-thị. Riêng bác-sĩ Fox thì tin tưởng là khoa châm-cứu có một căn bản thần - kinh sinh-lý-học về sự dẫn truyền của các loại cảm-giác và ông đang cố gắng diễn tả những điều ông

liều được từ y-lý Đông - phương sang ngôn-ngữ y-khoa của Hippocrate. Tuy vậy Fox cũng không quá đề cao khoa châm-cứu, ông cho là nó bổ túc cho khoa gây - mê của y học Tây phương chứ không thể thay thế nó được.

Hỏa-tinh, mục tiêu thứ 2 của chương trình không-gian Hoa-kỳ.

Sau chương - trình Apollo thám hiểm mặt trăng, cơ-quan hàng-không và không gian Hoa-kỳ hướng mục-tiêu của họ về Hỏa-tinh, một hành-tinh hy vọng có những điều kiện giống địa cầu nhất. Chương trình Viking sẽ bắt đầu vào năm 1976 với hai phi thuyền không người lái sẽ được cho đổ bộ xuống mặt Hỏa-tinh. Tới lúc ấy người ta mới hy vọng biết một cách chắc chắn về cách cấu tạo của hành tinh này.

Qua hình ảnh mà các phi-thuyền Mariner gửi về từ trên quỹ đạo Hỏa-tinh thì hành-tinh này có rất nhiều điểm giống trái đất chúng ta. Các nhà bác-học ví trái đất như một cô gái đào tơ đương sống và Hỏa-tinh như một bà cổ già đã sống hàng thế-kỷ trước. Gần đây nhất là những hình ảnh thật rõ ràng do Mariner 9 truyền về trái đất, người ta thấy bề mặt Hỏa-tinh đầy các vết nứt và các hố sâu thẳm. Các khoa-học-gia đã phác họa được hơn 85% bề mặt hành tinh này qua 7.000 bức hình Mariner 9 gửi về. Các vết nứt trên Hỏa-tinh được coi như là đã tạo nên bởi sự di-chuyển của các dòng nước. Chỉ có sự hiện diện của chất lỏng mới giải

thích được sự cấu tạo của các vết nứt đó. Nhiều nơi, các hình chụp được còn cho thấy các vết nứt lớn còn có những lần nứt nhỏ xung quanh và có những vùng đất bằng phẳng như những vùng châu thổ các con sông lớn trên trái đất. Về nguồn gốc của nước trên hỏa tinh, đã có 2 giả-thuyết. Một cho rằng trong khi quay, Hỏa-tinh có lúc hướng hai cực băng-tuyết của nó lại gần mặt trời hơn và bị hơi nóng làm cho băng chảy ra. Giả thuyết thứ hai cho nước do ở các lớp mây mù bao quanh Hỏa-tinh rơi xuống khi hành tinh này trải qua một "thời đại ẩm" tương tự như một thời-đại băng tuyết đã từng xảy ra ở trái đất.

Ngoài ra, có những vùng Cao-nguyên trên Hỏa-tinh đất bị nứt thành những khe sâu thẳm; to lớn gấp 10 lần thung lũng Grand Canyon ở Hoa-kỳ. Sự kiện này chứng tỏ Hỏa-tinh đang bị nhiều sức dồn ép và đất bị nứt ra thành từng mảng,

Người ta đang nhìn Hỏa-tinh với hình ảnh của trái đất trong quá khứ và hy vọng rồi ra sẽ tìm được dấu vết của một đời sống đang có hoặc đã từng có ở nơi đó.

TỬ-DIỆP

Đã phát hành :

LƯU BÚT MÙA HẠ

● Tập thơ của PHAN-PHỤNG-THẠCH viết cho học-trò.

● Nỗi xót-xa ngậm-ngùi của nhà giáo thời-chiến,

Văn hóa và nhà nước

Đầu tháng 6-1972, các chủ tiệm sách toàn nước Pháp họp Đại hội kỳ thứ 38 tại Nancy.

Tại đại hội, Jean Jacques Servan-Schreiber đã đến nói chuyện, và nghe đâu được hoan nghênh dữ lắm. J.J.S.S. nhắc lại một chuyện cũ xảy ra tại địa phương cách đây 40 năm: Hồi 1932, một ông đại-tá viết cuốn sách trình bày một chủ trương quân sự không hợp với đường lối đang thịnh hành trong giới cầm quyền, vì vậy ông ta không tìm được nhà xuất bản nào bằng lòng in sách cho ông tại Paris. Ông đại-tá khốn khổ nọ đến Nancy, gặp kẻ nhận xuất bản: sách ấy in 1.500 cuốn, bán một nửa ế một nửa. Và đó là cuốn *Vers l'armée de métier* của Charles de Gaulle (bấy giờ còn mang lon đại tá).

J.J.S.S. lại nêu lên một chuyện hiện thời tại nước Pháp: Nhà xuất bản Hachette là một tổ chức kinh doanh đang kiểm soát phân nửa hoạt động xuất bản, và quá nửa hoạt động phát hành báo chí trong toàn quốc, đang len vào lung lạc ngành phát thanh, và truyền hình để "hợp tác" chặt chẽ với chính quyền trong địa hạt này.

J.J.S.S. ôn các bài học lịch sử: Trong thời kỳ Phục hưng ở Âu châu, nhờ có sự tách biệt giữa Chính quyền và Khoa học do Galilée khởi xướng mà xã hội tiến bộ. Trong thời cận đại, nhờ có sự tách biệt giữa Chính quyền và Giáo quyền mà chế độ

Cộng hòa ra đời.

J.J.S.S. kết luận: Hiện nay, cái cần thiết là sự tách rời quyền chính trị của nhà nước với quyền kinh tế của tư nhân. Đặc biệt, J.J.S.S. nhận thấy sự độc quyền trong ngành xuất bản, báo chí, sự « hợp tác » của nhà nước trong các hoạt động này là một nguy cơ lớn cho xã hội.

Hình như là tiểu thuyết

Françoise Sagan vừa cho ra một tác phẩm: cuốn *Des bleus à l'âme*, dày 208 trang, viết trong vòng một năm.

Nhân vật ở đây là một cặp nam nữ, một đôi anh em, rút ra từ một tác phẩm cũ: cuốn *Un château en Suède*.

Từ ngày cuốn *Bonjour Tristesse* ra đời, cái tên Sagan luôn luôn khiến người ta nghĩ đến những mối tình chớp nhoáng, những đứa con gái ngỗ ngáo, những tâm hồn mệt mỏi chán chường v.v.. Tác phẩm văn nghệ khiến độc giả cứ nghĩ đến một Sagan trong thời kỳ «bắt tay nổi sấu», nào ngờ thời giờ thấm thoát, mới đó mà bây giờ Sagan đã chào biệt tuổi trẻ.

Sagan bây giờ đã là một thiếu phụ tuổi ngót tứ tuần, có địa vị, có sản nghiệp, có những nhu cầu trong cuộc sống xã hội. Viết lách đối với nàng đã là một nghề nghiệp, một sinh kế.

Xét về mặt bán chác, cuốn *Des bleus à l'âme* không còn được độc giả đón tiếp nồng nhiệt như trước,

không còn đứng vào danh sách bán chạy hàng đầu. Tuy vậy, ngót chục cuốn tiểu thuyết đã ra đời của Sagan vẫn là một sinh kế đáng ước mơ cho đại đa số văn nghệ sĩ, — Nhưng sự thực có phải đó là những cuốn tiểu thuyết chẳng? Nhân dịp cuốn *Des bleus à l'âme* ra đời, nhà phê bình Matthieu Galey mong rằng một ngày nào đó Sagan sẽ viết cuốn tiểu thuyết đầu tay: từ trước đến nay, mới chỉ là những... bài luận hay!

Hình như là tiểu sử

Bực mình vì không được dư luận Tây-phương chú ý đúng mức, Chủ-tịch Bắc-Hàn là Kim-Nhật-Thành hạ lệnh cho xuất bản một bộ tiểu sử của mình bằng hai thứ tiếng Anh và Pháp. Sách gồm ba tập dày cộm, in thật đẹp.

Dư luận Tây phương bèn chú ý ngay. Và nhận thấy rằng Chủ-tịch Kim-Nhật-Thành được trình bày trong sách đã vượt cả Staline và Mao-Trạch-Đông: Chủ-tịch Kim được gọi là đảng «vĩ nhân của thế kỷ XX». Tạp chí *L'Express* nêu một nhận xét nhỏ về tác phẩm lớn nọ: Ngay từ khởi đầu, cuốn «tiểu sử» đã đưa ra một sự giả mạo, Kim-Nhật-Thành không phải tên thực của đảng vĩ nhân: đó là cái tên mà Người đã thường của một nhà ái-quốc chống Nhật, chết vào năm 1931!

Hình như là truyện chương hồi

Sự phát triển đặc biệt của báo hàng ngày tại Sài Gòn sau 1963 đã đưa đến sự phát triển đặc biệt của tiểu thuyết phơi-dơ-tông tại Việt-nam. Hiện tượng ấy chắc chắn sẽ gây một ảnh hưởng trong Văn-học Việt-nam vào thời kỳ này.

Ở Âu-châu, phương tiện truyền thông phát triển hơn, lại làm phát sinh một thứ tiểu thuyết lạ đời hơn: tiểu thuyết viết để đọc trên đài phát thanh.

Cứ mỗi tuần năm ngày, mỗi ngày đọc một lần dăm ba trang mới vừa viết xong trên đài Europe N^o 1, cứ thế sau hai tháng Henri-François Rey đã hoàn tất cuốn tiểu thuyết *Le Barbare* Đọc cho thiên hạ tứ phương nghe xong, ông cho nhà Laffont xuất bản.

Có một thời truyện đặt ra đề mang đi kể đạo khắp xóm làng như hồi Trung Cổ, có một thời truyện viết ra để chép tay chuyền nhau ngâm nga, có một thời truyện viết để in, rồi lại đến một thời truyện viết ra để đọc từng đoạn mỗi đêm cho cả nước xúm nhau nghe... Henri-François Rey đang trở lại hoàn cảnh sáng tác náná với hoàn cảnh sáng tác chương hồi tiểu thuyết của Trung-hoa ngày xưa.

TRÀNG-THIÊN

Thời sự thế giới

● TÙ - MINH

Trong những ngày vừa qua tình hình thế giới đã hết sức sôi động với những biến chuyển dồn dập. Trước hết là tình hình chiến sự tại Việt-nam đã đột nhiên trở nên sáng sủa. Tại Triều-Tiên chính-phủ Đại-hàn và chính-phủ Bắc Cao vừa đưa ra một thông cáo chung nhằm chấm dứt thù nghịch để đi tới thống nhất bằng đường lối hòa bình.

Trong khi đó tại Âu-châu người ta tỏ ra lo ngại trước những phong trào đòi giải kết của Hoa-kỳ nhất là vào lúc mà Nga đang cố gắng mở rộng ảnh-hưởng ở Tây-Âu.

Cùng một lúc tại Pháp và Nhật người ta đều thay đổi Thủ-tướng để đáp ứng với tình-thế mới.

Chuyển hướng chiến tranh tại Việt-nam

Trong những ngày vừa qua chiến cuộc Việt-nam đã bước vào một giai-đoạn mới. Quân-đội Việt-nam đã lần lượt giải vây An-lộc, Kontum và tái chiếm Quảng-trị. Sau 3 tháng tấn công đại qui mô người ta có cảm tưởng rằng ván bài cuối cùng của nhà cầm quyền Bắc-Việt đã thất bại. Với sự thất bại này Bắc-Việt dường như đã bỏ một phần nào lập trường cứng rắn của họ. Thật vậy, sau cuộc Nga du của Tổng-thống Nixon người ta thấy chính-phủ Hà-nội đang vật lộn với những khó khăn nội-bộ và cả những khó khăn với đồng minh của họ nữa.

Các khó khăn đầu tiên mà Hà-

nội phải đối phó là vấn đề tiếp-vận. Từ khi Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon quyết định thả mìn để phong tỏa bờ biển miền Bắc và các phi-cơ Mỹ phá hủy các hệ-thống cầu cống xe lửa, Bắc-Việt không những gặp khó khăn trong công cuộc tiếp-vận cho quân đội của họ ở miền Nam mà còn khó giải quyết nỗi vấn đề tiếp-liệu cho dân chúng ở miền Bắc nữa.

Trên bình diện ngoại giao các nước Cộng-sản đàn anh còn ra sức gây áp-lực để họ phải có một thái độ ôn hòa hơn. Sau khi ông Nixon rời Mạc - tư - khoa, Chủ - tịch Sô - viết Nicolas Podgorny đã hướng dẫn một phái đoàn sang Hà - nội có lẽ để buộc Hà nội phải có một thái độ mềm dẻo hơn. Bị Nga bỏ rơi, Hà nội chỉ còn biết quay về phía Trung Cộng. Nhưng đúng lúc đó ông Kissinger lại sang Bắc-kinh để đàm luận với Thủ-tướng Trung-Cộng Chu-ân-Lai. Vì vậy mà Bắc Việt đã phải thỏa thuận trở lại Hội-nghị Ba-lê vào ngày 13-7-1972. Việc mở lại hòa đàm vào ngày 13-7 không phải là một việc ngẫu nhiên. Khi đó Đại-hội đảng Dân chủ đang nhóm họp để bầu ứng-cử-viên Tổng-thống. Tổng-thống Nixon hy vọng rằng việc tái nhóm hòa đàm sẽ làm lu mờ Đại-hội đảng Dân-chủ.

Tại Đại-hội, người ta chắc chắn ông Mc. Govern sẽ được chỉ định làm ứng-cử-viên. Nhưng dù có được chỉ-định, ông Mc. Govern cũng không có đủ uy tín để đánh bại một vị đương kim Tổng-thống, nhất là vị

Tổng-thống này lại là một người thành công liên tiếp về mặt Ngoại giao như ông Nixon. Ngay chính cả Nga cũng còn cho rằng ông Mc. Govern chắc chắn sẽ bị thảm bại. Tuy là bồ câu chủ hòa, ông Mc. Govern vẫn không được Nga coi là một người đối thoại xứng đáng với họ.

Bước đầu của thống nhất Triều-tiên

Ngày 4-7 vừa qua vào hồi 10 giờ sáng cả chính-phủ Nam-Hàn lẫn chính-phủ Bắc-Hàn đã công bố một bản Thông-cáo chung tuyên-bố thỏa-thuận chấm dứt mọi hành động thù nghịch để đi tới thống nhất hai miền. Trong Thông cáo này cả hai bên đều tránh dùng quốc-hiệu riêng của hai nước mà chỉ dùng danh từ hai miền Nam và Bắc Cao. Một đường dây điện-thoại trực tiếp được thiết lập giữa Hán-Thành và Bình-Nhưỡng. Tuy chưa đi tới quan-hệ bình-thường giữa hai miền kể cả về trao đổi văn-hóa và kinh-tế, nhưng Thông cáo ngày 4-7 đã đặt ra 3 nguyên-tắc căn-bản về sống chung hòa bình giữa đôi bên :

1) Sự thống-nhất sẽ do hai miền thực hiện không chịu áp lực hay can thiệp của nước ngoài.

2) Thực hiện thống nhất bằng đường lối hòa-bình.

3) Thống nhất sẽ được đặt trên căn bản đồng nhất chủng tộc và các dị biệt chính-trị, ý-thức-hệ đặt vào hàng thứ yếu. Đây là bước đầu tiên của sự sống chung hòa bình giữa

hai miền của một quốc gia bị chia cắt. Sau hai tháng trời thương-thuyết giữa Bình-nhưỡng và Hán-thành kết quả thu lượm được hết sức khả quan. Tuy nhiên người ta không hiểu khi chấp nhận các nguyên tắc sống-chung này phe Cộng-sản muốn nhằm mục đích gì. Thật vậy, sau một cuộc chiến tranh xâm lược vào năm 1950 và trên 20 năm thù hận, Bình-nhưỡng đột ngột bỏ thái độ cứng rắn khiến cho các quan-sát-viên tỏ ra hết sức phân vân. Người ta phỏng đoán rằng phe Cộng-sản bắt đầu áp dụng một chiến-lược mới. Có lẽ trước các thất bại của những âm mưu chiếm Nam-Hàn bằng võ lực phe Cộng-sản muốn nối lại liên lạc để có thể bành-trướng ảnh-hưởng một cách ôn hòa hơn. Vì vậy mà chính-phủ Đại-hàn trong giai đoạn mới này đã lưu ý dân chúng hết sức thận trọng không nên lạc quan quá sớm.

Những mối lo âu của các quốc-gia Tây-Âu :

Từ khi Thế-chiến thứ hai chấm dứt tới nay Nga-sô luôn luôn nhằm hai mục-tiêu tại Âu-châu. Mục-tiêu thứ nhất là làm sao để các quốc-gia thừa nhận những ranh giới của Nga ở phía Tây. Và mục tiêu thứ hai là bành-trướng về phía Tây khi Mỹ rút lui.

Với hiệp-ước Nga-Tây Đức ký tại Mạc-tư-khoa vào tháng 8-1970, biên giới phía Đông của Nga đã được các nước Tây-phương trực tiếp liên-hệ tới vấn đề biên-giới thừa nhận. Như

vậy các lãnh thổ mà Nga chiếm được trong cuộc Thế-chiến được coi như đã hợp-thức-hóa. Bây giờ Nga có thể bước sang giai đoạn thứ hai tức là bành trướng về phía Tây.

Vừa lúc Nga đang dự tính như vậy thì tại Hoa-kỳ nhiều người lớn tiếng đòi giảm quân Mỹ ở Âu-châu. Người chủ trương rút quân hiện thời là Thượng Nghị-sĩ Mc. Govern, người có hy vọng được chỉ định làm ứng-cử-viên Tổng-thống. Nếu ông Mc. Govern đắc cử thì chắc chắn Hoa-kỳ sẽ rút hết quân ở Âu-châu. Ngoài ông Mc. Govern người ta thấy còn có ông Mike Manfield, lãnh tụ khối đa số Dân-chủ ở Thượng-viện cũng có một quan-điểm tương-tự. Vì vậy mà các giới lãnh-đạo Âu-châu tỏ ra hết sức lo ngại. Người ta e rằng nếu Mỹ rút thì Nga sẽ vội vã nhảy vào để lấp khoảng trống ở Âu-châu. Nhất là vào lúc này nhiều nước quá tin tưởng vào tình trạng hòa dịu ở Âu-châu đã tỏ ra hết sức lo là với nghĩa-vụ của họ trong khuôn khổ Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Thật vậy từ nhiều năm nay bị ru ngủ vì tình trạng hòa-bình, các quốc gia Tây-Âu, nhất là Pháp, đã cho rằng Minh-ước Bắc Đại-tây-dương không còn là một sự cần thiết nữa mà chỉ là một vi-phạm chủ quyền của các quốc-gia hội-viên. Nhưng cùng một lúc với sự giảm thiểu quân trong khối Bắc Đại-tây-dương người ta lại thấy khối Cộng-sản Đông-Âu, mặc dầu ngoài miệng vẫn kêu gọi tài binh nhưng bên trong vẫn giữ nguyên mức độ lực

lượng quân sự của Minh-ước Var-sovie.

Để trấn an các nước đồng-minh Âu-châu, ông Nixon đã gửi ông Reagan, Thống-đốc Tiểu-bang California, sang du thuyết tại các nước này. Nhưng ông Reagan lại là một cựu tài-tử điện-ảnh nên các lãnh tụ Âu-châu cho rằng ông Nixon đã coi thường họ. Một vị Ngoại-trưởng Âu-châu đã nói: «Tại sao ông Nixon lại gửi ông Reagan sang Âu-châu trong khi liên lạc với Trung Cộng thì ông lại gửi ông Kissinger?» Thật vậy các lãnh-tụ Âu-châu từ xưa tới nay quen giao thiệp với các chính-khách Mỹ nổi danh như J.F. Dulles, Dean Acheson và Dean Rusk nên họ có cảm tưởng rằng ông Reagan không đủ «nặng-ký» để nói chuyện với họ. Trong nhiệm-kỳ tới, ông Nixon sẽ phải có một thái-độ tích-cực hơn đối với Âu-châu nếu ông muốn Hoa-kỳ tiếp tục duy trì vai trò lãnh đạo của mình ở trong vùng này.

Thay đổi nội các tại Pháp và Nhật

Trong ngày 5-7 vừa qua tại cả hai nước Pháp và Nhật người ta đều có một vị Thủ-tướng mới. Sau khi ông Pompidou, Tổng-thống Pháp ngỏ ý muốn cải-tổ nội-các thì ông Jacques Chaban Delmas đã đệ đơn từ chức để ông Pompidou có thể chọn một nội-các mới theo ý riêng của ông.

Ông Chaban Delmas là một nhà chính-trị lão thành của Pháp và đã theo tướng De Gaulle ngay từ thời

kỳ De Gaulle lãnh đạo phong trào kháng Đức. Năm 1944, khi Pháp được giải phóng, ông Chaban Delmas đã được phong làm Thiếu-tướng lúc mới 29 tuổi. Suốt trong thời gian De Gaulle cầm quyền, từ 1958 đến 1969, ông Chaban-Delmas đã giữ chức vụ Chủ-tịch Hạ-viện. Khi Pompidou lên thay thế Tướng De Gaulle, ông Chaban-Delmas được cử làm Thủ-tướng. Trong những tháng gần đây đã có nhiều phong trào tố ông trốn thuế và nhiều người trong các đảng tả phái đã đả kích ông nặng nề. Để bảo đảm thắng lợi cho đảng của mình, ông Pompidou đã quyết định cử ông Pierre Messmer làm Thủ-tướng. Với sự ra đi của ông Chaban Delmas và với sự bổ nhiệm ông Messmer người ta thấy Tổng-thống Pompidou mỗi ngày một đi xa chính-sách của De Gaulle. Tuy Messmer cũng đã theo De Gaulle ngay từ lúc đầu, nhưng ông không phải là một chính-trị-gia. Trước kia ông Messmer làm Thống-đốc thuộc-địa ở Phi-châu. Sau đó ông được De Gaulle cho nhẩy dù xuống Lạng-sơn hầu tìm cách tái chiếm Việt-nam và ông đã bị Võ Nguyên Giáp cầm tù. Với Messmer trong chức vụ Thủ-tướng, ông Pompidou muốn thành lập một nội các của kỹ-thuật-gia hơn là của chính-trị-gia. Người ta cho rằng ông Messmer sẽ chú trọng trước nhất tới vấn đề nghiên-cứu khoa-học và tăng cường quân-sự để đuổi theo đà tiến bộ của các nước tiền tiến khác.

Cũng trong ngày 5-7, tại Nhật đảng Dân-chủ Tự-do đã bầu ông Tanaka, Tổng-trưởng Thương-mại, làm Chủ tịch. Vì đây là một đảng cầm quyền nên ông Tanaka đương nhiên nắm chức vụ Thủ-tướng Nhật thay thế ông Sato. Ông Tanaka đã được 156 phiếu vào vòng đầu, và 282 phiếu vào vòng hai, trong khi Ngoại trưởng Fukuda được có 150 phiếu và 190 phiếu.

Ông Tanaka có đầu óc khuynh tả nên khi ông được cử làm Thủ-tướng người ta cho rằng ông sẽ được các đảng tả phái Nhật chấp nhận dễ dàng hơn. Hơn nữa, người ta tiên đoán rằng ông sẽ xúc tiến việc mở rộng bang giao với Trung-Cộng, điều mà Thủ-tướng Sato tỏ ra hết sức ngần ngại trong năm vừa qua. Ông Tanaka năm nay 54 tuổi và là vị Thủ - tướng trẻ nhất trong lịch-sử Nhật. Ông xuất thân từ một giai cấp nghèo và tự lập nên sự nghiệp. Việc đảng Dân-chủ Tự-do chọn ông thay vì chọn ông Fukuda chứng tỏ rằng đảng này muốn trẻ-trung-hóa hàng ngũ và đồng thời tỏ ý không ủng-hộ tư-tưởng của cựu Thủ-tướng Sato, người hết lòng bảo trợ Fukuda, vì ông Sato đã liên-kết quá chặt chẽ với các giới kinh-tài.

TỪ MINH

HỘP THƯ

— *Tập chí Bách Khoa* đã nhận được những bài của quý bạn sau đây

Nguyễn Tiến Cung (thơ), Ngô Hát Tuyển (thơ), Kỳ Hoàng (thơ), Tổ Diễm (thơ), Huỳnh Châu Sơn (thơ), Lê Nguyên Ngữ (thơ), Dã Nhân (thơ), Nhã Châu (thơ), Phan Thành Trung (Một nơi nào đó), Võ Ngôn Ân (thơ), Ý Yên (thơ), Nguyễn Tịnh Yên (thơ), Kỳ Lê Văn (thơ), Nhã Nam (Tự trường sau), Đặng Kim Chân (thơ), Võ Duy Chung (thơ), Kha Thụy Trầm Vi (thơ), Phan Hy (thơ), Hoàng Lộc (thơ), Thùy Linh (Khúc buồn thân phận), Nguyễn Minh (Điện Tử và Y khoa), Chính Thuần (thơ) Phạm Trương Ly (thơ), Đan Khê (Quay Lưng), Trà Cát Miên (thơ), Nguyễn Tường Văa (thơ), Trần Huyền Thoại (thơ), Nguyễn Đình Chiến (Ngõ hẹp, thơ), Trần Dạ Lữ (Hỏi Huế, người xưa nay đâu? Trên giòng sông Mỹ Chánh thơ), Hoài Ziang Duy (thơ) Hàn Song Lệ (thơ), Hoàng Liêm (thơ), La Uyên (thơ), Thị độ opt (Tìm về đối thoại, Xe thơ), Nguyễn Miên Thượng (thơ), Trường Chinh Nguyễn hữu Việt (thơ), Trần Hoàng Vy (thơ), Phạm Tấn Hầu (thơ), Huy Uyên (thơ), Phạm Hồ (thơ), Viên hoa Cương (thơ), Từ Chương (thơ), Thái Minh Phụng (Miền đất xanh), Lê Miên Tường (Bi kịch), Hứa Hoành (Những người Trung-hoa tị nạn ở V.N. và Chiêm Thành vào cuối triều đại nhà Tống).

Những bài được lựa đăng, chúng tôi sẽ liên lạc bằng thư riêng hoặc sẽ

nhân tin trên các số *Bách khoa* tới đây

— *Ô. Vũ Hữu Định* (Đà Nẵng) Đã nhận được thêm 4 bài thơ nữa của anh (Hồn gửi trăm nơi, Những bước chân người v.v..). Anh cứ viết tay như vậy cũng được. Sẽ lựa đăng dần và sẽ viết thư riêng cho anh.

— *Ô. Trần Huyền Ân* (Tuy Hòa) Đã nhận được và sẽ đăng. Chúc các anh vui mạnh.

— *Ô. Lê Miên Tường* (Bla) Đã viết thư cho cô T.D. ngay về việc của anh. Còn truyện, sẽ gửi thư riêng cho anh.

Sách mới

— *Trắng như da nàng tập thơ của Lê Phồ Đức do Nhận Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 44 trang, gồm 18 bài thơ, bìa của Duy Thanh. Bản đặc biệt. Giá 120đ.*

— *Ngọn cỏ ngậm ngùi truyện dài của Trần Hoài Thư do Tiếng Việt xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 của tác giả đã xuất bản dày 188 trang. Giá 145đ.*

PHÂN ƯU

Được tin về **THÂN MẪU** của ông Nguyễn Hữu Tài, Chánh sự vụ sở An Ninh Xã Hội Bộ Lao Động vừa mệnh chung tại Cần Thơ ngày 6-7-1972,

Xin thành thực chia buồn cùng Ông Tài và tang quyến và cầu chúc cụ bà sớm về cõi phúc.

TRẦN-ĐẠI, BÙI CÔNG CHỨ

Kế hoạch thống nhất đất nước của V.C

(tiếp theo trang 14)

song thực sự là thành phần trung lập do Pháp đề-nghị).

Thời-gian từ đình chiến tới tuyên cử ở Miền Nam nghĩa là từ bước 2 sang bước 3, không được Cộng-sản vạch rõ; có lẽ còn tùy thuộc vào nỗ lực mở rộng vùng ảnh hưởng ở nông thôn của Cộng-sản. Vì, vẫn theo kế-hoạch Cộng-sản trù định «đã tuyên-cử là phải thắng».

Một khi đã thắng trong tuyên-cử của *giai-đoạn liên-hiệp* (giai đoạn 1) thì việc chuyển sang *giai đoạn Cộng-sản nắm trọn chính quyền* (giai đoạn 2) không phải là chuyện khó khăn. Và khi đã nắm được chính-quyền ở Miền Nam thì việc thống nhất Bắc Nam vào một mối (giai-đoạn 3) chỉ là *chuyện trong nhà* !

oOo

Kế-hoạch của Cộng-sản thì như vậy nhưng việc tiến-hành lại tùy thuộc vào quá nhiều điều kiện — chủ quan cũng như khách quan, quốc nội cũng như quốc-tế — rất phức tạp ! Hơn nữa, kế-hoạch III còn có một khoen quan-trọng : đó là khoen đình chiến ; mà đã đình chiến thì đương nhiên phải đón nhận hòa - bình. Tới đây, một vấn - đề mới được đặt ra là liệu những thế-lực đã từng đứng vào hàng ngũ Đế-quốc (Cộng-sản cũng như Tư-bản và Thực-dân) trong thời-chiến có còn tiếp tục đứng nổi trước nhân-dân ta trong thời-bình hay không đề mà thực hiện chương - trình này, kế-hoạch nọ ? Chúng tôi xin nhường bạn đọc trả lời.

7-1972

PHẠM-CHI-LĂNG

KẾ-HOẠCH THỐNG-NHẤT CỦA CỘNG-SẢN VIỆT

Kế hoạch I : Giải pháp Giơ-ne-vơ (1954 — 56)

| Chuẩn bị Kế hoạch II (1957 — 59)

Kế hoạch II : Giải pháp quân-sự (1960 — 68)

|

Kế hoạch III : Giải pháp chính-trị (1969 — ?)

↙

↓

↘

Giai đoạn I : Chính phủ Liên hiệp Miền Nam	Giai đoạn II : Chính phủ Cộng-sản Miền Nam	Giai đoạn III Chính phủ C.S. thống nhất toàn quốc
---	---	--

- Bước 1 : Chính-phủ Sài-gòn cải tổ
- Bước 2 : Chính-phủ Hòa-hợp Dân-tộc 3 thành phần
- Bước 3 : Chính-phủ chính thức Miền-Nam

của đảng Xã-hội Thống-nhất Đức (đảng Cộng-sản Đông-Đức SED) (1), Walter Ulbricht, 78 tuổi, người hùng Tây-Đức, bỗng nhiên từ chức Bí-thư thứ nhất của đảng mà ông đã giữ từ 25 năm nay. Ông cũng từ luôn cả chức Chủ tịch Hội-đồng Quốc-phòng và chỉ còn giữ lại chức Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước (Quốc-trưởng). Có người cho rằng vì ông đã quá già nên nghĩ đến vấn đề thừa-kế. Kế nối tiếp ông ở chức vị Bí-thư thứ-nhất là Erick Honnecker. Nhưng người ta không khỏi ngạc nhiên là sự từ chức đó có tính cách đột ngột và không hề được sửa soạn trước. Trước đó Ulbricht vẫn rất có uy tín ở Đông-Đức và ở trong thế-giới Cộng-sản. Ông là người đã đưa Đông-Đức lên hàng thứ 2 sau Nga-sô trong số các nước kỹ-nghệ thuộc khối Cộng-sản.

Ông có tiếng là một lãnh-tụ cứng rắn, lúc nào cũng trung-thành với Nga-sô, triệt để ủng hộ đường lối « hợp khối » (intégration) của Mạc-tư-khoa và cương quyết chống lại đường lối « phân khối » (polycentrisme) và xét lại (revisionnisme) theo chiều hướng tự do của một số nước Đông Âu. Trên phương diện quốc nội, ông chủ trương kiểm soát chặt chẽ, ngay cả sau 1963 là thời kỳ đã có đôi chút mềm dẻo trong xã-hội Đông-Đức. Trên phương diện quốc-tế, ông là đồng minh trung thành nhất của Nga, ít nhất là cho đến năm 1969, mà chánh sách của Mạc-tư-khoa bắt đầu hơi mâu thuẫn với quyền lợi của Đông-Đức.

Có một điều là mặc dầu ông rất

mục trung thành với Nga-sô, nhưng trong 8 năm qua (từ 1964) người ta thấy rõ là ông đã không theo mẫu phát triển của Nga-sô trong các lãnh vực kinh tế, chính trị và tư tưởng. Tại một phiên họp của Ban Chấp-bành Trung-ương đảng Xã-hội Thống-nhất (SED) Đông-Đức tháng 2-1964 ông nói: Đường lối chuyển tiếp từ Tư-bản chủ-nghĩa sang Xã-hội chủ-nghĩa đang thi hành ở Đông-Đức khác với đường lối thi hành ở Liên-xô. Hơn thế nữa ông còn coi đường lối đó như là một mẫu mực phát triển đối với các nước Đông-Âu khác (nhất là từ sau vụ Tiệp-khắc 1968) và đối với cả nhiều nước Tây-phương vì ông biết rằng có nhiều nước rất chú ý đến những thành công của Đông-Đức trên lãnh vực kinh tế. Khi hưng lên như vậy có lẽ ông đã quên rằng Đông-Đức là một nước Cộng-sản, đường lối phát triển mà ông gọi là « hệ thống kinh tế mới », của Đông-Đức khó có thể áp dụng cho các nước tư-bản được.

Những tham vọng đó của Ulbricht có thể đã làm cho các nhà cầm quyền điện Cẩm-Linh mỗi ngày một thêm khó chịu vì họ cho rằng nếu cứ tiếp tục như vậy thì rồi một ngày kia ông sẽ tranh giành quyền lãnh đạo tư-tưởng với họ.

Chính sách độc lập của ông, trong thời kỳ cuộc giao thiệp Đông Tây còn bế tắc, không có gì trái với đường lối của Mạc-tư-khoa. Nhưng từ khi ông W. Brandt lên cầm quyền ở Tây-

(1) SED : Sozialistische Einheitspartei Deutschlands là Đảng Xã hội Thống-nhất Đức tức là đảng Cộng-sản Đông-Đức.

Đức, ông đã mạnh dạn thi hành một chính sách hòa giải Đông Tây, đưa Hoa-thịnh-dôn sáp lại gần Mạc-tư-khoa để hy vọng giải quyết nhiều vấn đề từ trước vẫn bế tắc, như vấn đề «Hai nước Đức», vấn đề «quy-chế Bá-linh».

Trong cố gắng giải quyết đó, ông Brandt thấy cần phải trực tiếp đối thoại với Mạc-tư-khoa; vì vậy ông đã mạnh dạn đề nghị ký kết với Nga-Sô một hiệp ước bất tương xâm và đồng thời cũng ký với Ba-lan một hiệp ước tương tự. Như vậy là ông đã mặc nhiên công nhận đường ranh giới Oder-Neisse mà từ xưa đến giờ Cộng-hòa Liên-bang Đức vẫn cương quyết phủ nhận. Làm như vậy là ông đã để ngỏ cửa cho những cuộc thương thuyết giữa Tây-Đức và các nước Cộng-sản về phương-diện hợp tác thương mại và kỹ nghệ. Chấp nhận đường lối đó, tức là phải chấp nhận quan niệm «một nước Đức với hai chính phủ» và ý niệm «thống nhất nước Đức» phải gạt sang một bên. Quan-niệm đó cũng kéo theo luôn cả quan-niệm một Tây Bá-linh với một quy chế độc lập và những liên-hệ của nó với Cộng-hòa Liên-bang Đức.

Chính sách đó đem ra thi hành sẽ đưa đến một cuộc hòa dịu Đông Tây. Đó lại là điều không phù hợp với quan-niệm của Ulbricht.

Từ lâu, Ulbricht vẫn muốn giao hảo với nhiều nước Tây Âu, nhất là Pháp và muốn được các nước này thừa nhận Cộng-hòa Dân-chủ Đức (Đông Đức). Riêng đối với vấn đề nước Đức, thì thái độ của ông cứng rắn

hơn. Ông muốn rằng Cộng-hòa Dân-chủ Đức phải được Cộng-hòa Liên-bang Đức thừa nhận trên phương diện quốc-tế pháp trước khi hai bên đi đến điều đình với nhau. Đó là điều mà Cộng-hòa Liên-bang Đức không bao giờ chịu làm, kể cả dưới thời của ông W. Brandt.

Về vấn đề Bá-linh, Ulbricht cho rằng Tây Bá-linh chỉ là «căn cứ của bọn Phát-xít-mới và đế-quốc để thi-hành chính sách xâm lăng của chúng» và là một đe dọa không thể tha thứ được đối với Cộng-hòa Dân-chủ Đức. Đó là lập trường bất di bất dịch của ông từ 10 năm qua. Và có lẽ cũng vì lập trường quá cứng rắn đó mà Ulbricht đã phải ra đi. Ba tháng trước khi từ chức, Ulbricht còn nhắc lại lập trường đó trong một phiên họp của Ban Chấp-hành Trung-ương đảng Xã-hội Thống-nhất SED ngày 29-1-1971. Lập trường của ông về vấn đề Tây Bá-linh là một cản trở cho những cuộc thương thuyết đang mở ra giữa tứ cường để hy vọng đi đến một thỏa-hiệp. Thỏa-hiệp đó mới đạt tới được vào tháng 9-71 trái ngược với lập-trường của Ulbricht.

Như vậy ta phải đi đến nhận định là Mạc-tư-khoa đã áp-lực để cho Ulbricht thay đổi lập trường trong kỳ Đại-hội đảng Cộng-sản Liên-xô lần thứ 24, từ 30-3 đến 9-4-1971. Nhưng Ulbricht đã không chịu. Trong khi đó chính sách mới của Nga-Sô bắt buộc các nhà lãnh đạo điện Cẩm-linh phải chấp nhận cuộc đối thoại với W. Brandt, rồi từ đó đi đến chỗ thăm dò khối

Thị-trường chung Âu-châu để xét xem khả năng hợp tác giữa 2 khối có thể đi đến đâu. Trong hoàn cảnh đó, các nhà lãnh đạo Sô-viét không thể cứ chấp nhận mãi lập trường cứng rắn của Ulbricht nên phải tìm cách đưa người khác lên thay ông để cho phù hợp với chính-sách mới của mình.

Do đó mà Honecker đã lên thay thế Ulbricht trong vai trò Đệ-nhất Bí-thư của đảng Xã-hội Thống - nhất SED Đông-Đức.

Việc làm đầu tiên của Honecker là tuyên bố trong kỳ Đại-hội thứ 8 của đảng SED họp vào giữa tháng 6-1971, nối chặt quan hệ với Liên-xô, theo đúng đường lối của Liên-xô và hoàn toàn hậu thuẫn chính sách hòa bình của Liên-xô (Friedenspolitik) đưa đến cuộc hòa giải giữa Đông và Tây. Honecker cũng theo đúng chính-sách của Liên-xô đối với Trung-Cộng. Đối với các nước Cộng-sản Đông Âu khác, Honecker chủ trương xiết chặt mối giây liên-hệ sẵn có. Trong phiên họp thứ 25 của tổ chức hợp tác kinh tế Comecon vào tháng 7 - 1971, tại Bucarest, Thủ-tướng Willi Stoph, đại diện Đông Đức tuyên bố sẵn sàng đóng vai trò điều hợp các kế-hoạch dài hạn của các quốc-gia hội-viên trong lịch trình 1971-1975. Trong kế hoạch ngũ niên được Đại-hội đảng SED thông qua vào tháng 12-71, việc thương mại với khối Comecon sẽ gia tăng từ 72 đến 75% của tổng số thương-vụ Đông Đức. Trong số 63 tỉ mã-khắc thương vụ trừ liệu cho năm 1975 thì 47 tỉ sẽ dành cho khối Comecon, chỉ

có 16 tỉ dành cho các nước phương Tây và các nước chậm tiến khác. Như vậy là trong vòng 5 năm, việc thương mại với Liên-xô và các nước Cộng-sản Đông Âu sẽ tăng 75% trong khi việc thương mại với các nước khác chỉ tăng 42%.

Nhưng quan trọng nhất trong việc theo đường lối của Liên-xô, có lẽ là việc Honecker đã thay đổi lập trường đối với vấn đề «Đức-quốc».

Thực ra, đối với Tây Đức, Honecker đã theo một đường lối có 2 khía cạnh khác nhau: Một mặt, trên phương diện ý-thức-hệ, Honecker vẫn giữ nguyên lập trường của Ulbricht, luôn luôn coi chính phủ Bonn như là tay sai của đế-quốc, kẻ thù của giai-cấp. Ông coi ông W. Brandt và đảng Xã-hội của ông (SPD) trong Liên-minh Xã-hội — Tự-do (SPD - FDP) còn nguy hiểm hơn là phe bảo-thủ trong Liên-minh Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo và Xã-hội Thiên-Chúa giáo (CDU - CSU) của các ông Kiessinger và Strauss. Từ xưa đến giờ đảng SED (Cộng-sản) vẫn coi đảng SPD (Xã-hội đệ-nhi quốc-tể) như là một kẻ thù nghịch với đảng này luôn luôn chống đối độc-tài và đường lối Staline. Nay đảng Xã-hội lên cầm quyền ở Tây Đức không khác nào như một cái gai bên cạnh sườn của đảng Cộng-sản Đông Đức SED.

Nhưng một mặt khác, Honecker cũng lại ủng hộ đường lối hòa giải Đông Tây của Liên-xô, hoặc vì quyền lợi của Đông Đức, hoặc vì áp lực của Mạc-tư-khoa hoặc vì cả hai. Đi theo

đường lối của Liên-xô thì tất nhiên phải mềm dẻo lập trường đối với Tây Đức và nhất là đối với công cuộc vận động hòa bình của ông W. Brandt.

Vì thế cho nên ta không lấy gì làm lạ thấy Honecker khi đặt vấn đề thừa nhận Đông Đức và chấp nhận Đông Đức vào Liên-Hiệp-Quốc đã từ bỏ điều-kiện căn bản của Ulbricht là buộc Tây Đức phải thừa nhận Đông Đức đã rồi mới có đối thoại.

Đặc biệt hơn nữa, về vấn đề Bá-linh ông cũng đã gạt bỏ lập trường cố hữu của Ulbricht và lần đầu tiên sẵn sàng cho Tây Bá-linh được hưởng một quy chế chính trị đặc biệt. Sự thay đổi lập trường căn bản đó tiếp theo những cuộc thương thuyết giữa Nga-sô và Tây Đức để đi đến việc ký kết một hiệp-ước bất tương xâm cùng những cuộc thương-thuyết giữa tứ cường Anh, Mỹ, Nga, Pháp để đi đến một sự thỏa thuận về quy-chế Bá-linh, đã mở cửa cho những cuộc đàm thoại chính thức đầu tiên giữa Đông và Tây Đức. Ví dụ như trong mùa hạ 1971, Đông Đức đã chuẩn bị để hợp tác với Tây Đức trên một vài lãnh vực đặc biệt : như vấn đề bảo vệ an ninh khu vực hành-lang, vấn đề mở thêm những đường vượt biên, vấn đề cải thiện tình trạng du-lịch và hỏa-xa giữa hai miền. Ngay sau khi Tứ Cường đạt được thỏa hiệp, bên phe Đức tiếp tục thương thuyết để đi đến mấy thỏa-hiệp sau :

— Thỏa-hiệp giữa Đông và Tây Đức để cho người và hàng hóa dễ dàng đi lại giữa 2 miền :

— Thỏa hiệp giữa Đông Đức và Tây Bá-linh để làm cho việc qua lại giữa Tây Bá-linh và Đông Đức được dễ dàng hơn.

— Thỏa hiệp giữa Đông Đức và Tây Bá-linh để hoán đổi đất đai, giải quyết những khu vực tắc nghẽn (enclaves).

Lập trường hai mặt đó của Honecker lúc đầu xem ra có vẻ mâu thuẫn khó có thể dung hòa được. Nhưng suy xét kỹ, thì chủ nghĩa Mác-Lê cũng đã được dệt bằng những mâu thuẫn đó, mà rồi sau cũng được giải thích êm ru. Ví dụ, về vấn đề « sống chung hòa bình » từ khi Lénine đưa ra đã trải qua 3 lần định-nghĩa khác nhau: Trước hết người ta coi nó như một hình thức của cuộc đấu tranh giai cấp. Rồi người ta lại coi nó như là một sự tiếp tục chiến đấu không phải bằng đường lối quân sự với đế-quốc chủ-nghĩa. Sau cùng người ta coi nó là một cố gắng tích cực để tiến tới hợp tác giữa các chế-độ chính-trị khác nhau.

Thành ra trong bất cứ trường hợp nào, người ta vẫn cứ có thể dùng chữ « sống chung hòa bình » mà không sợ đi sai lạc với chủ nghĩa Mác-Lê. Và ai theo đường lối sống chung hòa bình cũng vẫn có thể nói là đệ-tử của Marx và Lénine. Trong trường hợp Đông Đức hiện tại, đảng SED vẫn có thể dễ dàng phối hợp hai ý-thức « đấu tranh giai cấp » và « hợp tác Đông Tây ».

Một câu hỏi được đặt ra : Một sự thay đổi lãnh tụ và lập trường quan

trọng như vậy không gây ra một phản ứng nào trong đảng SED là đảng cầm quyền ở Đông Đức sao? Thực ra bên ngoài người ta không thấy có một phản ứng nào rõ rệt cả, nhất là cuộc thay đổi này lại có bàn tay đảng Cộng-sản Nga ở trong. Honecker là lãnh tụ được Cộng-sản Nga tín nhiệm nhất nên việc lên thay thế Ulbricht đã được bố trí chu đáo trong kỳ Đại-hội đảng SED lần thứ 8 khiến cho bên ngoài việc Ulbricht ra đi chỉ là một việc rất tự nhiên, vì tuổi tác chứ không phải vì mâu thuẫn nội bộ. Vì thế mà Ulbricht vẫn còn giữ một vai trò tượng trưng: vai trò Chủ-tịch Nhà-nước. Thực ra, ở bên trong, người ta thấy rõ, ngay từ thời Ulbricht, có một sự chống đối giữa 3 phe trong đảng SED: Phe cải-cách gồm các kỹ-thuật-gia (technocrates), phe cứng rắn bảo-thủ gồm những người giáo-điều (dogmatistes) và phe ở giữa gồm những chính-trị-gia thực-tiến (pragmatiques). Việc Ulbricht ra đi chắc chắn không làm cho sự kình chống đó tan biến. Nhưng có lẽ giữa 3 phe đã có một sự thỏa-thuận ngầm để cho đảng SED thoát khỏi một cơn khủng hoảng. Erich Honecker là một chính-trị-gia chuyên nghiệp. Ông được tiếng là có tài tổ chức ngay từ khi ông lãnh-đạo phong trào Thanh-niên Tự-do Đức (1946-1955), một tổ chức thanh-niên Cộng-sản Đông Đức. Sau đó ông được bầu vào Trung-Ương đảng SED phụ trách về an ninh. Ông nổi danh là người đã giữ được sự thuần nhất (dù là mong manh) trong đảng SED và làm cho

đảng này khỏi «nhiễm» những ảnh hưởng từ bên ngoài (Tiệp-khắc, Ba-lan, Hung). Nay lên kế nghiệp chắc ông phải tiếp tục sứ-mạng đó.

Trước kia, Honecker vì nhu cầu hoàn cảnh phải ngả theo phe cứng rắn, mặc dầu ông là một người thực tiến. Với chủ trương tiến bộ kinh tế và theo đường lối hòa giải Đông Tây của Nga chắc chắn ông phải liên kết với phe ở giữa mà đại diện là Thủ-tướng Willi Stoph và phe kỹ-thuật trong một tập-thể lãnh đạo.

Muốn cho sự lãnh đạo của đảng SED được vững mạnh hơn, ông phải đề cao ở trong nội bộ sự chống đối lại với Tây Đức, tăng cường giáo dục ý-thức-hệ đối với thanh niên học đường. Nhưng đồng thời về phương diện kinh tế, giới lãnh đạo Đông Đức cũng phải cố làm cho bớt cách biệt trong đời sống giữa Đông và Tây-Đức khiến người dân Đông-Đức khỏi có cảm giác như một người bà con nghèo đối với người dân Tây-Đức. Vì thế mà kỳ Đại-hội lần thứ 8, đảng SED đã quyết định đề ra một kế hoạch ngũ niên mà mục tiêu chính là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Đông-Đức. Cụ thể là đến hết 1975 sẽ có thêm 500.000 phòng ốc mới khiến cho đời sống được tươi đẹp hơn.

Để củng cố vai trò lãnh đạo của mình, Honecker đã tự mình chọn các « Bí-thư Tỉnh-ủy » của 17 tỉnh Đông-Đức trong số những thanh-niên trên dưới 40 tuổi vừa có lý-tưởng cao, vừa thực tiến và vừa có khả năng tổ chức.

Bộ Chính trị gồm có 16 Ủy-viên toàn là những đảng viên kỳ cựu cốt để giữ cho đường lối đảng được vững chắc trong cuộc tranh đấu với Tây-Đức trên một trận thế gồm 2 mặt như chúng ta đã từng nói ở trên. Bộ này cũng gồm toàn những người khoảng 40 tuổi, có tài về tổ chức hơn là về kinh tế.

Địch thủ chính yếu của Honecker từ nhiều năm nay là Willi Stoph, Thủ-tướng Đông-Đức, một chuyên viên về các vấn đề kinh-tế. Một người nữa cũng có thể là địch thủ của Honecker là Guenter Mittag, người đã điều khiển cuộc cải cách kinh tế dưới thời Ulbricht. Nếu có xung đột chắc Willi Stoph sẽ đi với Guenter Mittag. Ngoài ra còn có Paul Verner, người được cử vào chức vụ Ủy-viên an-ninh của Honecker trước kia, chắc sẽ đứng về phe Honecker.

Nhưng cho tới nay thì Honecker vẫn nắm vững tình thế, kiểm soát chặt chẽ được cả trong lẫn ngoài Đảng. Do tài vận động khéo léo của ông mà ông vẫn giữ được hòa khí giữa các phe và được Nga-sô và các nước Cộng-sản Đông-Âu khác ủng hộ.

Về phương diện đối ngoại, ông sẽ theo đường lối của Nga: tăng cường quan-hệ kinh-tế với các nước trong khối Comecon, ủng hộ lập trường của Sô-viét trong cuộc tranh chấp ý-thức-hệ Nga-Hoa và trong cuộc chiến tranh ở Đông-Dương và ở Trung Đông.

Đối với Cộng-hòa Liên-bang Đức, tuy vẫn chống đối về phương diện ý-

thức-hệ nhưng mềm dẻo hơn trong vấn đề hợp tác giữa 2 miền, theo quan điểm của Nga.

Đối với các nước Tây-phương, cố tranh thủ sự thừa nhận của các nước này với những hứa hẹn hợp tác kinh tế, đồng thời cũng cố tranh thủ sự gia nhập một số tổ-chức quốc-tế như Tổ-chức Văn-hóa quốc-tế (UNESCO), tổ chức Y-tế quốc-tế (WHO) và vận động triệu tập một hội-ng nghị về an-ninh Âu-châu trong đó có sự tham gia của cả 2 nước Đức.

Honecker lên cầm quyền đã được một năm và trong đó đã thực hiện được phần lớn những mục tiêu mà Nga-sô nhằm tới. Với Honecker, Nga-sô có thể yên trí thi hành được chính sách hòa hợp Đông-Tây. W. Brandt có thể còn đạt được nhiều kết quả nữa trên lãnh vực hợp tác giữa 2 miền nước Đức. Nhưng từ đó đi đến kết luận là có thể trong một thời gian nữa tiến tới thống nhất nước Đức thì thực là một nhận định quá lạc quan và sai lầm. Nước Đức chỉ có thể thống nhất được khi nào không còn 2 chế độ xã-hội đối nghịch nhau như nước với lửa. Sự thống nhất đó chưa chắc những nước xung quanh đã mong muốn vì một nước Đức thống nhất nghiêng về phía nào sẽ là một hiểm họa ghê gớm cho phía bên kia. Nhưng với sự hợp tác và hòa hoãn giữa hai miền, một kỷ-nguyên chung sống hòa bình sẽ mở ra ở bên trời Tây và biết đâu không là một tấm gương cho những nước chia đôi khác.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà. ho khan
ho từng cơn
ho ra đờm
đỏ mắt. sưng
sưng họng phổi

, BẮN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Léonid Brejnev

một vô sản trưởng-giả-hóa

Tuy lên nắm chính quyền vào tháng 10.1964 để thay thế Nikita Krouchtchev trong chức vụ Đệ-nhất Bí-thư đảng Cộng sản Nga nhân vật Brejnev đã luôn luôn chìm sâu trong bóng tối, ít báo chí và dư luận nhắc tới. Vào tháng 1-1970 người ta đã bắt đầu chú ý tới Brejnev như là một ngôi sao đang lên. Thật vậy, những bài diễn-văn của ông được tập trung lại thành một cuốn sách in và phổ biến tại Bảo-gia-lợi. Vài tháng sau, một luận-thuyết của ông gồm có hai thiên với nhan đề là "Bàn về Lê-nin" cũng được phát hành ngay trên đất Nga. Năm 1971, Brejnev xuất hiện trước Đại-hội Cộng đảng Nga kỷ thứ 24 như một Đảng-trưởng đầy thế lực và uy quyền. Và vào tháng 5-1972 Brejnev đã đón tiếp Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon với địa vị một chủ nhân thực sự của Điện Kremlin.

Cuộc đời của Brejnev là cuộc đời bình thản không sóng gió. Ông đã leo thang danh vọng từng bước một, thận trọng và kiên nhẫn. Dưới quyền lãnh-đạo của ông, Nga-sô đã có một bộ mặt mới, hòa hoãn hơn và trưởng

già hơn. Thật vậy, nếu Brejnev luôn luôn là một nông dân cần cù, là một chính-trị-gia điềm tĩnh và một người vô-sản ưa cuộc sống trưởng giả, thì nước Nga-sô-viết của ông cũng đang dần dần trở thành một phản ảnh của cá-nhân ông.

Một nông dân cần cù

Leonid Ilyich Brejnev sinh ngày 19-12-1906 tại tỉnh Dnieprodzerzhinsk thuộc xứ Ukraine màu mỡ. Gia-đình Leonid thuộc giai-cấp nông-dân chân lấm tay bùn. Đã vậy Leonid lại đông anh em nên khi còn nhỏ ông đã phải giúp đỡ cha mẹ, làm việc nhà, quét tước, săn sóc heo, gà. Khi lớn chút nữa, Léonid đã theo chân mấy anh vào giúp việc tại một xí-nghiệp luyện kim. Léonid sinh ra đời một năm sau cuộc Cách-mạng vô-sản 1905 bị Nga-hoàng Nicolas II dập tắt, nên cho tới năm 1917 khi cuộc Cách-mạng thứ hai thành công, đời cậu hầu như không có triển-vọng thay đổi. Như những đứa trẻ nông dân khác, Léonid sáng đi làm ở xưởng máy chiều về làm việc chăn nuôi giúp mẹ, xay lúa giã gạo. Cuộc sống của cậu lặng lẽ trôi qua không

có gì mới lạ. Như những đứa trẻ cùng cảnh ngộ, Léonid đã run sợ trước những mùa nắng hạn hán vì viễn tượng mất mùa, đói rách luôn luôn là một ám ảnh của người dân cây hồi đó. Léonid đã từng biết cái cảnh đông lạnh tuyết rơi, những ngày giá buốt mà mấy anh em Léonid không có giấy phải cuộn vải vào chân để lộn bùn. Hay là những buổi sáng mấy anh em bụng đói vừa đi vừa ôm lưng nhau cho đỡ lạnh trên con đường tới xưởng máy mù mịt sương rơi.

Tháng 11-1917 Cách mạng bùng nổ, chế độ Sa hoàng sụp đổ, một chế độ Cộng sản do Lénine lãnh đạo được thành lập. Nhưng trong giai đoạn đầu được gọi là "giai đoạn Cộng sản chiến tranh" (Communisme de guerre), chính thể Cộng sản đã huy động mọi tài nguyên, trưng dụng hết lúa gạo nông thôn để tiếp tế cho thành thị, đời người nông dân Nga còn cơ cực hơn là dưới chế độ Nga hoàng. Từng đoàn thợ thuyền, cán bộ tiên phong được chính phủ Mạc-tư-khoa gửi đi tới khắp các vùng thôn quê để tịch thu lúa gạo, heo, vịt, gà... Léonid cũng đã cùng với cha mẹ và các anh em chôn giấu thực phẩm, mò trộm gà heo để khỏi bị tịch thu. Vì vậy mà lúc tuổi xanh Léonid đã thù oán chính thể Cộng sản không kém các người nông dân Nga khác.

Nhưng khi chính thể Cộng sản được ổn định, Lénine vì muốn lấy lòng nông dân nên đã phải sửa sai và áp dụng một chính sách gọi là "tân chính

sách kinh tế" (NEP). Dưới thời đại «Tân chính sách kinh tế», dân quê đỡ bị bạc đãi hơn. Họ được quyền giữ một phần hoa lợi sản xuất để tiêu thụ. Để dập tắt mầm chống đối của nông dân, chính phủ Mạc-tư-Khoa còn đưa thanh thiếu niên từ các vùng quê lên tỉnh học. Léonid cũng được đưa vào một trường thương mại ở tỉnh Kursk để theo học vào dịp này.

Lần đầu tiên được đi khỏi làng, cặp mắt của Léonid bắt đầu mở rộng và cậu hướng về tương lai với một cái nhìn mới mẻ hơn. Năm 1921, khi Léonid được 15 tuổi thì cậu tốt nghiệp trường thương mại và bắt đầu đi làm như một công nhân thực thụ để phục vụ Đảng. Trong 10 năm trời người ta thấy Brejnev làm đủ nghề. Khi thì làm đặc điền, đi đo đất vẽ đường. Khi thì giúp việc tại một xưởng máy. Khi thì đóng vai một viên đốc học đạo mạo và mô phạm.

Sau một thời gian thử thách khá lâu Léonid Brejnev được thính thức gia nhập đảng Cộng-sản vào năm 1931 khi ông được 25 tuổi. Tuy được làm đảng viên, Brejnev vẫn cố gắng học thêm. Trong 4 năm liền, người ta thấy ông học ngành kỹ sư luyện kim. Vì có tánh nết chăm chỉ cần cù của một nông dân, Brejnev tận tụy làm việc và được thưởng cấp luôn luôn quý mến. Tuy vậy Brejnev vẫn hoạt động trong các chức vụ tối tăm không ai biết tới. Cũng chỉ vì ở một địa vị tối tăm mà Brejnev đã thoát được các cuộc thanh trừng đẫm máu do Staline tổ chức vào các năm 1936, 1937 và 1938.

Trong các cuộc thanh trừng này, lần lượt các người bạn đồng hành của Lénine như Kamenev, Zinoviev, Radek, Thống-Chế Toukhatchevski, Boukharine lần lượt bị Staline hành quyết. Hàng ngàn đảng viên cao cấp bị thanh toán để lại một khoảng trống lớn rộng trong đảng. Brejnev và Kossyguine là những người đã được Staline chỉ định để lấp khoảng trống này.

Năm 1941 khi Đức Quốc-xã tấn công Nga, Brejnev được cử làm sĩ quan chính-huấn ở vùng Ukraine để phổ biến tư tưởng Mác-xít trong quân đội. Được giao công-tác nào Brejnev cũng thi hành với sự cần cù của nông dân nên khi chiến tranh chấm dứt ông được phong làm Thiếu-tướng và đoạt được rất nhiều huy chương.

Một chính-trị-gia điềm tĩnh

Năm 1945, Đức đầu hàng, Brejnev trở về với cuộc sống dân sự. Ông được Staline gửi tới vùng Moldavie vừa chiếm được của Lỗ-ma-ni để luyện cho nông dân vùng này quen sống với chế-độ tập-thể. Sau khi hoàn tất nhiệm vụ, Brejnev được Staline triệu về Mạc-tư-khoa và được cử làm Ủy-viên dự khuyết của Chủ-tọa-đoàn (Presidium) đảng Cộng sản Nga, và đồng thời làm Bí-thư của Ủy-ban Trung-ương Đảng.

Năm sau Staline qua đời, việc nối nghiệp Staline đã mở màn cho một cuộc tranh chấp quyền hành trầm trọng. Bériia bị hạ sát, nhưng Brejnev chỉ là một kỹ thuật gia không phe cánh

nên vẫn giữ được nguyên địa vị. Khi Krouchtchev loại Malenkov thì Brejnev lại được hết sức ưu đãi vì Krouchtchev cũng gốc ở vùng Ukraine và cũng xuất thân từ một gia đình nông dân như Brejnev. Brejnev được cử làm Ủy viên thực thụ của Chủ-tọa-đoàn. Lúc cầm quyền Krouchtchev nuôi mộng vĩ đại là khăn hoang ruộng đất, đưa canh nông lên hàng ưu tiên hơn kỹ nghệ nên Krouchtchev đã nghĩ ngay tới Brejnev để trao cho trách nhiệm điều khiển chương trình này. Nhờ có Brejnev mà chương trình khăn hoang thành công, củng cố địa vị của Krouchtchev trước những chỉ trích của bọn "ăn thép". Bọn ăn thép tức là những người chủ trương kỹ-nghệ-hóa bằng bất cứ giá nào dù phải hy sinh cả ngành canh nông.

Cảm cái ơn này Krouchtchev đưa Brejnev lên làm Chủ-tịch Nga-sô thay thế Thống chế Vorochilov. Vì Krouchtchev kiêm nhiệm cả chức vụ Đệ nhất Bí thư đảng lẫn chức vụ Thủ-tướng nên ông là nhân vật số 1 của Nga-sô, và Brejnev là nhân vật số hai. Nhưng lúc nào người ta cũng thấy Brejnev khiêm tốn kín đáo. Trong các năm 1954 — 1955 người ta luôn luôn thấy ông âm thầm đứng sau lưng cặp bài trùng B - K (tức là Boulganine và Krouchtchev). Trong khi tập đoàn B - K làm mưa làm gió trên chính trường quốc nội và quốc ngoại, thì Brejnev vẫn kiên nhẫn nhận và hoàn tất các công tác được giao phó.

Nhưng khi Krouchtchev hoa mắt

vì những thành công của mình đã tung ra những kế hoạch phát triển đại qui-mô như ý định đuổi kịp Hoa-kỳ vào năm 1970 và vượt Hoa-kỳ vào năm 1980, thì Brejnev bắt đầu ngấm ngầm xa lánh Krouchtchev. Vì vậy mà vào tháng 10-1964 khi Krouchtchev bị hạ-bệ thì chính Brejnev đã là người lãnh đạo phe nổi loạn.

Và từ đó ông nắm chức Đệ-nhất Bí-thư đảng Cộng-sản Nga thay Krouchtchev và chia sẻ quyền hành với Alexis Kossyguine trong chức vụ Thủ-tướng. Trong hai năm kế tiếp cặp bài trùng B-K lại được thành lập trở lại nhưng lần này B là Brejnev và K là Kossyguine. Lợi dụng địa-vị mới đầy uy quyền, Brejnev đã loại dần những đối thủ, nhưng lần này các đảng viên bị loại chỉ phải hạ từng công tác hay cho về hưu trí chứ không bị tàn sát như thời Staline. Năm 1966 địa vị của Brejnev trong Đảng đã vững khiến ông tự cho mình danh hiệu Tổng-thư-ký đảng thay vì là Đệ-nhất Bí-thư. Từ trước tới giờ chỉ có Staline mới được nắm chức-vụ Tổng-thư-ký. Tới tháng 3-1972 trước đại hội kỳ thứ 24 của Cộng đảng Nga người ta thấy Brejnev đã nổi bật lên hẳn. Các bài diễn-văn của ông tuy buồn ngủ nhưng vẫn được truyền hình và truyền thanh trên khắp Đông Âu. Và tại Đại hội kỳ 24 người ta cũng hạ Kossyguine xuống hàng thứ 3 sau Chủ tịch Podgorny.

Như vậy ông Brejnev đã không kèn không trống nắm địa vị quan trọng nhất trong Nhà nước Nga-sô

hiện nay. Ông là một chính-trị-gia điềm tĩnh nhưng người ta vẫn thấy ông có những quyết định mạnh bạo mỗi khi uy quyền của Liên bang Xô-viết bị đe dọa. Năm 1968 ông đã không ngần ngại đưa quân tràn vào Tiệp-khắc để phá vỡ mưu toan dân-chủ-hóa của Dubeck. Trước đại hội các đảng Cộng-sản thế giới vào năm 1969 Ông cũng đưa ra chủ thuyết "chủ quyền giới hạn" của các nước chư hầu để bảo đảm quyền lãnh đạo của Nga-sô.

Đối với phe Tây-phương ông đã tỏ ra hết sức mềm dẻo để tránh một cuộc đụng độ võ trang. Chính ông đã đưa ra sáng kiến mời Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon sang viếng thăm Nga. Tuy Mỹ tái oanh tạc Bắc-Việt và thả mìn phong tỏa nước này 3 tuần lễ trước khi ông Nixon lên đường Nga du, nhưng ông Brejnev vẫn nhất định gặp Tổng-thống Mỹ để tìm cách làm hòa dịu bang giao Đông-Tây. Dưới quyền lãnh đạo của ông, Nga và Tây-Đức đã đi tới một hiệp-ước hợp tác và bất tương xâm chấm dứt một tình trạng thù hận bắt nguồn từ năm 1948. Brejnev còn muốn đi xa hơn thế nữa vì hiện thời ông đang hoạt động mạnh mẽ để đi tới một thỏa-ước bất tương xâm giữa hai Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương và Varsovie.

Đối với Trung Cộng, lập trường của Brejnev lại hết sức tế nhị. Ngay sau khi lên cầm quyền thay thế Krouchtchev, Brejnev đã ra lệnh cho các đài phát thanh và báo chí ngưng đả kích Bắc-kinh. Nhưng chỉ 3 tháng

sau Trung Cộng thấy rằng chính sách của Brejnev chỉ là một chính sách «Krouchtchev-không-Krouchtchev» mà thôi nên họ lại bắt đầu đả kích Nga trở lại. Với Brejnev Nga sẽ càng ngày càng trở thành một địch thủ của Trung Cộng chỉ vì Nga đã quagia đoạn bấp bênh để bước vào một giai đoạn ổn định khiến người ta có thể nghĩ tới việc tạo hạnh phúc vật chất cho dân chúng mà bớt bỏ một phần nào việc xây dựng «thiên đường Cộng sản». Nhưng chính vì vậy mà Trung Cộng tố cáo Brejnev là «xét lại», là trường-giả-hóa.

Một vô-sản trường-giả-hóa.

Nếu Lénine là một lý thuyết gia Mac-xít đã có công trong việc thực hiện Cách-mạng và nếu Staline là một nhà cách mạng có công trong việc củng cố chế độ Cộng-sản ở Nga thì Brejnev, trái lại, chỉ là một người quản trị di sản của Lénine và Staline. Vì không tham gia Cách-mạng 1917 và cũng không có một căn bản lý-thuyết vững chắc, Brejnev chỉ coi Chủ-nghĩa Cộng-sản như một phương tiện phát triển quốc gia mau lẹ mà thôi. Thực sự thì ông không tin tưởng vào định-luật lịch-sử của Marx theo đó mỗi xã hội phải tiến tới chủ nghĩa Cộng-sản. Ngoài ra lại là một người xuất thân từ nông dân, ông đã trải qua những cảnh cực khổ cơ hàn nên ông muốn cho người dân Nga, vào hậu bán thế-kỷ thứ 20, được hưởng một cuộc sống vật chất đầy đủ hơn trước. Muốn như vậy Nga chỉ

có cách là bắt tay với Mỹ để giảm bớt cuộc chạy đua vũ khí, lấy tiền đầu tư kinh tế.

Trước kia Krouchtchev đã có những ý-nghĩ này. Nhưng Krouchtchev đã tổ quá mạnh trong khi Nga chưa có đủ thực lực để nói mạnh. Vì vậy mà trong vụ hỏa tiễn ở Cuba vào tháng 10-1963 Krouchtchev đã bị thảm bại một cách nhục nhã trước thái độ quyết liệt của Kennedy. Biết như vậy nên Brejnev cố gắng tránh sai lầm của Krouchtchev. Trước khi muốn thương thuyết bình đẳng với Mỹ, ông đã cố gắng tạo cho Nga một lực lượng quân sự ngang với Mỹ. Ngày nay mục-tiêu này đã đạt được, Brejnev đã có tiếng nói đủ mạnh để đòi Mỹ ký một hiệp ước giới hạn vũ khí chiến lược.

Riêng cá nhân ông, Brejnev cũng sống một cuộc đời hết sức trường giả. Những kỷ niệm thiếu thốn thời niên thiếu đã khiến cho ông khao khát một cuộc sống đầy đủ tiện nghi. Cuối năm ngoái, khi các lãnh tụ Nga chia nhau đi hoạt động ngoại-giao ở ngoại quốc, Brejnev đã chọn qua Paris để nếm mùi tư bản. Ông đã mang sang thủ đô Pháp những hành lý không có gì là vô-sản. Trong có 6 ngày ở Pháp ông đã thay tới gần hai chục bộ đồ, bộ nào cũng cắt khéo, đúng thời trang. Trước khi ra đi ông còn học nghi lễ để xử sự một cách đường bệ, uy nghi. Ông còn nhịn ăn để gầy bớt 8 ký cho thân hình đỡ sồ sề.

Tại Thủ-đô Mạc-tư-khoa, tuy trong các lễ-nghi chính thức bắt buộc ông phải dùng chiếc xe Zin của Nga chế

tạo, nhưng khi đi chơi, chiếc xe mà ông ưa thích nhất lại là chiếc Rolls Royce, quà của Nữ-hoàng Elisabeth. Tuy ông ở một căn nhà 6 phòng trong một công ốc dành cho các nhân vật cao cấp, nhưng vào cuối tuần ông vẫn tới nghỉ ngơi tại những biệt thự sang trọng ở bờ biển Hắc-hải. Đó là những căn nhà mà người Nga gọi là Datcha trong đó đầy đủ tiện nghi, hồ tắm, sân banh v.v..

Tuy có một cuộc sống sang trọng, tuy đứng hàng đầu trong nước, nhưng đời tư của Brejnev rất được ít người rõ. Người ta chỉ biết rằng ông sống cùng với vợ ông là bà Victoria và một cô con gái tên là Galina làm việc tại Viện Khảo-cứu Hoa-kỳ, học ở Mạc-tư-khoa và cậu Yuri tổng sự tại bộ Thương-mại. Bà Brejnev chỉ được mọi người biết đến trong cuộc viếng thăm Mạc-tư-khoa của Tổng-thống Nixon vì Bà đã phải tháp tùng Bà Nixon trong suốt thời gian 8 ngày.

Khi tiếp xúc với quan khách ngoại quốc, Brejnev tỏ ra hết sức lịch sự và có những câu chuyện dí dỏm. Năm 1970 khi ông bà Pompidou sang thăm Nga, Brejnev đã tâm sự với phu nhân Tổng-thống Pháp rằng ông, vì là con út, nên biết cách chiều chuộng đàn bà. Đối với quan khách phái nam, nhiều khi ông bỏ hẳn bộ mặt lạnh lùng hàng ngày để đùa cợt vui vẻ. Đầu năm 1971 khi Thủ-tướng Tây-Đức Willy Brandt sang gặp ông ở bờ biển Hắc-hải, Brejnev đã mời ông Brandt cởi áo làm việc cho thoải mái, và sau vài giờ hàn huyên sôi nổi hai ông lại thoát y này xuống hồ tắm bơi lội vầy vung. Đối với ông Nixon có lẽ Brejnev thấy thoải mái nhất vì cả hai đều có buổi thiếu thời nghèo túng, cùng là chính trị gia kiên nhẫn và tính toán nên khi gặp nhau hai người đi tới thỏa hiệp dễ dàng.

Nhưng nếp sống và tư tưởng của Brejnev không có nghĩa là ông chủ trương khôi phục quyền tự do cho dân Nga. Các văn và thi sĩ có tư

tưởng phóng khoáng vẫn tiếp tục bị truy tố và giam cầm. Các nhà sản xuất vẫn tiếp tục hoạt động trong một chế độ tập sản. Vì Brejnev coi rằng chỉ có chủ nghĩa Cộng sản mới bảo đảm nổi kỷ-luật cho người dân Nga. Ông theo Cộng sản nhưng không với tư cách một lý-thuyết-gia hay một nhà cách-mạng. Chủ nghĩa Cộng sản của ông được nhìn với nhãn quan của một kỹ-thuật-gia.

Điều mà Brejnev khác với các lãnh tụ khác là ông kín đáo tránh mọi khoe khoang. Khi ai xin ông nói về chính sách của ông thì ông vội vàng chữa : «Không có chính sách của tôi mà chỉ có chính sách của Đảng.» Khi các cộng sự viên nghị bộ quyết định ghi ngày sinh nhật của ông vào ngày 1-1 để cho cả thế giới ăn mừng thì ông đã vội ra lệnh sửa lại là 19-12 cho đúng. Sự khiêm nhượng này chính là yếu tố thành công của Brejnev.

oOo

Với Brejnev, Nga-sô ngày nay đã bỏ bộ mặt dữ dằn và hiểm hiểm. Ông không phải là một nhà trí thức, ông cũng không có tham vọng mở rộng cách mạng vô sản trên toàn thế giới mà chỉ mong muốn cải tạo xã hội Nga bằng những phương pháp kỹ thuật mới mẻ mà thôi. Cách mạng Cộng sản thành công không có ông, chính thể Cộng sản được thành lập không có ông. Ông chỉ là một người kế của một Lénine, một Staline. Đã là người thừa kế thì ông chỉ biết tiếp tục công cuộc của tiền nhân. Nhờ trí nhẫn nại và tính cẩn cù ông đã thành công. Nhưng một người như Brejnev có thể thành công ở bất cứ đâu và dưới bất cứ một chế độ nào. Nếu sinh trưởng ở Hoa-kỳ ông chắc chắn cũng đã trở thành một tay đại tư bản tự lập lấy sự nghiệp. Dù sao đi nữa thì với Brejnev khối Tây-phương cũng tìm được một người đối thoại hiểu biết vì vậy mà chính thể cộng sản của Brejnev trở thành nhân đạo hơn.

TU MINH

Trong tầm lửa đạn

C. QUÊ NHÀ

Thành phố thực sự đang lên cơn sốt. Triệu chứng thiếu gì. Nét mặt thất thần của hầu hết mọi người. Những tùm năm tùm ba trên hè phố. Dáng đi hối hả. Giọng nói thì thầm. Những tin tức chiến sự do đài BBC, đài Viễn đông Manila loan truyền được bàn đi tán lại, bồ khuyết bằng những mẩu tin địa phương nóng hổi. Súng chưa nổ. Địch còn ở xa lắm. Mãi tận phía bắc. Nhưng dân thành phố này đã hết hoảng rồi. Đi đâu cũng nghe bàn tán chuyện tản cư.

Buổi sáng thức dậy, ai nấy còn cười nói tự nhiên, rạng rỡ như ánh mặt trời ngày mới. Vừa mở cửa, đã thấy nhà bên cạnh lo chuyển hết đồ đạc lên xe vận tải. Chạy ra phố chính mua một tờ báo: hiệu sách đóng cửa. Từng dãy xe chở hàng loại mới lớn nối đuôi trước khu phố thương mại. Người ta chở đi hết, từ giường tủ bàn ghế cho đến cái son cái chổi. Sao lạ lùng thế này? Chạy đi hỏi thăm, chỉ được trả lời một cách mù mờ. Không hiểu tại sao. Chỉ thấy gia đình mấy ông lớn kéo nhau đi hết, rên dậm lo ra. Bà đại tá dưới tiếp vận đã lên máy bay chiều hôm qua. Gia đình ông làm ở Phụng hoàng vội vã xuống ca nô đi Nha trang ngay buổi tối. Người ta làm trong cơ quan tình báo, quân đội, người

ta biết rõ hết. Mình biết gì mà nói tỉnh. Bằng bất cứ giá nào, phải ra khỏi Qui nhơn trước mồng năm tháng năm.

Đến một lúc chuyện tản cư trở thành chân lý lộ lộ, không thể tránh được nữa. Buổi cơm trưa nặng nề hơn thường lệ. Có cái gì canh cánh bên lòng mọi người trong gia đình, nhưng không ai dám nói ra trước đề thẳng thắn bàn luận. Khi đứa em nhỏ đi thu tiền huê về cho biết cả gia đình ông Biên đã đóng kín cửa đi Saigon, tôi mới có dịp nói một lần cho xong:

— Tình hình có vẻ bất an dễ sợ. Mấy ông lớn, mấy anh ba Tàu dọn hết đồ đạc trong nhà ra đi, nghe đâu vì sắp cắt đất. Không hiểu sự thực ra làm sao. Nhà mình tính thế nào?

Ba tôi được dịp trút hết sự bức bối dồn nén mấy ngày nay. Ba tôi lớn tiếng kết án, đòi bắn bỏ bọn chủ bại. Bắn kẻ làm lớn trước, vì chính họ bỏ chạy trước mọi người. Má tôi phản đối một cách khéo léo, bằng cách kể lẽ tình cảnh những người dân bị kẹt lại ở Hoài Ân và Bồng Sơn. Không ai lo cho họ cả. Đàn bà con nít đành hứng chịu bom đạn của cả hai phe. Ba tôi đành hạ hỏa, tạm thời đồng ý nên di tản bớt những đàn bà con nít yếu ớt trong gia đình. Tôi e dè đề nghị:

— Họ đi nhiều quá nên con đâm lo. Tốt hơn hết ba má và lũ nhỏ nên lánh nạn vào Nha trang một thời gian :

Cả hai ông bà đều phản đối :

— Đi đâu ? Sống được chừng này tuổi là đủ rồi, còn sợ chết nữa hay sao mà đi. Hơn nữa, nhà của mình ở đây, bà con ở đây, chưa gì đã đành đoạn bỏ đi.

Tôi năn nỉ ba má nên lo xa một chút. Chỉ sợ địch tràn đến đột ngột, như ở mấy quận phía bắc, gia đình đông đúc quá không lo phương tiện kịp.

— Hôm qua người ta kể có một người mẹ mới sinh được đứa con một tháng ở Hoài Ân. Khi cộng sản đến, bà vội lấy mền bọc con lại mà chạy. Đến lúc nghĩ định cho con bú, giờ mền ra mới biết con đã rơi mất tự lúc nào. Nhiều trường hợp cha mẹ thất lạc con cái, hoặc ông già bà cả kẹt lại trong vùng bom đạn trong khi con cháu chạy thoát hết. Mình nên tự lo liệu trước.

Mỗi người góp một ý, nhưng lập trường ba má tôi vẫn hết sức vững chãi :

— Vào trong đó không nơi ăn chốn ở, nóng nực chật chội, đi đường xe cộ chen chúc nguy hiểm, tiền nong thiếu thốn... Thà ở nhà chết yên thân còn hơn đi chết ngoài đường ngoài sá.

Cuối cùng, cả nhà đồng ý nên cho nhà tôi và mấy cháu nhỏ đi trước vào Sài Gòn. Nhà tôi quên những lo sợ ban đầu, đòi ở lại chứ không chịu lánh nạn

một mình. Bấy giờ, ba má tôi lại cố gắng bi thảm hóa tình hình để nhà tôi yên lòng ra đi. Nhà tôi ngần ngừ, và chỉ quyết định dứt khoát lúc một trái đạn 82 ly rơi xuống phố Võ Tánh lúc 12 giờ trưa và hai trái khác rơi xuống chợ lúc 2 giờ chiều. Cùng trường hợp như nhà tôi, nhiều người khác đã mạnh dạn tản cư sau hai vụ pháo kích ban ngày ấy. Thế mới tai hại ! Vì không biết lo trước cái lo của thiên hạ, nên đi tìm phương tiện gì cũng kẹt cứng. Ngoài Hàng Không Việt Nam người ta bu đến quanh quây vé. Ở bến tàu, đàn bà con nít chen chúc nhau xuống ca nô. Người đông, ca nô nhỏ, sóng nhấp nhô như muốn nuốt gọn đám đông sợ hãi. Trên bến xe, cảnh giành giật một chỗ ngồi làm tôi chán ngán. Chiếc xe chở hành khách từ Nha trang chạy ra vừa vào sân, hành khách chưa kịp xuống, thì người ta đã chen lấn nhau lên xe chiếm chỗ. Tôi trở về, mô tả hết những điều tai nghe mắt thấy cho nhà tôi biết. Đó là cái cơ tốt để nhà tôi đòi ở lại, ngưng không chịu xếp soạn quần áo đồ đạc vào các thùng giấy. Cả nhà lại bàn bàn luận luận. Hai đứa trẻ vui mừng vì sắp được đi xa, cười nói huyên thiên. Con Tiên đòi mang con búp bê theo. Thằng Vũ đòi chở theo cái xe đạp ba bánh. Lại còn đòi mặc áo đẹp ngay từ bây giờ. Trong lúc đó nhà tôi rối trí không biết nên đi hay nên ở. Cho nên khi hai đứa trẻ đến hỏi từng chặp : Đi chưa mẹ ? Bao giờ đi mẹ ? nàng giận quá đánh cho cả hai đứa hai phát vào

mông đau điếng. Hai đứa nhỏ khóc vang nhà. Cả nhà tôi cũng khóc. Chưa gì, căn nhà ẩm cúng này đã trở thành địa ngục. Vừa may lúc ấy thím Tân qua rủ hùn nhau thuê một chiếc xe vận tải để chở một ít đồ đạc quý giá đi Saigon. Thím nói:

— Lỡ có chuyện gì mình còn bán lấy tiền ăn qua ngày. Mình thuê bao, đi lại tự do thung dung hơn.

Chúng tôi đồng ý. Giá xe hôm qua 100.000 nay đã lên 120.000. Gia đình tôi, thím Tân và mợ Bác chung nhau mỗi người góp 40.000 đồng. Tiền thuê khuôn vác của ai nấy lo. Chú Tân đã thuê sẵn một chiếc Ford mới, hẹn 4 giờ chiều đến cất hàng và khởi hành 6 giờ sáng hôm sau.

Vậy là yên lòng chuyện xe cộ. Chấm dứt một thảm kịch, nhưng lại bắt đầu một thảm kịch khác. Cả nhà lại bàn cãi ỏm tỏi về chuyện nên đem theo thứ gì bỏ lại thứ gì. Má tôi nghe lời thím Tân, bảo lấy mền bọc cẩn thận cái tivi và cái tủ lạnh chở đi Saigon. Ba tôi nhún vai hỏi:

— Vào trong đó ở nhờ nhà người ta, chỗ đâu mà đề?

Má tôi bí, nhưng cứ ng minh một cách thiết thực rằng nhà nào cũng chở tivi tủ lạnh đi theo, tất nhiên đa số có lý.

Nhà tôi lo xa, đòi chở đi đầy đủ dụng cụ bếp núc:

— Vào Saigon dù ở đâu cũng phải lo tự túc ăn uống. Nên sẵn xe, chở theo rề sô son chảo, chén bát, nước

mắm, dầu, muối, tiêu...

Ý kiến này được nhiều người tán thành, vì không thể đi ăn tiệm suốt thời gian tản cư. Còn bỏ iền mua hết mọi thứ lặt vặt, tốn vô ích. Mà những thứ lặt vặt ấy thật công kỉnh chứa ba thùng lớn vẫn chưa đủ.

Riêng ba tôi là người thức thời đề nghị chở theo cái máy may:

— Nếu có lỡ chia cắt thật, mẹ con nó có thể sống bằng nghề may mướn,

Câu nói của ba tôi bi thảm quá, khiến một lần nữa nhà tôi khóc ròng không chịu đi Saigon. Lại bàn bàn luận luận đề nhà tôi tiếp tục công việc. Từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều tôi bỏ hơi tai vì lo chạy đi chạy về mua thùng giấy giầy thép, xếp đặt, ràng buộc. Tuy hẹn bốn giờ, nhưng mãi năm giờ xe mới tới. Tài xế cho xe đậu sát mái hiên, bốn người phu khuôn vác ngồi sẵn chờ ngã giá mới khiêng đồ đặt lên. Trước khi đến đây, xe đã ghé nhà thím Tân. Nhìn vào lòng xe, tôi đâm bức bối. Thím tham lam quá. Tuy hùn thuê xe với hai nhà khác, đồ đạc của thím đã chiếm quá nửa xe rồi. Thím chở hết nào cái tủ đứng, cái tủ gương, hai cái giường sắt, cái cũi dưới bếp, bàn ăn, ghế xếp, cùng một lô thùng lớn nhỏ.. Tôi hỏi khéo:

— Thím đem nhiều đồ đạc quá, chắc có thuê sẵn nhà rộng trong Saigon rồi.

Thím làm thinh, gượng gạo giải thích:

— Còn rộng chán. Chưa được một nửa xe mà. Còn có thể chất trên trần nữa.

Nhà tôi hỏi :

— Đồ đạc choán hết rồi lũ nhỏ ngồi đâu ?

— Tại vậy. Thành ra tụi bay cho họ đưa thứ gì cũng kênh lên trần xe bớt đi. Như cái thùng này này.

Má tôi nóng ruột la lên :

— Í đâu được. Cái tủ lạnh cho lên trần dôi lên dôi xuống mộp hết.

Thím Tân chỉ vào cái thùng khác. Bây giờ đến lượt ba tôi phản đối :

— Cái tivi đó quăng lên trần, thà bỏ ở nhà còn hơn.

Cuối cùng, gia đình tôi chỉ cho phép chất mấy thùng đồ bếp lật vát lên trần. Tôi nhìn vào xe, e ngại thật sự. Đồ đạc của tôi và thím Tân chiếm gần hết xe, chỉ còn lổm một phần năm mà thôi. Thím Tân mau mắn nhảy lên ca bin, giục tài xế :

— Lái lại nhà đằng này nữa. Tôi ba chủ tất cả. Cháu lên nhà mợ Bác hẹn giờ mai đi luôn.

Tôi nghi việc mời mọc đó có lý do thầm kín riêng. Nỗi e ngại sự bất bình của mợ Bác chẳng hạn. Tôi đoán không sai. Xe vừa dừng trước cửa nhà, lũ trẻ con cậu mợ vỗ tay reo mừng hè nhau khiêng đồ đạc ra. Đồ đạc của mợ còn nhiều hơn cả thím Tân nữa. Khi nhìn vào xe, mặt mợ xịu lại. Mợ hỏi :

— Còn chỗ nào đâu mà chở ?

Thím Tân ú ớ :

— Còn rộng mà chị. Thứ gì kênh càng chị cho lên trần bớt đi.

Cậu mợ Bác cương quyết không nhận đồ đạc của mình thuộc loại kênh càng rẻ tiền đáng vát lên trần chịu mưa chịu nắng. Bất đồng ý kiến từ đó. Lời qua tiếng lại, giọng cãi cộ mỗi lúc một to hơn. Tài xế bóp còi giục. Phu khuân vác hối. Trong một lúc bốc đồng, mợ Bác dứt khoát :

— Thôi, nhà tôi không thuê chung nữa. Mấy người đi với nhau cho rộng. Thím Tân ngỡ ngàng không tin ở tai mình. Thím nấn ná, tìm cách giải thích để giảm bớt tình trạng căng thẳng nguy hiểm. Nhưng lúc người con cả của mợ Bác thuê một chiếc Daihatsu về đậu trước nhà, thì thím Tân biết mợ Bác đã dứt khoát rồi. Làm sao đây ? Tôi khiêu nại, bảo nếu chỉ chở từng ấy đồ đạc và ba người nữa mà chịu 60.000 là quá đắt. Thà mua vé máy bay chợ đen còn rẻ hơn. Thím Tân cũng bảo phần thím không kham nổi. Tài xế lại bóp còi giục. Phu khuân vác lại hối. Lần này, chính thím Tân quyết định trước :

— Thôi. Không thuê xe nữa. Hùm hạp cái gì cũng rắc rối hết. Bác tài, cho xe lại nhà đem đồ đạc xuống cho tôi.

Chủ xe ngỡ ngác chưa hiểu. Thím Tân chịu mất 10.000 đồng đặt cọc trước, và tiền trả cho phu phen đem đồ lên bỏ đồ xuống. Người ta chỉ chờ có thế, vì từ chiều đến tối, giá một

chuyển xe đã vọt lên 200.000 đồng.

Vụ chuyên chở ấy đã làm hao mất 10.000 đồng trong số tiền tản cư ít ỏi của tôi. 5000 chia bớt tiền đặt cọc thuê xe với thím Tân, và 5000 trả cho phu khuân vác. Nhà tôi phần sự hãi không thể đi được, phần bức bối vì mất tiền một cách vô duyên, phát như điên vào mộng hai đứa nhỏ háo hức đi xem Sài Gòn.

Tôi hôm ấy, cả nhà lại cùng nhau

khóc bù lu bù loa. Cuối cùng, không ai chịu đi nữa. Ai nấy lại vui cười, bỏ mặc chuyện thiên hạ. Chỉ có Tiên và Vũ là buồn héo hắt. Nhà tôi ôm hai con mà khóc, vỗ về đèn bù cho lũ nhỏ bằng hai châu đi ăn kem. Chúng hí hửng bằng lòng.

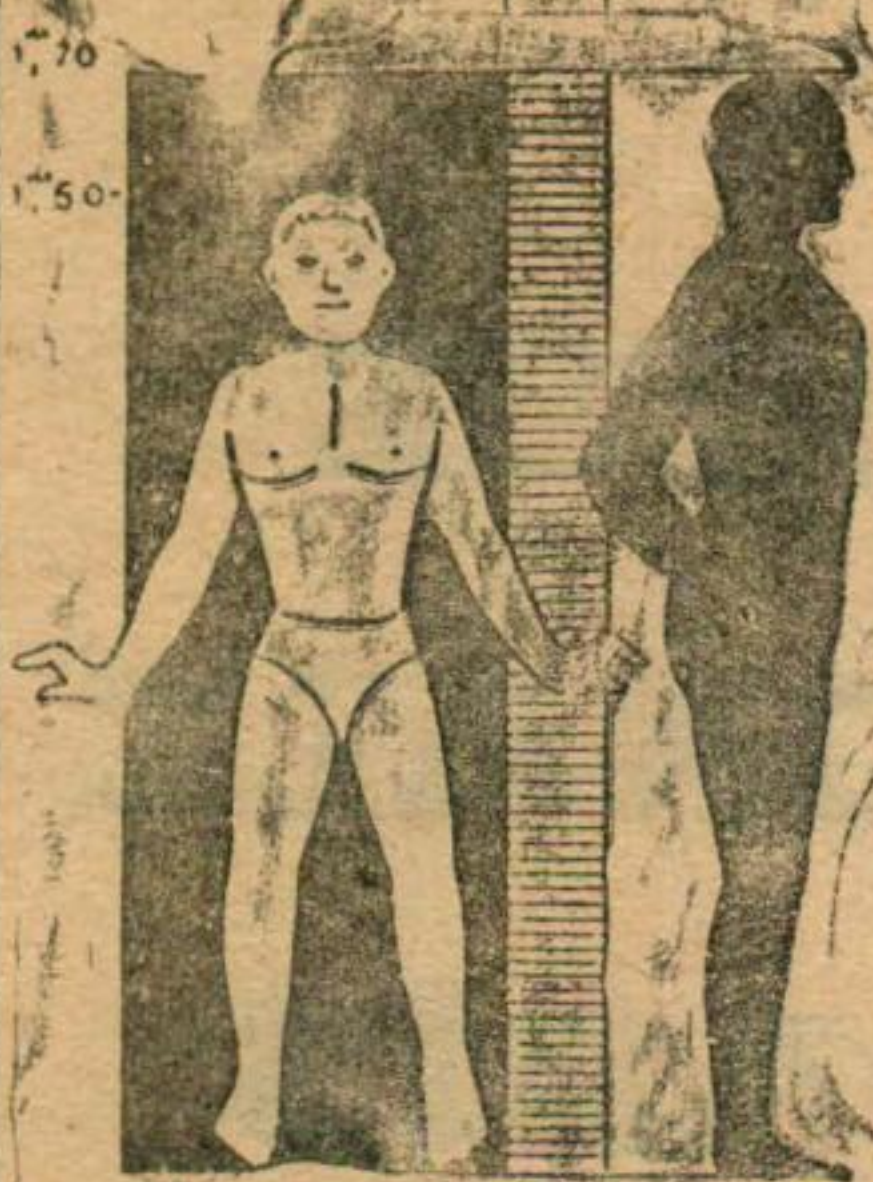
Nhưng tất cả các tiệm kem ngoài phố đã đóng cửa từ tối qua !

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C D PP B2 B6 B12



CON NIT MÁU
BIẾT ỢI
CỨNG XƯƠNG.
MẠNH KHỎE.
NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

BÓNG THÁP

Chúng tôi đã bắt đầu đốt lên những bếp lửa đầu tiên của một đêm về muộn. Sau một ngày lội đến quí cả gối, tắm mình trong một giòng sông hẹp và sâu, vượt qua những xóm làng hoang vắng không một bóng người, và thêm ghê gớm một chỗ nằm, một giếng nước mát, một ngọn đèn dầu và một bữa cơm nóng sốt, bây giờ chúng tôi lại ngồi ở đây, trước ngọn cờ tháp. Lệnh cho biết, lát nữa, một đoàn xe tiểu khu, đơn vị mà chúng tôi tăng phái, sẽ đến đón những đứa con của chiến trường trở về. Tin trên, truyền từ một người lính truyền tin của bộ chỉ huy đã như một tín hiệu rực rỡ nhất, sung sướng nhất. Không ai bảo ai, ngả lưng trên nền cỏ, vắt ba lô và súng đạn khỏi mình, và tụm năm, tụm ba, đốt thuốc, ngồi vây quanh những ngọn lửa hồng. Chiều đã tan biến từ lúc nào, bây giờ màn đêm đã dần buông, bằng một đôi cánh mỏng nhẹ. Hơi gió đã nghe thờ. Một vì sao đã hiện lên trên đỉnh tháp, xa vắng như con mắt tình nhân, những gợn mây hồng ở phía chân trời, vẫn le lói chút đỉnh đèn nỉu kéo hơi ngày. Và đâu đây, là tiếng vạc cầm canh đã vang lên từ cánh đồng ruộng nước. Lạnh quá đi. Một tên lính đã thốt lên và run rẩy. Nước bùn, nước sông, pha lẫn mồ hôi của một ngày đã còn dầm dề trên những bộ quần áo lính. Đó là

kết quả của một ngày mệt mỏi, và đầy căng thẳng. Một buổi sáng, với tuyến xuất phát từ chiếc cầu Bình-Khê, và đền thờ của vua Tây-Sơn, và buổi tối, là ngọn tháp Chàm, có lẽ kinh đô của vương quốc Chiêm-Thành cũng nên. Từ tuyến xuất phát, chúng tôi được lệnh cùng với một đơn vị bạn, tiếp tục lục soát một phạm vi chiều dài non hai chục cây số. Chúng tôi phải chiếm lần lượt những ngôi làng bỏ hoang, và có thể, di tản một số dân còn lại về vùng mất an ninh. Chúng tôi đã vô sự. Điều này, có lẽ làm cho mấy ông sĩ quan cao cấp không bằng lòng tí nào, nhưng, đối với chúng tôi, chúng tôi chỉ cầu có thể. Một người lính nào đã nói một câu mà tôi còn nhớ mãi : « Giá mọi cuộc hành quân được như thế này, thì tuyệt vời biết bao nhiêu ». Vô sự, hai tiếng ấy, đã như một sức hấp dẫn mãnh liệt. Đòi chiến binh, chỉ cầu mong chừng ấy. Nhưng mấy ai thoát được trên trăm ngàn chiến trường như chiến trường Việt-Nam, ? Chính thế, lần dừng quân trước ngọn tháp này, chúng tôi có lẽ là những kẻ sung sướng nhất. Một người đã huýt sáo nho nhỏ. Một tên, thì cố lục dưới đáy ba-lô, tìm một gói lương khô cuối cùng, để chống cơn đói. Một tên đang cời áo, hơ trên ngọn lửa. Trong thỉnh không sấm nhát, những cánh dơi đã từ trong lòng tháp vụt bay ra, lượn

vờn trên đầu đám quân. Những tiếng reo dòn dã của lửa thật quá êm ái. Và chúng tôi, như những kẻ vừa thoát khỏi một hỏa ngục, thấy rằng mình có quyền thụ hưởng tất cả mọi thứ của quả đất. Chúng tôi đã bận rộn, với một đêm sắp sửa. Người lính già thì mong chờ hớp rượu để với cá khô sặc, bên đàn con. Người lính trẻ, thì về mong gặp người yêu trông đợi. Còn tôi, thú thật, tôi đang thèm được chấp một đôi cánh của một loài ó, bay về thành phố. Rồi một góc tối trong một quán cà-phê, đầy âm nhạc, đầy bạn hữu, đầy những sợi khói nồng nàn, lãng đãng của ngày thanh xuân. Rồi, rượu nồng, và những vĩa hè tối, với những cuộc vui thâu đêm... Tôi đang dệt những cơn mơ rực rỡ ấy, trong buổi tối này, một buổi tối thật bình an của những đứa con luân lạc. Nhưng chẳng biết tôi có thể thực hiện ý định của tôi không?

oOo

Một tiếng nói đã cất lên giữa những đứa con ăn sương nằm đất : « Đây là thành Đồ-Bàn, tháp trước mặt là tháp Cảnh-Tiên hay còn gọi là Tháp Đồng đấy ». Một giọng khác nổi lên : « Thì ra, bọn mình đang ở trên kinh đô của Chiêm Thành mà mình lại không hay biết ». Tiếng nói kia lại tiếp tục : « Vâng, tháp này chính là nơi vua Chế-Bồng-Nga đóng đô... Tôi nghe một ông già trong vùng kể lại, đây là nơi vua Trần đã một lần chiếm và tàn phá khủng khiếp... Tội nghiệp, một kinh đô ngày nào,

bây giờ chỉ còn lại mỗi một ngọn tháp tiêu điều thế này... »

Tôi vẫn nằm dựa vào ba-lô. Những lời trò chuyện của hai người lính đã khiến tôi trở về cùng với tháp. Tôi tự thầm thì : « Vâng, thì ra mình đang trở về một kinh thành cũ. Mình đang nằm trên một bãi đất tiêu điều, mà một thuở nào là một cõi triều đình nguy nga, những điện đài tráng lệ. Ngày nào, ở đây đã có một lịch sử oai hùng và một nền văn minh vượt bậc. Đôi mắt tôi nhìn về ngọn tháp. Trời đã tám trăng hạ tuần. Vầng trăng đã thấy hiện trên đầu ngọn tháp, soi rõ một nền trời sáng rực rỡ, cùng tô thêm thêm màu vàng sậm của những tầng gạch hoen ố, rêu phong. Đường nét ngọn tháp nổi bật giữa nền trắng, trông càng cô quạnh hơn bao giờ. Mắt tôi muốn ngợp trước hình ảnh tuyệt vời. Hồn tôi như tắm thêm một giòng nước mắt. Của vật đời sao đời. Của phế tích đau thương. Của hồn ma còn lại. Của biểu-tượng thê-thiết vươn lên như oán than cùng trời đất. Tháp đã sống lại trong tôi. Tôi chưa bao giờ thấy mình gần gũi với tháp như thế. »

Thật thế, những ngày thơ ấu, tôi đã biết thế nào là cõi lòng bao dung, hiền hậu của tháp. Trong trí óc bé nhỏ của một đứa con không cha, thiếu thốn mọi tình thương yêu, mà đáng lẽ một thằng bé phải có, biểu tượng cồ kính trên một ngọn đồi thấp, một bên nhìn xuống biển, một bên là những rặng núi xanh rì, đã

hấp dẫn tôi mãnh liệt. Người lớn đã nói về những huyền-thoại, về những sự giúp đỡ siêu-hình của Bà. Bà ở trên những ngọn tháp. Mắt Bà nhìn thấu tim người, biết kẻ nào ác, kẻ nào thiện. Nhất là đối với những đứa bé con bất hạnh thì Bà càng thương xót phù hộ. Bà, đối với tôi, thuở ấy, là một bà Tiên, trong một chuyện cổ tích. Đôi mắt Bà thật buồn, và hiền hậu, khác với những đôi mắt đỏ ngầu, hay xám xịt, đầy những tia gân máu của người lớn. Gương mặt Bà thật thánh khiết như một bức tranh Đức Quan-âm. Vì thế, mỗi lần buồn, tôi lại tìm đến tháp. Tôi tin Bà đang ở trong lòng gạch, ẩn khuất trên những chòm lá xanh hay có thể, Bà hiện thành một con bướm vàng lượn vờn trên những khóm hoa huệ, hoa cúc, hay Bà đang ngự trên tòa sen. Tôi đã khóc thực tình, như trước mặt tôi Bà đang ngồi âu yếm nhìn tôi, vuốt tóc tôi, và khóc nghe những câu chuyện tôi kể. Đôi khi, tôi quanh quần cùng tháp suốt ngày, rồi ngủ quên trên một tảng đá lạnh dưới bóng cây xum xuê, trong tiếng gió ru nhẹ. Giấc mơ tôi lại thấy một bà tiên hiền dịu, trở về bên tôi, lật chiếc áo nhor bần, khóc trên những vệt roi bầm tím mà người lớn đã dày dọ hành hạ tuổi thơ. Giấc mơ có những con chim sâu bé nhỏ, riu rít tung tăng cùng những đàn bướm lượn. Thằng bé sẽ được nhiều bạn hữu thân mến, không phải những thằng bé của Dượng, lòng dạ tàn ác coi nó chẳng

khác một con chó ghẻ. Thằng bé sẽ được nghe những chuyện cổ tích những bài ca. Thằng bé sẽ có những bộ quần áo đẹp... với một giường ngủ ấm cúng đủ chần mền.

Tôi đã sống bằng những ước mơ thơ ấu ràn rụa nước mắt ấy. Và những phiến gạch u buồn như kết dính tâm hồn tôi, cùng những huyền thoại. Trong trí tưởng thơ ngây, tháp như một người Mẹ, hay hơn nữa là Nội tôi. Một Nội không bao giờ tôi gặp. Bởi vì tôi là một đứa con riêng. Mẹ tôi không chờ ba tôi trở về, mẹ tôi đi lấy chồng. Người muốn tôi sung sướng hay cuối cùng, để người sung sướng. Tôi không biết ý định mẹ tôi. Nhưng tôi đã sớm biết được nỗi bất hạnh của tuổi thơ. Tôi sớm nhỏ những giòng nước mắt tủi cực, tủi thân. Tôi là một vì sao nhỏ lạc loài trong đêm tối, tù ngục. Và, nếu không có những giấc mơ, những niềm tin tưởng thật tội nghiệp ấy, chắc tôi không thể nào xúc động vô chừng khi trở về trong ngày chiến chinh nhìn lại những ngọn tháp. Những tháp trong đời tôi, hay những nụ hoa vĩnh cửu trong tim tôi? Có lẽ, tôi đã sống bằng những kỷ niệm. Những kỷ niệm một thời, mà tôi không thể quên, sau những màn đạn khói. Tôi đã ý thức, hơn bao giờ, linh hồn tháp chính là linh hồn tôi. Tôi lại càng cảm nhận, bằng một tâm thức siêu hình, Bà ngày nào, đôi mắt bao dung ngày nào, những giấc ngủ thơ ấu trong lòng tháp ngày nào, những nụ hoa, những

con chim sâu ngày nào... đã trở thành những nụ hoa vĩnh cửu. Trên đầu tôi, có sẵn một đôi mắt phò trợ. Đó là đôi mắt của Bà Tiên thơ ấu.

Đơn vị tôi đóng trên một ngọn đồi, mà dân địa-phương quen gọi là đồi tháp Bánh-Ích. Người Pháp đặt là tháp Bạc. Đó là một ngọn đồi đất đỏ, cao độ gần 100 thước. Trên đồi mọc lên ba ngọn tháp. Một ngọn chính, ngay đỉnh. Hai ngọn phụ, nhỏ hơn, nằm ở lưng chừng đồi. Chúng nổi bật lên trên một nền trời xanh lơ như ngọc bích, sừng sững chẳng khác những thiên thần, nhưng cũng đau thương như những người anh hùng thua cuộc. Dưới chân chúng, bên này, bên kia, là hai giòng sông xanh lơ đang thiếp ngủ. Màu xanh của da trời, màu đỏ của đồi, màu hỏa-hoàng của tháp, và màu xanh dịu dàng của hai con sông nhỏ, tất cả đã tạo nên một hình ảnh vô cùng quyến rũ. Tôi đã có những giờ đứng đăm đuối chiêm ngưỡng cái bóng dáng tuyệt vời, từ những tầng gạch lớn, chất chồng nhau bằng một thứ nhựa hàn muôn đời, như mang theo hơi thở của một triều đại, dấu vết một thuở huy hoàng, nỗi buồn không nguôi của một người trong cớ tích. Hơn nữa, đối với tôi, chúng quả thật vĩ đại và thanh khiết. Ở đây là biểu tượng của uy quyền, cùng thần linh. Chúng làm tôi run sợ.

Thật thế, trong lồng tháp lộng gió bốn bề, và sâu hun hút mãi tới đỉnh ngọn, như muốn chạm vào bầu trời, tôi đã có những đêm đặt lưng trên

chiếc nền xi-măng mát lạnh, đề qua những đêm bão bùng, nhất là những đêm không trăng đầy mưa gió. Dịch có thể đặt súng cối, hay hỏa tiễn từ bờ sông, như một lần dịch đã làm. Dịch có thể trả thù chúng tôi như một lần dịch hăm dọa. Dịch có thể san bằng ngọn đồi bằng những quả hỏa tiễn 122 li. Nhưng tôi kiêu hãnh, đề nói rằng dĩ h không thể tàn phá những ngọn tháp của tôi. Cũng như, những sự tàn phá khác: thời gian chẳng hạn. Biết bao triều-đại đã qua, biết bao gió mưa đã biến đổi, biết bao lớp người ngã xuống, nhưng ba ngọn tháp vẫn còn sừng sững tồn tại, như thách thức cùng non sông đất nước. Vâng, tôi tự kiêu hãnh đề nói thế. Bởi thế, tôi đã coi tháp là chỗ che chở cuối cùng. Trong những đêm bão động, lúc mọi người chui xuống hầm phòng thủ, thì tôi xách súng chạy vào lòng tháp. Tôi dựa lưng vào vách tháp, tiếp tục ngủ thêm. Làm sao, những người lính trong đơn vị đã biết rõ nhịp đập của con tim tôi, và sự liên hệ vô cùng mật thiết giữa tôi và tháp. Có lẽ họ xem tôi là một kẻ sống bên lề, đánh giấc như kẻ rong chơi. Có lẽ họ xem tôi là một kẻ lập dị cũng nên. Họ đã chế nhạo tôi, khi tôi thắp nhang cầu nguyện trước tháp, mỗi khi đơn vị bắt đầu lên xe hành quân hay bắt đầu nhận một lệnh lên đường tiếp viện, đột kích. Họ chỉ biết lên đường và lên đường thế thôi. Họ đã không mảy may nghĩ đến cõi siêu hình, cũng như tôn giáo. Tôi có lẽ yếu đuối thật. Nhưng tôi xin thề,

tôi không bận tâm đến tôn giáo, như họ đã lầm tưởng. Hay tôn giáo chính là những ngọn tháp. Hay Trời Phật chính là Bà Tiên thơ ấu của tôi.

Tôi còn nhớ rõ, một đêm sau một cơn say ngây ngất cùng những đồng đội, tôi lại mò ra ngọn tháp phụ. Tôi có một tính thật xấu, nghĩa là sau khi uống rượu tôi phải đi tìm gái điếm. Lúc đó, hầu như dục vọng thấp hèn đã bùng lên cao độ, cùng hơi men mỗi lúc mỗi vùng vẫy. Người tôi trở nên thêm khát mùi vị đàn bà. Nhưng đàn bà đâu có trong một đêm muộn màng như thế này. Tôi đã cùng những bọm nhậu khác, lái xe dodge xuống đồi, lao vào cõi đêm, rẽ hướng quốc lộ 19 tìm đến căn cứ Mỹ. Ở đây đây đây gái điếm, dành cho bọn lính ngoại quốc. Có lẽ đêm đã quá khuya, hay bọn con gái làng chơi thấy bọn tôi, hung hăng thêm khát nên hoảng sợ tẩu thoát. Cuối cùng, xe phải trở lại ngọn đồi, mang theo những tên đang bị đồn nén cực độ. Tôi cũng thế. Sự đồn nén đã làm tôi trở nên mê muội. Tôi có ý muốn thủ dâm. Tôi muốn đầy đọa tôi để quên lãng. Bởi vì tôi chỉ cần một giấc ngủ. Rồi hết. Dù tôi biết, hậu quả của căn bệnh ấy thật là ghê khiếp. Nhưng bây giờ, nằm trên nền tháp, trong tiếng gió lồng mịt mù, và qua một khung chữ nhật trống trải, tôi bỗng nhận muôn vàn vì sao rực rỡ quay cuồng. Tôi lại nghe rõ, những tiếng động từ một đôi cánh dơi lạc lõng trong lòng sâu của tháp, Tôi lại nghe cả một mùi hương

đêm, từ những bụi hoa dưới chân đồi. Tự nhiên, tôi lại cảm thấy mình run rẩy. Tôi đang nằm trong tháp. Tôi đang là đứa con của tháp. Tháp đang trải lòng, như lòng của một Bà Tiên thơ ấu. Tháp đang vỗ về, âu yếm săn sóc giấc ngủ của tôi. Tôi đã sợ hãi thật sự khi liên tưởng đến một đôi mắt quá đôi hiền hậu, và thánh khiết đang nhìn tôi, nhìn trán tôi, nhìn những sợi dây thần kinh sinh dục đang bốc lửa của tôi. Tôi đã lắc đầu, rồi lao ra bóng đêm. Tôi dang hai tay, đứng trên mỏm đá. Tôi cố quên những giờ phút yếu đuối của xác thịt. Và đêm đó, chưa bao giờ tôi thấy giá trị mình cao vợi như vậy. Tôi hát một bài tình ca. Tôi lặn mò trong đêm trăng, tìm một bụi hoa dúm dẻ ngát hương. Tôi ngắt một cánh hoa vàng, búp như búp tai người con gái. Nàng đã một lần, đôi mắt tươi sáng, gương mặt rạng rỡ ngắt một cánh hoa như búp hoa tai ấy, rồi mỉm cười gài lên mái tóc thề của nàng. Tôi nói như một con chiên phạm lỗi : tha thứ cho anh, cô bé. Anh thật xấu hổ với cánh hoa kỷ niệm này. Nhưng anh vừa thoát được một cơn ác mộng. Hồi cánh hoa như búp hoa tai rực rỡ của một người con gái dậy thì, đêm nay, ta là một tên thánh thiện nhất trần gian. Ta chẳng khác một vị thánh của chốn bùn nhơ ô uế. Nếu có giây phút giác ngộ, chính là giây phút này. Và tên thiên-sư bây giờ đã tìm ra chân lý. Hương đêm như hương mật.

Bóng tối lenh đên bên bóng tháp, trải dài xuống tận chân đồi. Tiếng giầy xào xạc của người lính canh. Tiếng reo hò náo động, của bọn lính Mỹ, trên ngọn tháp chính. Đó là căn cứ ra-đa của một tiểu-đoàn truyền tin ngoại-quốc. Chúng đã làm tôi tức giận. Tôi ước muốn thành một ngôi nỏ, phá tung cả những tiếng cười sặc sụa, những đứa con gái làng chơi mà hằng đêm, chúng dùng xe rước về. Đầu óc tôi muốn sôi như một hỏa diệm sơn. Rồi biết được mình đang đứng lêu bêu giữa ngọn đồi mông quạnh, tôi lại càng muốn ứa nước mắt. Tháp ơi. Tôi thì thăm. Tháp hãy hiểu lòng ta. Ta đã bắt

lực. Ta không biết làm cách gì để đôi mắt tháp khỏi nhìn cảnh ô uế, tội lỗi. Ta không thể mang về vẻ linh thiêng trong sạch của một ngày nào, vào trong lòng tháp tối. Ta khổ sở lắm tháp ơi...

Rồi tôi lặng lẽ đi trong đêm tối. Lòng bưng giận cũng được tắm mát bởi những cơn gió của đêm, của ánh trăng lai láng, trong vắt trong thình không. Đêm thật vô cùng thánh khiết. Và chưa bao giờ tâm hồn tôi trong sạch đến như thế.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-HOÀI-THU



Nhức đầu
: Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

TRANG

KN 68 1211/BTT/GCDP

Sắp phát hành

□ THUYỀN

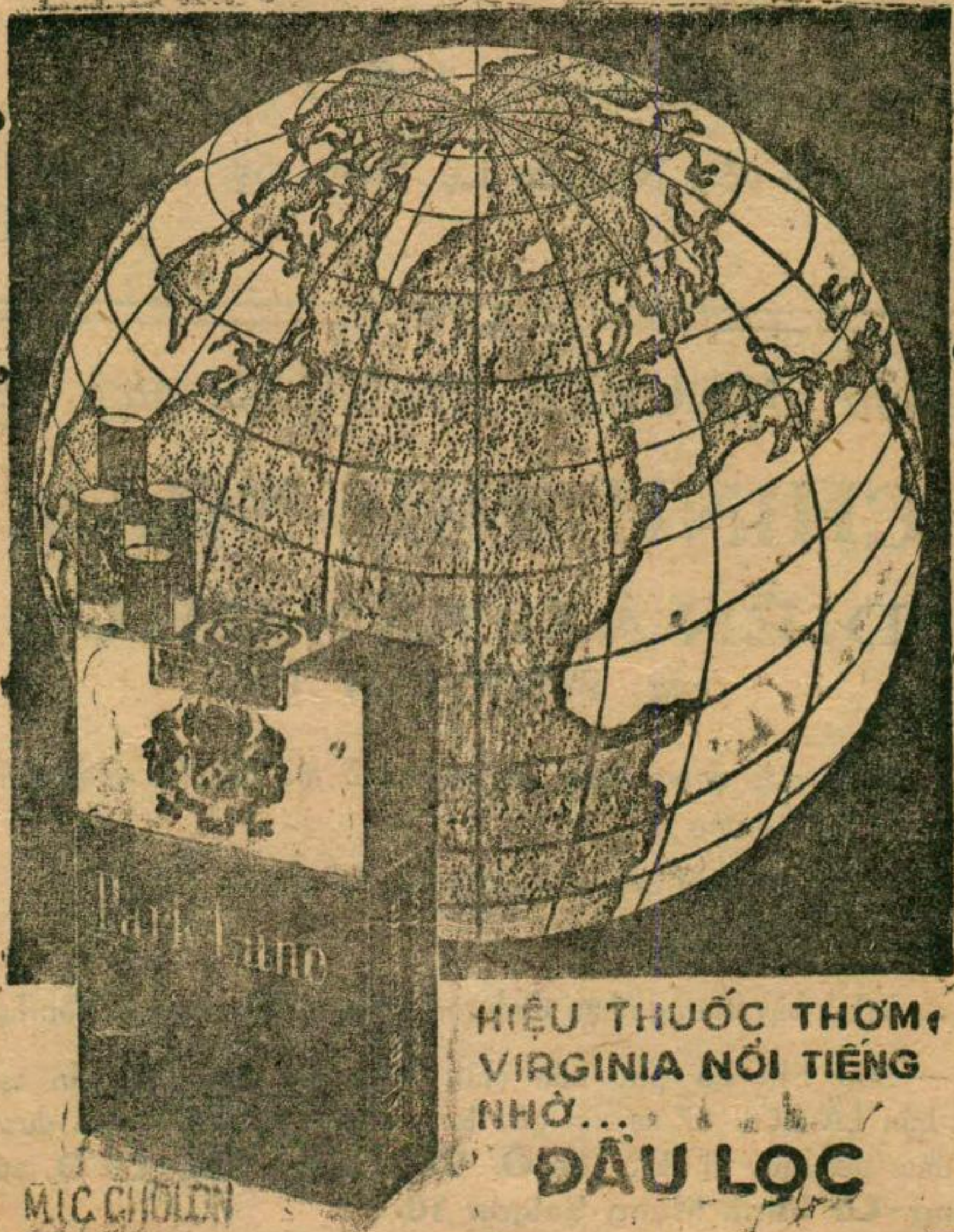
(truyện dài)

□ BA ĐÓA HOA

(tập truyện gồm: Thủy Linh, Nhược Mai, Ba Đóa Hoa)

của **QUỲNH DAO**

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành



PHƯƠNG TẤN, LÊ HÙNG SƠN, VŨ ĐÌNH TRƯỜNG, LÊ VĂN TRUNG, UYÊN HÀ, ĐÌNH HOÀNG SA, NGUYỄN PHAN DUY, NGUYỄN LÊ TUÂN cùng anh em trên hai tờ báo không giấy phép : SAU LUNG CÁC NGƯỜI và CÙNG KHỜ trước đây lại thăm lặng làm việc cho «MỘT QUÊ HƯƠNG» VIỆT NAM trên bán nguyệt san :

NGÔN NGỮ

Tiếng nói quyết liệt và thâm trầm nhất của lớp người trẻ VIỆT NAM.

Số 1 phát hành : 1-8-1972

Thư từ bài vở : Nguyễn Lê Tuân 165, Lê Đại Hành
CHOLON

Giáo-sư NGUYỄN-ĂN-XUÂN *phát giác :*

CHINH-PHỤ-NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC của PHAN-HUY-ÍCH

— Phát giác quan trọng tác phẩm cổ mà các học-giả toàn quốc (Nam và Bắc) mong chờ.

— Chấm dứt một cuộc bút chiến kéo dài gần nửa thế kỷ.

— Biên khảo công phu.

— Trình bày những nhận định mới nhất về Văn-học và Văn-học-sử.

— 500 bản có phụ bản chữ Nôm và Hán bày bán tại nhà Xuất bản LÁ-BỐI. Ở xa xin gửi bưu phiếu 300đ.000 sách được gửi bảo đảm đến quý vị. **Đề tên Ô. Võ-Thắng-Tiết, Lô O, số 121 Chúng-Cư Minh Mạng Saigon 10.**

Châm cứu ở Mỹ

Thế giới Tây-phương không còn nhìn khoa châm cứu dưới một con mắt khinh thường nữa : nhiều bác sĩ danh tiếng ở Mỹ đã được mời dự khán các cuộc trình diễn khoa châm-cứu ở Bắc-kinh và đều công nhận nó có một giá trị thật sự.

Tầm mức giá trị của khoa châm cứu cổ truyền Trung-hoa sẽ biến đổi ra sao trong thế-giới y-khoa Tây-phương tân tiến ngày nay thật khó lòng mà tiên đoán được. Sau các thành công ngoạn mục ở Bắc-kinh giới chuyên môn ở Mỹ đã đổ xô vào Hoa-lục để nghiên cứu tại chỗ cho được tường tận hơn. Và một phong trào thí nghiệm khoa châm cứu đã bắt đầu ở ngay bên Mỹ. Trong tháng vừa qua, một trường-hợp thành công đầu tiên của khoa châm cứu do các bác sĩ Mỹ thực hiện đã xảy ra ở Nữu ước.

Bệnh nhân tình-nguyên là một sinh viên Y-khoa tên Fredric A. Newman, 23 tuổi, bị một bướu nhỏ ở hạch bồ-đào và muốn được giải-phẫu để lấy nó ra. Anh đã đồng ý cho bác-sĩ John W. C. Fox, một nhà chuyên môn về khoa gây-mê áp dụng phương pháp châm-cứu thay vì phương pháp chích thuốc tê trong khi mổ. Bác sĩ Fox đã dùng 4 cái kim châm cứu, châm vào 4 "huyệt" ở khoảng giữa ngón cái và ngón trỏ hai bàn tay và ở giữa ngón chân thứ hai và ngón chân thứ ba ở hai bàn chân. Xong, theo đúng các chỉ dẫn mà ông đã học được ở khoa châm-cứu bác-sĩ, Fox và các phụ tá

bắt đầu xoay kim với tốc độ 100 lần trong một phút. Trong lúc xoay kim, bệnh nhân cho biết có một cảm giác lẫn lộn giữa đau đớn và thích thú. Sau 20 phút thì Newman cho biết anh không còn thấy đau khi bị dùng kim chích vào da ở mặt, cổ, lưng, lợi và cổ họng. Ngay cả khi đâm mạnh vào hạch bồ-đào anh cũng không có cảm giác đau đớn. Sau đó cục bướu được lấy ra an toàn bằng một cái kẹp đặc biệt. Anh Newman cũng đã từng bị một cuộc giải phẫu tương tự trong quá khứ nhưng với thuốc tê và anh đã bị đau đớn hơn nhiều so với lần mổ này.

Tuy nhiên không phải khoa châm cứu đã hoàn toàn thành công ở Hoa-kỳ. Mười ngày sau khi bác sĩ Fox thành công ở Nữu-ước thì ở Trường Y-khoa Albert Einstein các bác-sĩ đã thực hiện 2 cuộc giải-phẫu khác, lớn hơn, rắc rối hơn dưới tác dụng của châm - cứu. Một trong 2 cuộc giải phẫu này đã thất bại : trong khi được cắt các bắp thịt ở thành bụng để sửa lại chứng sa ruột, bệnh nhân cho biết bị khó chịu và lập tức được đánh thuốc mê để tiếp tục cuộc giải phẫu.

Một số lớn các bác sĩ ở Hoa kỳ vẫn dè dặt về hiệu quả của khoa châm-cứu và cho những kết-quả đạt được chỉ là do ở một tình-trạng tự-kỷ ám-thị. Riêng bác-sĩ Fox thì tin tưởng là khoa châm-cứu có một căn bản thần - kinh sinh-lý-học về sự dẫn truyền của các loại cảm-giác và ông đang cố gắng diễn tả những điều ông

liều được từ y-lý Đông - phương sang ngôn-ngữ y-khoa của Hippocrate. Tuy vậy Fox cũng không quá đề cao khoa châm-cứu, ông cho là nó bổ túc cho khoa gây - mê của y học Tây phương chứ không thể thay thế nó được.

Hỏa-tinh, mục tiêu thứ 2 của chương trình không-gian Hoa-kỳ.

Sau chương - trình Apollo thám hiểm mặt trăng, cơ-quan hàng-không và không gian Hoa-kỳ hướng mục-tiêu của họ về Hỏa-tinh, một hành-tinh hy vọng có những điều kiện giống địa cầu nhất. Chương trình Viking sẽ bắt đầu vào năm 1976 với hai phi thuyền không người lái sẽ được cho đổ bộ xuống mặt Hỏa-tinh. Tới lúc ấy người ta mới hy vọng biết một cách chắc chắn về cách cấu tạo của hành tinh này.

Qua hình ảnh mà các phi-thuyền Mariner gửi về từ trên quỹ đạo Hỏa-tinh thì hành-tinh này có rất nhiều điểm giống trái đất chúng ta. Các nhà bác-học ví trái đất như một cô gái đào tơ đương sống và Hỏa-tinh như một bà cổ già đã sống hàng thế-kỷ trước. Gần đây nhất là những hình ảnh thật rõ ràng do Mariner 9 truyền về trái đất, người ta thấy bề mặt Hỏa-tinh đầy các vết nứt và các hố sâu thẳm. Các khoa-học-gia đã phác họa được hơn 85% bề mặt hành tinh này qua 7.000 bức hình Mariner 9 gửi về. Các vết nứt trên Hỏa-tinh được coi như là đã tạo nên bởi sự di-chuyển của các dòng nước. Chỉ có sự hiện diện của chất lỏng mới giải

thích được sự cấu tạo của các vết nứt đó. Nhiều nơi, các hình chụp được còn cho thấy các vết nứt lớn còn có những lần nứt nhỏ xung quanh và có những vùng đất bằng phẳng như những vùng châu thổ các con sông lớn trên trái đất. Về nguồn gốc của nước trên hỏa tinh, đã có 2 giả-thuyết. Một cho rằng trong khi quay, Hỏa-tinh có lúc hướng hai cực băng-tuyết của nó lại gần mặt trời hơn và bị hơi nóng làm cho băng chảy ra. Giả thuyết thứ hai cho nước do ở các lớp mây mù bao quanh Hỏa-tinh rơi xuống khi hành tinh này trải qua một "thời đại ẩm" tương tự như một thời-đại băng tuyết đã từng xảy ra ở trái đất.

Ngoài ra, có những vùng Cao-nguyên trên Hỏa-tinh đất bị nứt thành những khe sâu thẳm; to lớn gấp 10 lần thung lũng Grand Canyon ở Hoa-kỳ. Sự kiện này chứng tỏ Hỏa-tinh đang bị nhiều sức dồn ép và đất bị nứt ra thành từng mảng,

Người ta đang nhìn Hỏa-tinh với hình ảnh của trái đất trong quá khứ và hy vọng rồi ra sẽ tìm được dấu vết của một đời sống đang có hoặc đã từng có ở nơi đó.

TỬ-DIỆP

Đã phát hành :

LƯU BÚT MÙA HẠ

● Tập thơ của PHAN-PHỤNG-THẠCH viết cho học-trò.

● Nỗi xót-xa ngậm-ngùi của nhà giáo thời-chiến,

Văn hóa và nhà nước

Đầu tháng 6-1972, các chủ tiệm sách toàn nước Pháp họp Đại hội kỳ thứ 38 tại Nancy.

Tại đại hội, Jean Jacques Servan-Schreiber đã đến nói chuyện, và nghe đâu được hoan nghênh dữ lắm. J.J.S.S. nhắc lại một chuyện cũ xảy ra tại địa phương cách đây 40 năm: Hồi 1932, một ông đại-tá viết cuốn sách trình bày một chủ trương quân sự không hợp với đường lối đang thịnh hành trong giới cầm quyền, vì vậy ông ta không tìm được nhà xuất bản nào bằng lòng in sách cho ông tại Paris. Ông đại-tá khốn khổ nọ đến Nancy, gặp kẻ nhận xuất bản: sách ấy in 1.500 cuốn, bán một nửa ế một nửa. Và đó là cuốn *Vers l'armée de métier* của Charles de Gaulle (bấy giờ còn mang lon đại tá).

J.J.S.S. lại nêu lên một chuyện hiện thời tại nước Pháp: Nhà xuất bản Hachette là một tổ chức kinh doanh đang kiểm soát phân nửa hoạt động xuất bản, và quá nửa hoạt động phát hành báo chí trong toàn quốc, đang len vào lung lạc ngành phát thanh, và truyền hình để «hợp tác» chặt chẽ với chính quyền trong địa hạt này.

J.J.S.S. ôn các bài học lịch sử: Trong thời kỳ Phục hưng ở Âu châu, nhờ có sự tách biệt giữa Chính quyền và Khoa học do Galilée khởi xướng mà xã hội tiến bộ. Trong thời cận đại, nhờ có sự tách biệt giữa Chính quyền và Giáo quyền mà chế độ

Cộng hòa ra đời.

J.J.S.S. kết luận: Hiện nay, cái cần thiết là sự tách rời quyền chính trị của nhà nước với quyền kinh tế của tư nhân. Đặc biệt, J.J.S.S. nhận thấy sự độc quyền trong ngành xuất bản, báo chí, sự «hợp tác» của nhà nước trong các hoạt động này là một nguy cơ lớn cho xã hội.

Hình như là tiểu thuyết

Françoise Sagan vừa cho ra một tác phẩm: cuốn *Des bleus à l'âme*, dày 208 trang, viết trong vòng một năm.

Nhân vật ở đây là một cặp nam nữ, một đôi anh em, rút ra từ một tác phẩm cũ: cuốn *Un château en Suède*.

Từ ngày cuốn *Bonjour Tristesse* ra đời, cái tên Sagan luôn luôn khiến người ta nghĩ đến những mối tình chớp nhoáng, những đứa con gái ngỗ ngáo, những tâm hồn mệt mỏi chán chường v.v.. Tác phẩm văn nghệ khiến độc giả cứ nghĩ đến một Sagan trong thời kỳ «bắt tay nổi sầu», nào ngờ thời giờ thấm thoát, mới đó mà bây giờ Sagan đã chào biệt tuổi trẻ.

Sagan bây giờ đã là một thiếu phụ tuổi ngót tứ tuần, có địa vị, có sản nghiệp, có những nhu cầu trong cuộc sống xã hội. Viết lách đối với nàng đã là một nghề nghiệp, một sinh kế.

Xét về mặt bán chác, cuốn *Des bleus à l'âme* không còn được độc giả đón tiếp nồng nhiệt như trước,

không còn đứng vào danh sách bán chạy hàng đầu. Tuy vậy, ngọt chực cuốn tiểu thuyết đã ra đời của Sagan vẫn là một sinh kế đáng ước mơ cho đại đa số văn nghệ sĩ, — Nhưng sự thực có phải đó là những cuốn tiểu thuyết chẳng? Nhân dịp cuốn *Des bleus à l'âme* ra đời, nhà phê bình Matthieu Galey mong rằng một ngày nào đó Sagan sẽ viết cuốn tiểu thuyết đầu tay: từ trước đến nay, mới chỉ là những... bài luận hay!

Hình như là tiểu sử

Bực mình vì không được dư luận Tây-phương chú ý đúng mức, Chủ-tịch Bắc-Hàn là Kim-Nhật-Thành hạ lệnh cho xuất bản một bộ tiểu sử của mình bằng hai thứ tiếng Anh và Pháp. Sách gồm ba tập dày cộm, in thật đẹp.

Dư luận Tây phương bèn chú ý ngay. Và nhận thấy rằng Chủ-tịch Kim-Nhật-Thành được trình bày trong sách đã vượt cả Staline và Mao-Trạch-Đông: Chủ-tịch Kim được gọi là đảng «vĩ nhân của thế kỷ XX». Tạp chí *L'Express* nêu một nhận xét nhỏ về tác phẩm lớn nọ: Ngay từ khởi đầu, cuốn «tiểu sử» đã đưa ra một sự giả mạo, Kim-Nhật-Thành không phải tên thực của đảng vĩ nhân: đó là cái tên mà Người đã thường của một nhà ái-quốc chống Nhật, chết vào năm 1931!

Hình như là truyện chương hồi

Sự phát triển đặc biệt của báo hàng ngày tại Sài Gòn sau 1963 đã đưa đến sự phát triển đặc biệt của tiểu thuyết phôi-dơ-tông tại Việt-nam. Hiện tượng ấy chắc chắn sẽ gây một ảnh hưởng trong Văn-học Việt-nam vào thời kỳ này.

Ở Âu-châu, phương tiện truyền thông phát triển hơn, lại làm phát sinh một thứ tiểu thuyết lạ đời hơn: tiểu thuyết viết để đọc trên đài phát thanh.

Cứ mỗi tuần năm ngày, mỗi ngày đọc một lần dăm ba trang mới vừa viết xong trên đài Europe N^o 1, cứ thế sau hai tháng Henri-François Rey đã hoàn tất cuốn tiểu thuyết *Le Barbare* Đọc cho thiên hạ tứ phương nghe xong, ông cho nhà Laffont xuất bản.

Có một thời truyện đặt ra đề mang đi kể dạo khắp xóm làng như hồi Trung Cổ, có một thời truyện viết ra để chép tay chuyền nhau ngâm nga, có một thời truyện viết để in, rồi lại đến một thời truyện viết ra để đọc từng đoạn mỗi đêm cho cả nước xúm nhau nghe... Henri-François Rey đang trở lại hoàn cảnh sáng tác náná với hoàn cảnh sáng tác chương hồi tiểu thuyết của Trung-hoa ngày xưa.

TRĂNG-THIÊN

Thời sự thế giới

● TỪ - MINH

Trong những ngày vừa qua tình hình thế giới đã hết sức sôi động với những biến chuyển dồn dập. Trước hết là tình hình chiến sự tại Việt-nam đã đột nhiên trở nên sáng sủa. Tại Triều-Tiên chính-phủ Đại-hàn và chính-phủ Bắc Cao vừa đưa ra một thông cáo chung nhằm chấm dứt thù nghịch để đi tới thống nhất bằng đường lối hòa bình.

Trong khi đó tại Âu-châu người ta tỏ ra lo ngại trước những phong trào đòi giải kết của Hoa-kỳ nhất là vào lúc mà Nga đang cố gắng mở rộng ảnh-hưởng ở Tây-Âu.

Cùng một lúc tại Pháp và Nhật người ta đều thay đổi Thủ-tướng để đáp ứng với tình-thế mới.

Chuyển hướng chiến tranh tại Việt-nam

Trong những ngày vừa qua chiến cuộc Việt-nam đã bước vào một giai-đoạn mới. Quân-đội Việt-nam đã lần lượt giải vây An-lộc, Kontum và tái chiếm Quảng-trị. Sau 3 tháng tấn công đại qui mô người ta có cảm tưởng rằng ván bài cuối cùng của nhà cầm quyền Bắc-Việt đã thất bại. Với sự thất bại này Bắc-Việt dường như đã bỏ một phần nào lập trường cứng rắn của họ. Thật vậy, sau cuộc Nga du của Tổng-thống Nixon người ta thấy chính-phủ Hà-nội đang vật lộn với những khó khăn nội-bộ và cả những khó khăn với đồng minh của họ nữa.

Các khó khăn đầu tiên mà Hà-

nội phải đối phó là vấn đề tiếp-vận. Từ khi Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon quyết định thả mìn để phong tỏa bờ biển miền Bắc và các phi-cơ Mỹ phá hủy các hệ-thống cầu cống xe lửa, Bắc-Việt không những gặp khó khăn trong công cuộc tiếp-vận cho quân đội của họ ở miền Nam mà còn khó giải quyết nỗi vấn đề tiếp-liệu cho dân chúng ở miền Bắc nữa.

Trên bình diện ngoại giao các nước Cộng-sản đàn anh còn ra sức gây áp-lực để họ phải có một thái độ ôn hòa hơn. Sau khi ông Nixon rời Mạc - tư - khoa, Chủ - tịch Sô - viết Nicolas Podgorny đã hướng dẫn một phái đoàn sang Hà - nội có lẽ để buộc Hà nội phải có một thái độ mềm dẻo hơn. Bị Nga bỏ rơi, Hà nội chỉ còn biết quay về phía Trung Cộng. Nhưng đúng lúc đó ông Kissinger lại sang Bắc-kinh để đàm luận với Thủ-tướng Trung-Cộng Chu-ân-Lai. Vì vậy mà Bắc Việt đã phải thỏa thuận trở lại Hội-nghị Ba-lê vào ngày 13-7-1972. Việc mở lại hòa đàm vào ngày 13-7 không phải là một việc ngẫu nhiên. Khi đó Đại-hội đảng Dân chủ đang nhóm họp để bầu ứng-cử-viên Tổng-thống. Tổng-thống Nixon hy vọng rằng việc tái nhóm hòa đàm sẽ làm lu mờ Đại-hội đảng Dân-chủ.

Tại Đại-hội, người ta chắc chắn ông Mc. Govern sẽ được chỉ định làm ứng-cử-viên. Nhưng dù có được chỉ-định, ông Mc. Govern cũng không có đủ uy tín để đánh bại một vị đương kim Tổng-thống, nhất là vị

Tổng-thống này lại là một người thành công liên tiếp về mặt Ngoại giao như ông Nixon. Ngay chính cả Nga cũng còn cho rằng ông Mc. Govern chắc chắn sẽ bị thảm bại. Tuy là bồ câu chủ hòa, ông Mc. Govern vẫn không được Nga coi là một người đối thoại xứng đáng với họ.

Bước đầu của thống nhất Triều-tiên

Ngày 4-7 vừa qua vào hồi 10 giờ sáng cả chính-phủ Nam-Hàn lẫn chính-phủ Bắc-Hàn đã công bố một bản Thông-cáo chung tuyên-bố thỏa-thuận chấm dứt mọi hành động thù nghịch để đi tới thống nhất hai miền. Trong Thông cáo này cả hai bên đều tránh dùng quốc-hiệu riêng của hai nước mà chỉ dùng danh từ hai miền Nam và Bắc Cao. Một đường dây điện-thoại trực tiếp được thiết lập giữa Hán-Thành và Bình-Nhưỡng. Tuy chưa đi tới quan-hệ bình-thường giữa hai miền kể cả về trao đổi văn-hóa và kinh-tế, nhưng Thông cáo ngày 4-7 đã đặt ra 3 nguyên-tắc căn-bản về sống chung hòa bình giữa đôi bên :

1) Sự thống-nhất sẽ do hai miền thực hiện không chịu áp lực hay can thiệp của nước ngoài.

2) Thực hiện thống nhất bằng đường lối hòa-bình.

3) Thống nhất sẽ được đặt trên căn bản đồng nhất chủng tộc và các dị biệt chính-trị, ý-thức-hệ đặt vào hàng thứ yếu. Đây là bước đầu tiên của sự sống chung hòa bình giữa

hai miền của một quốc gia bị chia cắt. Sau hai tháng trời thương-thuyết giữa Bình-nhưỡng và Hán-thành kết quả thu lượm được hết sức khả quan. Tuy nhiên người ta không hiểu khi chấp nhận các nguyên tắc sống-chung này phe Cộng-sản muốn nhằm mục đích gì. Thật vậy, sau một cuộc chiến tranh xâm lược vào năm 1950 và trên 20 năm thù hận, Bình-nhưỡng đột ngột bỏ thái độ cứng rắn khiến cho các quan-sát-viên tỏ ra hết sức phân vân. Người ta phỏng đoán rằng phe Cộng-sản bắt đầu áp dụng một chiến-lược mới. Có lẽ trước các thất bại của những âm mưu chiếm Nam-Hàn bằng võ lực phe Cộng-sản muốn nổi lại liên lạc để có thể bành-trướng ảnh-hưởng một cách ôn hòa hơn. Vì vậy mà chính-phủ Đại-hàn trong giai đoạn mới này đã lưu ý dân chúng hết sức thận trọng không nên lạc quan quá sớm.

Những mối lo âu của các quốc-gia Tây-Âu :

Từ khi Thế-chiến thứ hai chấm dứt tới nay Nga-sô luôn luôn nhằm hai mục-tiêu tại Âu-châu. Mục-tiêu thứ nhất là làm sao để các quốc-gia thừa nhận những ranh giới của Nga ở phía Tây. Và mục tiêu thứ hai là bành-trướng về phía Tây khi Mỹ rút lui.

Với hiệp-ước Nga-Tây Đức ký tại Mạc-tư-khoa vào tháng 8-1970, biên giới phía Đông của Nga đã được các nước Tây-phương trực tiếp liên-hệ tới vấn đề biên-giới thừa nhận. Như

vậy các lãnh thổ mà Nga chiếm được trong cuộc Thế-chiến được coi như đã hợp-thức-hóa. Bây giờ Nga có thể bước sang giai đoạn thứ hai tức là bành trướng về phía Tây.

Vừa lúc Nga đang dự tính như vậy thì tại Hoa-kỳ nhiều người lớn tiếng đòi giảm quân Mỹ ở Âu-châu. Người chủ trương rút quân hiện thời là Thượng Nghị-sĩ Mc. Govern, người có hy vọng được chỉ định làm ứng-cử-viên Tổng-thống. Nếu ông Mc. Govern đắc cử thì chắc chắn Hoa-kỳ sẽ rút hết quân ở Âu-châu. Ngoài ông Mc. Govern người ta thấy còn có ông Mike Manfield, lãnh tụ khối đa số Dân-chủ ở Thượng-viện cũng có một quan-điểm tương-tự. Vì vậy mà các giới lãnh-đạo Âu-châu tỏ ra hết sức lo ngại. Người ta e rằng nếu Mỹ rút thì Nga sẽ vội vã nhẩy vào để lấp khoảng trống ở Âu-châu. Nhất là vào lúc này nhiều nước quá tin tưởng vào tình trạng hòa dịu ở Âu-châu đã tỏ ra hết sức lo là với nghĩa-vụ của họ trong khuôn khổ Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Thật vậy từ nhiều năm nay bị ru ngủ vì tình trạng hòa-bình, các quốc gia Tây-Âu, nhất là Pháp, đã cho rằng Minh-ước Bắc Đại-tây-dương không còn là một sự cần thiết nữa mà chỉ là một vi-phạm chủ quyền của các quốc-gia hội-viên. Nhưng cùng một lúc với sự giảm thiểu quân trong khối Bắc Đại-tây-dương người ta lại thấy khối Cộng-sản Đông-Âu, mặc dầu ngoài miệng vẫn kêu gọi tài binh nhưng bên trong vẫn giữ nguyên mức độ lực

lượng quân sự của Minh-ước Var-sovie.

Đề trấn an các nước đồng-minh Âu-châu, ông Nixon đã gửi ông Reagan, Thống-đốc Tiểu-bang California, sang du thuyết tại các nước này. Nhưng ông Reagan lại là một cựu tài-tử điện-ảnh nên các lãnh tụ Âu-châu cho rằng ông Nixon đã coi thường họ. Một vị Ngoại-trưởng Âu-châu đã nói : «Tại sao ông Nixon lại gửi ông Reagan sang Âu-châu trong khi liên lạc với Trung Cộng thì ông lại gửi ông Kissinger?» Thật vậy các lãnh-tụ Âu-châu từ xưa tới nay quen giao thiệp với các chính-khách Mỹ nổi danh như J.F. Dulles, Dean Acheson và Dean Rusk nên họ có cảm tưởng rằng ông Reagan không đủ «nặng-ký» để nói chuyện với họ. Trong nhiệm-kỳ tới, ông Nixon sẽ phải có một thái-độ tích-cực hơn đối với Âu-châu nếu ông muốn Hoa-kỳ tiếp tục duy trì vai trò lãnh đạo của mình ở trong vùng này.

Thay đổi nội các tại Pháp và Nhật

Trong ngày 5-7 vừa qua tại cả hai nước Pháp và Nhật người ta đều có một vị Thủ-tướng mới. Sau khi ông Pompidou, Tổng-thống Pháp ngỏ ý muốn cải-tổ nội-các thì ông Jacques Chaban Delmas đã đệ đơn từ chức để ông Pompidou có thể chọn một nội-các mới theo ý riêng của ông.

Ông Chaban Delmas là một nhà chính-trị lão thành của Pháp và đã theo tướng De Gaulle ngay từ thời

kỳ De Gaulle lãnh đạo phong trào kháng Đức. Năm 1944, khi Pháp được giải phóng, ông Chaban Delmas đã được phong làm Thiếu-tướng lúc mới 29 tuổi. Suốt trong thời gian De Gaulle cầm quyền, từ 1958 đến 1969, ông Chaban-Delmas đã giữ chức vụ Chủ-tịch Hạ-viện. Khi Pompidou lên thay thế Tướng De Gaulle, ông Chaban-Delmas được cử làm Thủ-tướng. Trong những tháng gần đây đã có nhiều phong trào tố ông trốn thuế và nhiều người trong các đảng tả phái đã đả kích ông nặng nề. Để bảo đảm thắng lợi cho đảng của mình, ông Pompidou đã quyết định cử ông Pierre Messmer làm Thủ-tướng. Với sự ra đi của ông Chaban Delmas và với sự bổ nhiệm ông Messmer người ta thấy Tổng-thống Pompidou mỗi ngày một đi xa chính-sách của De Gaulle. Tuy Messmer cũng đã theo De Gaulle ngay từ lúc đầu, nhưng ông không phải là một chính-trị-gia. Trước kia ông Messmer làm Thống-đốc thuộc-địa ở Phi-châu. Sau đó ông được De Gaulle cho nhảy dù xuống Lạng-sơn hầu tìm cách tái chiếm Việt-nam và ông đã bị Võ Nguyên Giáp cầm tù. Với Messmer trong chức vụ Thủ-tướng, ông Pompidou muốn thành lập một nội các của kỹ-thuật-gia hơn là của chính-trị-gia. Người ta cho rằng ông Messmer sẽ chú trọng trước nhất tới vấn đề nghiên-cứu khoa-học và tăng cường quân-sự để đuổi theo đà tiến bộ của các nước tiên tiến khác.

Cũng trong ngày 5-7, tại Nhật đảng Dân-chủ Tự-do đã bầu ông Tanaka, Tổng-trưởng Thương-mại, làm Chủ tịch. Vì đây là một đảng cầm quyền nên ông Tanaka đương nhiên nắm chức vụ Thủ-tướng Nhật thay thế ông Sato. Ông Tanaka đã được 156 phiếu vào vòng đầu, và 282 phiếu vào vòng hai, trong khi Ngoại trưởng Fukuda được có 150 phiếu và 190 phiếu.

Ông Tanaka có đầu óc khuynh tả nên khi ông được cử làm Thủ-tướng người ta cho rằng ông sẽ được các đảng tả phái Nhật chấp nhận dễ dàng hơn. Hơn nữa, người ta tiên đoán rằng ông sẽ xúc tiến việc mở rộng bang giao với Trung-Cộng, điều mà Thủ-tướng Sato tỏ ra hết sức ngần ngại trong năm vừa qua. Ông Tanaka năm nay 54 tuổi và là vị Thủ - tướng trẻ nhất trong lịch-sử Nhật. Ông xuất thân từ một giai cấp nghèo và tự lập nên sự nghiệp. Việc đảng Dân-chủ Tự-do chọn ông thay vì chọn ông Fukuda chứng tỏ rằng đảng này muốn trẻ-trung-hóa hàng ngũ và đồng thời tỏ ý không ủng-hộ tư-tưởng của cựu Thủ-tướng Sato, người hết lòng bảo trợ Fukuda, vì ông Sato đã liên-kết quá chặt chẽ với các giới kinh-tài.

TỪ MINH

HỘP THƯ

— *Tạp chí Bách Khoa* đã nhận được những bài của quý bạn sau đây

Nguyễn Tiến Cung (thơ), Ngô Hát Tuyển (thơ), Kỳ Hoàng (thơ), Tổ Diễm (thơ), Huỳnh Châu Sơn (thơ), Lê Nguyên Ngự (thơ), Dã Nhân (thơ), Nhã Châu (thơ), Phan Thành Trung (Một nơi nào đó), Võ Ngôn Ân (thơ), Ý Yên (thơ), Nguyễn Tịnh Yên (thơ), Kỳ Lê Văn (thơ), Nhã Nam (Tự trường sau), Đặng Kim Chân (thơ), Võ Duy Chung (thơ), Kha Thụy Trầm Vi (thơ), Phan Hy (thơ), Hoàng Lộc (thơ), Thùy Linh (Khúc buồn thân phận), Nguyễn Minh (Điện Tử và Y khoa), Chính Thuần (thơ) Phạm Trương Ly (thơ), Đan Khê (Quay Lưng), Trà Cát Miên (thơ), Nguyễn Tường Văa (thơ), Trần Huyền Thoại (thơ), Nguyễn Đình Chiến (Ngõ hẹp, thơ), Trần Dza Lữ (Hỏi Huế, người xưa nay đâu ? Trên giòng sông Mỹ Chánh thơ), Hoài Ziang Duy (thơ) Hàn Song Lệ (thơ), Hoàng Liêm (thơ), La Uyên (thơ), Thị độ opt (Tìm về đối thoại, Xe thơ), Nguyễn Miên Thượng (thơ), Trường Chinh Nguyễn hữu Việt (thơ), Trần Hoàng Vy (thơ), Phạm Tấn Hầu (thơ), Huy Uyên (thơ), Phạm Hồ (thơ), Viên hoa Cương (thơ), Từ Chương (thơ), Thái Minh Phụng (Miền đất xanh), Lê Miên Tường (Bi kịch), Hứa Hoành (Những người Trung-hoa tị nạn ở V.N. và Chiêm Thành vào cuối triều đại nhà Tống).

Những bài được lựa đăng, chúng tôi sẽ liên lạc bằng thư riêng hoặc sẽ

nhắn tin trên các số *Bách khoa* tới đây

— *Ô. Vũ Hữu Định* (Đà Nẵng) Đã nhận được thêm 4 bài thơ nữa của anh (Hồn gửi trăm nơi, Những bước chân người v.v..). Anh cứ viết tay như vậy cũng được. Sẽ lựa đăng dần và sẽ viết thư riêng cho anh.

— *Ô. Trần Huyền Ân* (Tuy Hòa) Đã nhận được và sẽ đăng. Chúc các anh vui mạnh.

— *Ô. Lê Miên Tường* (Blaio) Đã viết thư cho cô T.D. ngay về việc của anh. Còn truyện, sẽ gửi thư riêng cho anh.

Sách mới

— *Trắng như da nàng tập thơ* của Lê Phở Đức do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 44 trang, gồm 18 bài thơ, bìa của Duy Thanh. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

— *Ngọn cỏ ngậm ngùi truyện dài* của Trần Hoài Thư do Tiếng Việt xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 của tác giả đã xuất bản dày 188 trang. Giá 145đ.

PHÂN ƯU

Được tin về **THÂN MẪU** của ông Nguyễn Hữu Tài, Chánh sự vụ sở An Ninh Xã Hội Bộ Lao Động vừa mệnh chung tại Cần Thơ ngày 6-7-1972,

Xin thành thực chia buồn cùng Ông Tài và tang quyến và cầu chúc cụ bà sớm về cõi phúc.

TRẦN-ĐẠI, BÙI CÔNG CHÚ

Kế hoạch thống nhất đất nước của V.C

(tiếp theo trang 14)

song thực sự là thành phần trung lập do Pháp đề-nghị).

Thời-gian từ đình chiến tới tuyên cử ở Miền Nam nghĩa là từ bước 2 sang bước 3, không được Cộng-sản vạch rõ; có lẽ còn tùy thuộc vào nỗ lực mở rộng vùng ảnh hưởng ở nông thôn của Cộng-sản. Vì, vẫn theo kế-hoạch Cộng-sản trù định «đã tuyên-cử là phải thắng».

Một khi đã thắng trong tuyên-cử của *giai-đoạn liên-hiệp* (giai đoạn 1) thì việc chuyển sang *giai đoạn Cộng-sản nắm trọn chính quyền* (giai đoạn 2) không phải là chuyện khó khăn. Và khi đã nắm được chính-quyền ở Miền Nam thì việc thống nhất Bắc Nam vào một mối (giai-đoạn 3) chỉ là *chuyện trong nhà* !

oOo

Kế-hoạch của Cộng-sản thì như vậy nhưng việc tiến-hành lại tùy thuộc vào quá nhiều điều kiện — chủ quan cũng như khách quan, quốc nội cũng như quốc-tế — rất phức tạp ! Hơn nữa, kế-hoạch III còn có một khoen quan-trọng : đó là khoen đình chiến ; mà đã đình chiến thì đương nhiên phải đón nhận hòa - bình. Tới đây, một vấn - đề mới được đặt ra là liệu những thế-lực đã từng đứng vào hàng ngũ Đế-quốc (Cộng-sản cũng như Tư-bản và Thực-dân) trong thời-chiến có còn tiếp tục đứng nổi trước nhân-dân ta trong thời-bình hay không đề mà thực hiện chương - trình này, kế-hoạch nọ ? Chúng tôi xin nhường bạn đọc trả lời.

7-1972

PHẠM-CHI-LĂNG

KẾ-HOẠCH THỐNG-NHẤT CỦA CỘNG-SẢN VIỆT

Kế hoạch I : Giải pháp Giơ-ne-vơ (1954 — 56)

| Chuẩn bị Kế hoạch II (1957 — 59)

Kế hoạch II : Giải pháp quân-sự (1960 — 68)

|

Kế hoạch III : Giải pháp chính-trị (1969 — ?)



Giai đoạn I : Chính phủ Liên hiệp Miền Nam	Giai đoạn II : Chính phủ Cộng-sản Miền Nam	Giai đoạn III Chính phủ C.S. thống nhất toàn quốc
---	---	--

- Bước 1 : Chính-phủ Sài-gòn cải tổ
- Bước 2 : Chính-phủ Hòa-hợp Dân-tộc 3 thành phần
- Bước 3 : Chính-phủ chính thức Miền-Nam